

ĐINH KHANG HOẠT

Tự Dục Khang
Sinh quán: Ninh Bình, VN.

* Nguyên giảng-viên:

- Chính Trị tại Trung Tâm Biệt Chính/XDNT (1964-1967, Vũng Tàu)
- Ban Cao Đẳng Sư Phạm Nông - Lâm - Súc (1971-1973)
- Thanh Tra Nha Học Vụ Nông Lâm Súc/Sàigon, (1971-1973).
- Chương trình GED thuộc Đại Học Cộng Đồng Portland (PCC - 1994)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Việt Sử Trường Ca (1994).
- Vấn Đề Văn Hóa Việt (Viết chung với Hoài Nguyên, 1994).
- Tiếng Việt (1997).
- Tinh Hoa Sử Việt (1999).
- Tiếng Việt Dề Học (Tập I & 2, 2002).
- Điểm Sách “Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam, 2002.
- Con Đường Cách Mạng Việt - I (2003).
- Bàn về Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo (2004).
- Con Đường Cách Mạng Việt - II, 2006 (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt).
- Những Tính Tốt & Xấu của Người Việt (viết chung với Ts. VõQuí Hân, (2005).
- Tìm Hiểu Kinh Dịch, (2007).
- Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc (2008)
- Hai Dòng Văn Chương Việt: Bác Học & Bình Dân, (viết chung với Ts. VõQuí Hân, (2009)
- Tết (viết chung với Đinh K. Thanh Hà, (2009).
- Bản Sắc Việt Nam, (2010)
- Thời Cuộc ViệtNam & Thế Giới (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt) 2010.
- Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt (2011)

BÁO CHÍ:

* Chủ Nhiệm:

- Nguyệt San LUỐNG CÀ Y (1963)
- Nguyệt San CHÍNH KHÍ (1984)

* Chủ Bút:

- Nguyệt San DÂN Ý (1995)

Đạo Sống Việt

Tìm về Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt) * Đinh Khang Hoạt

Đinh Khang Hoạt

Tìm về
Đạo Sống Việt
(Lòng nhân ái Việt khác với
từ-bi & bác-ái))

Đinh Khang Hoạt

*Nêu lên những khuyết điểm không có nghĩa
là đổ kị, chia rẽ, mà để cùng thấy những sai
lầm, hân chung sống trong hòa hài.*

(Danh ngôn)

"Rằng trong lẽ phải, có người có ta".

(Tục ngữ)

There is nothing powerful than truth.

(Không có thế lực nào mạnh hơn sự thật)

(Daniel Webster)

Tìm về Đạo Sống Việt

(Minh Triết Việt),
[Lòng nhân ái Việt khác với
từ-bi & bác-ái]

Dũ Đình Khuê

Trình bày bìa

*Kính dâng Tổ Quốc Việt Nam
Ơn sinh thành của Cha mẹ.*

Con: Đình Khang Hoạt





*Cho lúa ngập vàng đồng, nông vàng kén
Cho trắng trong, gió quạt sáo diều on
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù...
(Sinh Thành)*

Thay Lối Tựa

Hơn bất cứ lúc nào, hiện nay nhân-loại sống trong sự đe-dọa, có thể bị tiêu-diệt vì những phát-minh vũ khí tân kỳ!

** Khoa-học và kỹ-thuật tiến-bộ một cách mau lẹ, trong khi đó tiến-trình dân chủ và nhân chủ lại ỉ-ạch như chiếc xe bò lăn trên đường giốc đá gồ-gề!*

** Những tranh-chấp quốc-tế về quyền lực và quyền lợi vẫn tiếp-diễn dưới nhiều hình thức!*

** Con người vẫn còn lầm than, thống khổ vì sự tiến hóa nhân loại chưa đi đôi với sự tự giác trước thời-đại, chưa phản-tỉnh về quá khứ, chưa phản quang đối với vũ trụ, và một tiến hóa về tương lai!*

** Người dân vẫn chưa có cơ-hội đồng đều để ý thức được quyền lợi và nghĩa-vụ!*

** Nền kinh-tế vẫn còn bị lũng-đoạn trong tay một cá nhân hay bè nhóm!*

** Đời sống tinh-thần của con người vẫn còn bị hoang-mang trong những lồng chup vũ-trụ-quan siêu-hình, và bị lợi-dụng bởi các tay “phù thủy” tâm linh hoàn vũ!*

** Trong khi đó, thảm thay: Nhân quyền”, “Dân quyền”, “Nhân đạo”, “Bác ái” “Hòa bình”, “Thương thuyết”, và biết bao danh-từ hoa-mỹ khác lại được cổ-động, hô-hào âm-ĩ, trên thực-tế chỉ là những tiếng vang vọng từ đáy vực!*

Đã đến lúc:

- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi phục bản-vị “Người” sánh cùng Trời - Đất (Tam Tài).

- Tự tu, tự tạo nhìn thẳng vào thời-đại với suốt mặt và tập-đại-thành các tư-tưởng để tháo gỡ những nút biến, khai-thông cho thế-hệ tương-lai.

- Giải-phóng con người khỏi thân nô-lệ, không những trong lối sống, mà ngay trong lối cảm nghĩ, lẽ ra phải thiết-lập được nền nhân chủ ngay trong đợt cảm nghĩ - “Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “Ni Dieu, ni loi”, không thần-linh, không luật-pháp, vì hễ theo “nhân chủ” thì đạo sống lấy tiêu-chuẩn nơi con **NGƯỜI**.

- Giác-ngộ triệt để về “nhân chủ”; mọi kiến thiết cần đặt trên “nhân bản” mới có thể đem lại an bình cho nhân loại.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.

- Trở về với “Đạo Sống Việt” để phục-hồi và ứng dụng điều “thương người như thể thương thân”, không điều-kiện, không giáo-điều, không lý-thuyết xuông, thì cuộc sống mới thực sự an lành, và thực sự thanh-bình.

Dân Việt đã trải quá nhiều đau thương của các thời đại!

Hết “du mục xâm lấn”, tiếp “thiên triều chủ nghĩa”, đến “xâm lược đồng hóa”, rồi “thực dân đế

quốc”, đến “Xã hội chủ nghĩa”, “dân chủ tự do”

Tất cả chỉ là những lớp sơn của thời-đại. Chúng đã làm mờ đi những nét son đáng giá và đích-thực trong nếp sống nhân bản, tràn đầy tình người.

Chỉ cần nhắc lại 15 đức tính truyền-thống tiêu biểu của người Việt:

- 1- Hiện thực với siêu nhiên là một.
- 2- Linh động hóa (không cố-chấp).
- 3- Vũ-trụ - con người - xã hội thống-nhất.
- 4- Lạc-quan về đời sống.
- 5- Tư duy đối ứng (Lý tương đối).
- 6- Lòng hiếu đễ.
- 7- Nền luân-lý bình dân.
- 8- Nghĩa vuông tròn.
- 9- Nghĩa tao khang.
- 10- Tinh thần bao dung (nhân ái).
- 11- Tính tích cực đấu tranh.
- 12- Lòng kiên nhẫn.
- 13- Tinh thần “vì nhi vô vi”.
- 14- Tinh thần thắng-hoa.
- 15- Óc thực tế.

Đủ để làm “kim chỉ nam” cho chúng ta xây-dựng một xã-hội hòa-hài, một tương-lai tốt đẹp cho đất nước.

Khởi Hạ, Canh Dần, 2010.

Cẩn đề,
Đinh Khang Hoạt

Từ nguyên-lý này, rút ra hai nguyên-tắc:

* Tư tưởng - thiên-nhiên và xã-hội tác-dụng
hỗ-tương.

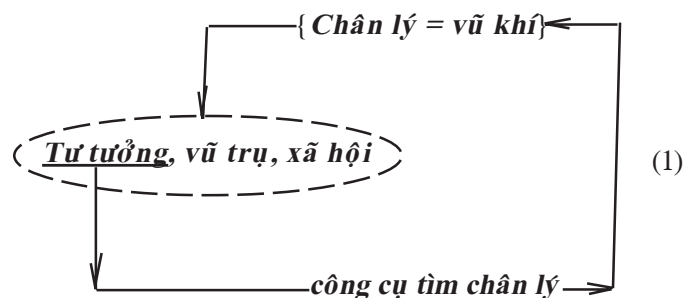
* Không thể tách rời 3 phạm-trù đó, để chỉ
nghiên-cứu độc nhất một phạm-trù.

Tư-tưởng, vũ-trụ và xã-hội thống nhất, là
nguyên-lý thứ nhất của sự học hiểu. Nó là một bổ
đề của “*nguyên lý tổng thể*”, một trong những nguyên-
lý tổng-quát của khoa-học trí-thức áp-dụng vào việc
học, hiểu.

Tư-tưởng:

- Vừa là phản-ảnh của vũ-trụ và xã-hội;
- Vừa là công cụ và vũ-khí tinh-thần;
- Cấp-dưỡng năng-lực cho loài người trong quá
trình sinh-hoạt đấu tranh.

- Tuyệt đích công-tác của tư-tưởng là tìm tòi
chân lý, mà nhu dụng là chìa khóa để:



1- Vô Ngã Phạm Khắc Hàm, Bản thảo “*Triết Lý Lý-Đông A*”, năm
1997.

Chương Dẫn Nhập

Lược Tóm Ba Chủ Nghĩa

Duy Tâm - Duy Vật và Duy Sinh.

*Cần hiểu nghiệm dĩ vãng,
và hiện tại để đặt định tương lai.
Châm ngôn.*

Danh từ “*chúng sinh*” của Phật giáo gọi chung cho tất cả “*động vật*” (gồm cả con người). Riêng “*con người*” phải nói thêm là “*Động vật có tư tưởng*”. Có tư tưởng là có suy nghĩ, nhưng nếu suy nghĩ chỉ vụn-vặt, thì chỉ tạo nên những hành-động rời-rạc, nói cách khác chỉ là những động tác, cử-chỉ “*không đâu*”!

Suy nghĩ cần rõ-ràng, kết-hợp thành một chương-trình. Chương-trình càng cao rộng, mức-độ phổ-quát càng liên-hệ đến nhiều lãnh-vực trong cuộc sống.

Thực-tại cho ta thấy hiện-tượng sống bao giờ cũng được sản sinh ra bởi ba phạm-trù: *Tự-nhiên, xã-hội và tư tưởng. thường-xuyên vận-động và kết-hợp.*

Tất-cả những hiện-tượng nào không do con người chủ động tạo ra thuộc phạm-vi tự nhiên. Con người sống trong xã-hội, những hiện-tượng nào do sự vận-động và kết-hợp của người này với người khác thuộc phạm-trù xã-hội. Những hiện-tượng nào khởi-điểm từ những sinh-hoạt liên-quan đến tinh-thần của con người thuộc phạm trù “*tư tưởng*”. Thực-tại cho thấy đời sống con người có tương-quan chặt-chẽ với vũ-trụ (thiên nhiên), đồng thời thường tiếp-xúc với tha nhân trong xã-hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn-luôn nhờ tư-tưởng dẫn-dắt trong mọi hoạt-động.

Do đó, luật tắc của ba phạm-trù “tự nhiên”, “xã-hội” và “tư tưởng” cộng thông với nhau là một sự vận-động kết-hợp và thống-nhất.

và chủng tộc. Nếu nắm giữ thiên lệch, vật chất sẽ được siêu hình hóa và kết thành “*duy vật chủ nghĩa*”. Tiền đề tối định của duy vật chủ nghĩa là *vật chất vạn năng*. Phát xuất tối sơ và cứu cánh vũ-trụ đều do vật chất kiến lập .

Sang công cụ lý luận, duy vật phái thiên về động mà thành lập “*duy vật biện chứng pháp*”. Nhận thức luận chỉ biết có khách-quan mà không cần đến chủ-quan.

Sang diễn-dịch về thuần-túy lý luận, duy vật phái mang tự nhiên khoa học (science de la nature) áp dụng một cách không tiến hóa vào đời sống xã hội. Vì tin tưởng tuyệt đối vào vật chất, nên chỉ đề xướng có thể lực và quyền lợi (force et droit). Xã hội lý tưởng rập mẫu theo *nguyên thủy cộng sản và theo tự nhiên kinh tế*. Thực ra, thời đại cộng sản nguyên thủy còn theo mẫu hệ, di-tích của nguyên lai xã-hội và chưa có mô-hình tổ-chức xã-hội của loài người. Còn bốn chữ tự nhiên kinh tế tự mâu-thuẫn. Kinh-tế bao giờ cũng bao-hàm một thủ-đoạn *nhân vi*, trái ngược với hai chữ *tự nhiên*.

Triết học duy vật cứ vào lý-tưởng mô hình đó là điều nhằm lẫn. Quan niệm quyền lực và quyền lợi mang đến sự phân chia giai cấp mà duy vật biện chứng lấy làm công cụ đấu tranh. Trung-tâm luật-tắc lịch sử là sự tiếp tục đấu tranh giai-cấp không ngừng!

Luận về tính con người, *tính vốn ác*. Trên thực tế lý luận, chính trị là mặt nạ bóc lột giai-cấp, quốc gia là công cụ đấu tranh giai-cấp.

Cách mạng luận đưa ra mấy điều:

- Giai-cấp lao-động cách-mạng đưa đến độc-tài

* Khai mở,

* Khám phá những luật-tắc căn-bản mà ta cần nắm giữ và vận-dụng làm vũ khí, và công cụ tinh thần cho sự sinh tồn của nhân loại.

Qua biểu đồ cho thấy lộ-trình ứng-dụng, hiệu năng và tác-dụng của tư-tưởng vào vũ-trụ, xã-hội và chính bản thân mình.

Lộ-trình khởi đầu từ tư-tưởng để quay trở lại tư tưởng qua tổng thể [*tư-tưởng - vũ-trụ - xã-hội*], đưa tổng thể này lên một trạng-thái cao hơn.

Trên lộ-trình phát-triển, tư-tưởng là công-cụ tìm chân lý (*tức là quy luật của thiên nhiên, của xã-hội, của tư tưởng*.)

Quy luật về thiên-nhiên cung-cấp công cụ tác-dụng vào vật chất. Quy luật về tư-tưởng cung cấp công cụ tinh thần;

Cuối lộ-trình của tư tưởng là tổng thể [*tư-tưởng - vũ trụ - xã-hội*]. Tư-tưởng tác-dụng vào tổng thể, nâng từ trạng-thái thấp lên trạng-thái cao hơn. Do đó chu trình của tư-tưởng là một vòng tròn xoay tròn ốc có nút tết.

Cho nên đứng trước cửa ngõ thời-đại mới, cần đi đến một phán-đoán tối hậu, tức là:

* Đem tri thức của loài người đối chiếu với sự thực bộc-lộ,

* Để xác định cái luân-khoách (*giới hạn lãnh vực*) của chân-lý.

Lịch-sử nhân loại xưa nay đã có biết bao nhiêu tư-tưởng. Nhiều tư tưởng đã làm căn-cơ cho tông-giáo, làm nền-tảng cho cương thường đạo lý, làm

khuôn thước cho các tổ-chức, đoàn-thể, làm căn-bản, đường lối cho những giao-tế, vận-động, tuyên-truyền,...¹

Diễn-hình các hệ tư tưởng lớn như: Duy Tâm (Duy thần), Duy Vật, Duy Sinh, Duy Thức, v.v....đã gây nên những biến-cố vĩ-đại trong lịch-sử nhân loại.

A/ **Duy Tâm**: Thực ra phải gọi là “Duy Thần”, vì *Duy tâm tư tưởng* phát-sinh do sự nhận định bản lai muôn sự, muôn vật là do một đấng thiêng-liêng tạo dựng. Đấng thiêng liêng này (Thần) là một phạm-trù “*siêu hình học*”, không thể lấy khoa-học gì mà kiểm-nghiệm được. Trong bản-thể lý-luận về “thần”, ta có thể lấy câu chuyện ông Thomas D’Aquain dạo chơi trên bờ biển gặp chú bé múc nước đổ vào lỗ hà, đổ ngần nào, cát ngấm ngần ấy, nên ông mới nói: “Sao em làm công việc dơ-dại như vậy!” Em bé trả lời: “Cũng không điên rồ bằng lúc nào ông cũng cố công mất sức tìm-tòi cái bản thể của trời đất, vì bản thể đó bất khả tri, bất khả luận.”

Ta thấy phạm-trù “thần” cũng chỉ ngang hàng với “vật chất”, vì tinh-thần là do sự tích-lũy lâu dài của kinh nghiệm, hành-động và trí-thức của loài người.

Về lý luận, Duy Tâm phái chủ-trương diễn-dịch hơn là quy-nạp. Phương-pháp lý-luận thường diễn giải làm “tam đoạn luận”. Mãi đến thế kỷ thứ XVIII,

1- Ngày nay, qua Khảo cổ học, Địa chất học đã chứng minh trái đất đã có hàng tỷ tỷ năm trước và các động vật, thực vật đã do môi trường thiên nhiên đặc biệt cùng các chất amonia-acids,...mà tạo sinh muôn loài, nói cách khác như Phật học đã nói: Vạn vật do trùng trùng duyên khởi. Tương tự, Lão Tử nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo...”

Hégel mới tu-chỉnh mà đặt ra “Duy Tâm biện chứng pháp”. Song đặc-điểm vẫn cho rằng “mọi sự biến đổi đều tùy theo tinh thần tuyệt đối.”

Diễn dịch sang phần xã-hội, duy tâm phái vì y-cứ vào sự sắp đặt sẵn của đấng tối cao “thần” nên mọi người đều phải phục-tòng; Trung tâm luật tắc trên lịch-sử học: “*Lịch sử là biểu hiện của ý chí tối cao.*”

Luận về **tính** thì cho rằng *tính con người vốn thiện*, áp-dụng sang thực-tiễn lý luận thường thiên về giáo dục, lấy nhân nghĩa làm chủ động trong cải-cách kiến-thiết xã hội.

Hiệu-quả của lịch-sử và văn-minh lý luận đưa đến *định mệnh* chủ-nghĩa!

Văn minh luận chú trọng sự biểu-hiện đức tính hơn hưởng thụ.

B/ **Duy Vật**: Tối cao căn cứ là vật chất (matière). Nhưng thế nào là vật chất? Kiểm-thảo bằng tiến hóa khoa học, ta khám phá ra nguyên-tử, điện-tử, lượng-tử, năng-tử... Từ chỗ cực vi đến vũ trụ, hai thái cực để đối-chiếu lẫn nhau, làm ta không quyết định được tính-chất tuyệt đối của vật chất làm tối cao căn cứ.

Trong lịch sử nhân loại, khi con người tiến từ thời kỳ thần tặc sang đế tặc, danh tặc, lý tặc, sự khám-phá luật tắc nghiêm-ngặt khách-quan của vũ-trụ là điều-kiện chủ-yếu nắm giữ chân lý. Sự sùng bái lý tắc làm nảy-nở ra chủ nghĩa “duy vật”. Dem phạm-trù “vật” đặt định vào công-thức nghiên cứu, vật chất hoạt-động phải bình quân giải quyết với tinh thần

mà hết thấy các vận-động của loài người, duy tâm, duy vật với duy sinh chỉ là những điều-kiện với phạm-trù tự nhiên thấm thấu vào sinh hoạt mà phát sinh.

- Sự tìm hiểu của loài người, y quy vũ trụ của tinh thần trên quá trình khám phá và khai quật vũ trụ làm đề-uẩn để sống còn.

Phát sinh điều kiện của loài người đang vật lộn khỏi sự “trói buộc” tinh thần về “vũ-trụ quan”.

Sở dĩ mệnh-danh là Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh là do đối-tượng tối cao của mỗi triết-học là “tâm”, là “vật” hay là “sinh” mà xây-dựng lý-luận và ứng-dụng.

Trên quá-trình lịch-sử nhân loại cũng như lịch-sử tôn giáo, ta đã thấy những thất bại của ba nền triết học trên.

Sử mệnh của con người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người và cho người chứ không phải vì sự, vì vật, vì thần linh.

Loài người là thể sống tự trị trong vũ-trụ, cho nên những luật-tắc vũ-trụ muốn chuyển dịch sang nhân loại đều phải tu-chỉnh một cách thức giác (“*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*” là ý nghĩa đó).

Tương-tự trong “*nhân chủ*”, tác-giả đã viết, “*Nếu khởi từ thần thoại “thiên” thì thần thoại làm vua, làm trung tâm điểm, con người bị đẩy ra ngoài ; khởi từ địa cũng thế, con người cũng bị chà đạp. Chỉ khởi từ con người, con người mới được làm trung tâm.*”

Chính các hệ thống tư tưởng thiên lệch và độc tôn như Duy Tâm, Duy Vật, Duy sinh mà gây nhiều tội ác.

vô sản.

- Chủ-lực cách-mạng thuần túy vô sản.

Theo Marx thì xã-hội sẽ đi đến cao độ cộng sản, mà con người vô sản trần truồng sẽ nắm giữ chính quyền.

Về lịch sử luận, lịch sử chỉ là một sự tiến hóa cơ giới của các điều-kiện vật chất của thời đại. Về vận mệnh luận, tất-nhiên duy vật đi tới xã hội và vũ trụ định mệnh chủ nghĩa bằng viễn ảnh đẹp-đẽ, một xã-hội vô giai cấp để đoàn kết chặt-chẽ đấu tranh với trở ngại tự nhiên, đến sự phân chia giai cấp mà duy vật biện chứng lấy làm công cụ đấu tranh. Trung-tâm luật-tắc lịch sử là sự tiếp tục đấu tranh giai-cấp không ngừng!

C/ Duy sinh phái: Nguyên lai phái này chưa thành hẳn hệ thống, cho nên muốn phân-tích cần phải phát quật trong các sách có những bộ phận thiếu sót để bồi bổ thêm vào. Trong sách “*Chu Lễ*”, thiên “*Đại Đồng Lễ Vận*” có câu “*thiên đạo duy sinh, hay thiên đức hiếu sinh*”, có thể lấy làm danh tắc được Tôn Văn thành lập “*Tam Dân*” chủ nghĩa. Trong bộ “*Kiến Quốc Phươg Lược*”, thiên “*Tâm Lý Kiến Thiết*” có đặt để một cách “*bất tri giác*”, là cái nhúm đầu của “*duy sinh chủ nghĩa*” là *sinh nguyên (cellule)* làm căn-cứ tối cao. Thực ra nó chỉ là một “*tế bào*”, song muốn biểu-hiện hết ý nghĩa triết học của nó, Tôn Văn cho *sinh nguyên là cái thể thành tựu vũ trụ, xã hội!*

Trong triết học sử, phạm-trù “sinh” này thường lẫn lộn trong hai thời lý “danh tắc” và “lý tắc”. Trong sự đấu tranh của hai trận doanh của “duy tâm” và “duy vật” mà bật ra thứ triết trung-bình-diện “duy sinh”.

Nếu đem phạm trù “sinh” để nghiên cứu, ta

thấy “duy sinh” chỉ chú-trọng về những hiện-tượng vật chất sinh hoạt trong vũ-trụ, điều-kiện nhân chủng hoạt-động trong xã-hội bị siêu-hình-hóa đi thành ra vũ-trụ-quan. Cho nên tiền đề tối định là sinh tồn, vận-động và xuất phát tối sơ là sinh thể (être et vitalité).

Sang công cụ lý luận, ta có thể phát quật trong kinh Dịch một công-cụ biện-chứng cho duy sinh phái:

* Về vũ trụ luật tắc, có thể lấy câu: “âm dương tương ma, bát quái tương thành...” (khí âm, khí dương cọ sát mà thành ra tám quẻ, tám quẻ biến hóa mà thành ra vạn vật.)

* Vào xã-hội, lấy câu “hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, nhi nhiên hậu hữu phu phụ...(có trời đất mới có vạn vật, và sau đó có vợ chồng).

Sang phần diễn dịch, phái “duy sinh” phải mang luật tắc âm dương của vũ-trụ áp-dụng vào xã-hội để thành lập một thứ Freudisme (*Kiên giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...*). Còn trung tâm luật tắc là cầu sống còn. Luận về tính người cho rằng loài người là tinh thần phối hợp với vật chất.

Về thực-tiễn lý luận, bàn về chính trị, “duy sinh phái” chủ trương chủng tộc và giáo dục .

Về kiến thiết luận, theo thực-dụng chủ-nghĩa, chủ trương kiến-thiết giai-đoạn luận: quân chính, hiến chính.

Về quan-niệm lịch-sử, theo lý luận nhà Nho cũ. Bản thể là chủng tộc, song sự xấu - tốt một phần lớn do người lãnh đạo quyết định.

Về vận-mệnh luận, theo lối số học lý tắc (Logistique) phân chia âm dương như trong kinh Dịch.

Về văn minh luận, văn minh là sự phát-hiện năng-lực tối cao sinh tồn của chủng tộc.

Sau khi đã kiểm-điểm ba chủ nghĩa trên, ta thấy:

- Mỗi chủ nghĩa đều xây đắp một nền tảng triết học trên một quan-niệm về vũ-trụ.

- Phạm-trù vũ-trụ-quan thường thiên về siêu hình mà thiếu mất khoa-học thực-tiễn.

- Mỗi triết-học chỉ nghiên-cứu một điều-kiện hoạt động của xã-hội, như thế chỉ nắm giữ được một mặt, mà không tung hợp được toàn thể sự thực, Cho nên một chủ nghĩa mới để được xứng đáng làm tiêu-chuẩn cho nhân sinh vạn cổ phải chú trọng vào:

* Giải phóng cho loài người khỏi bóng tối siêu hình của vũ trụ quan, và tỏ ra rằng loài người là một thể sống đặc biệt, một vũ-trụ đơn độc tự trị trong vũ trụ toàn thể, khác với sự vận động của vật chất.

* Quyết định hẳn cái chân lý, lấy chân lý làm y quy cho đời sống tinh thần và nền tảng cho đời sống thực tiễn. Sự quyết định một chân lý cần yếu cho loài người để đi đến sự thành thực giác ngộ.

* Tập đại thành tất cả các ngành, ngọn, học, hiểu từ xưa tới nay để đặt định vấn đề nào vào địa vị ấy.¹

Ngoài ra, đối chiếu vào thể sống của loài người, từ xưa đến nay chẳng bao giờ có đời sống loài người thuần túy duy tâm, duy vật hay duy sinh,

1- Cùng nhà biên soạn, “Con Đường Cách Mạng Việt, Dẫn giải theo Lý Đông A” , xuất bản 2003.

giọng điệu kiêu-căng, phô trương sức mạnh dân số của hơn tỷ người...

Trong các chi lưu lớn triết học trên, ta thấy có những tư tưởng đứng vào một môn học, như khoa học chủ nghĩa, nông nghiệp chủ nghĩa,...



Sang đến tiền bán thế-kỷ XX có 3 xu hướng:

1. Quốc tế cực quyền chủ nghĩa (trực Phát xít = Totalitarisme international)
2. Quốc tế tư bản chủ nghĩa (Capitalisme international).
3. Quốc tế cộng sản chủ nghĩa (Communisme international).

Sự đấu tranh gay-gắt của hai mặt-trận chủ - động cực quyền và tư bản bằng tiêu-hao giết tróc, làm cho dù bên nào thắng lợi trên chiến tranh cũng thất bại đau đớn trên hòa bình.

Triết học duy tâm cắt nghĩa cuộc chiến tranh này là do dân tộc tính ăn cướp của Đức, Ý, Nhật gây nên. Triết học thực dụng của phái duy sinh cho là các nước dân chủ ăn no quá, quên cả phòng-bị mà gây nên. Riêng phái duy vật cho, và dự báo bốn nguyên nhân:

- * Đế quốc chủ nghĩa mâu-thuẫn với đế quốc chủ nghĩa.

- * Đế quốc chủ nghĩa mâu-thuẫn với dân tộc bị bóc lột.

- * Tư bản chủ nghĩa mâu-thuẫn với Tô Nga.

- * Đế quốc chủ nghĩa từ trong nội bộ có tư bản giai cấp mâu-thuẫn với vô sản giai cấp.

Kết cục, phe Phát Xít Đức, Ý, Nhật đã chiến bại. Chế Độ Nhị thế chiến để lại những kinh-nghiệm:

- * Chiến tranh càng ngày càng có tính cách toàn thể thế-giới. Với những tiến bộ về khoa học và mối liên-hệ về kinh-tế, quân-sự. Nếu xảy ra cuộc chiến, ít nước có thể đứng ngoài vòng chiến.

Sự thất bại trên cơ-bản lý luận của Duy Vật triết học ở ngay sự vận dụng biện chứng duy vật sai khớp với lịch sử. Sự thất bại trên thuần túy lý luận của duy vật triết học ở ngay sự mù-mờ về bản thể nhân loại trên kiến-thiết. Sự thất bại trên thực tiễn lý luận của duy vật triết học ở ngay sự thất bại của Cộng sản cách mạng 1917. Cộng sản chủ nghĩa chỉ là lý tưởng quá độ của vô chính phủ chủ nghĩa, cũng như không thể có được chủ nghĩa cộng sản thuần túy bởi nhân tính và bản thể của loài người. Sự lôi cuốn vào chiến tranh, sự phân hóa trong nội bộ, sự miệt thị các phân chi bộ, sự xâm-lược các dân tộc nhỏ yếu chung quanh... Tất cả những yếu-tố này đã đưa dần đến sự cáo chung của Cộng sản Liên Xô vào hậu bán thế kỷ XX.

“Nói đến Duy Sinh, lý-luận Tam Dân lấy “sinh nguyên” làm căn-nguyên vũ-trụ. Sinh nguyên thực ra chỉ là cái “Tế bào” của hữu cơ sinh vật. Nói cách khác, sinh vật là khởi điểm của triết học duy sinh. Trung tâm quy luật “cầu sinh mục đích” là tối cao tiêu điểm và vận động của xã hội nên không có tác dụng quyết định cho tiêu chuẩn chân lý loài người. Loài người cố nhiên phải sinh sống, nhưng mà sinh sống phải là điều kiện thẩm thấu và thông qua một nền-tảng nào? Cầu sinh trên thuần túy cầu sinh không phải là chân thực mục-đích của loài người, mà chỉ là chân thực mục-đích của hạ cấp động vật. Duy Sinh quy định Lễ vận bằng câu: “Thiên đạo duy sinh”. Kiến trúc của lý luận Duy Sinh từ xưa phát khởi bằng lý luận lưỡng nguyên “âm” và “vật”. Lễ vận (Lễ Nhạc quan của lịch-sử Nho gia)

là nhân trị chủ nghĩa, chỉ là một triết trung-bình-diện. Chủ nghĩa Tam Dân của Tàu đem những cái thành tựu của đời, tu chỉnh lại, bổ sung vào thực tiễn lý luận của truyền thống Hán tộc.

“Nên thực tại đã không khám phá ra “duy nhân nhất nguyên trên nhân bản) mà vẫn khư-khư “chủng tộc thiên triều chủ nghĩa” và trên cơ bản lý luận không chối bỏ được duy sinh dung tục!”¹

Sang đầu thế kỷ XXI, về hình thái, có năm xu thế:

* Thế quyền (Tư bản quân công siêu kỹ thuật), vì quyền lợi mà xung-động với thần quyền (khối Hồi Giáo quá khích - Ả Rập).

* Thần quyền xung khắc với thần quyền (bị thế lực trong bóng tối đẩy đưa, gây chia rẽ, chống đối).

* Hướng tâm vận động đi đôi với “tập đoàn an toàn” từng khối, từng Châu.

* Lợi dụng sự bối-rối của Hoa Kỳ ở Trung Đông, Bắc Âu... Trung Cộng, hậu duệ truyền kiếp “thiên triều chủ nghĩa”, mạnh dạn xâm lăng, đàn áp các nước tiểu nhược tại Đông Nam Á và uy hiếp Úc Châu.

Những tiếng nói nhân danh hơn tỷ dân Trung Hoa đầy thách-đố, chắc-chắn không phải phát-xuất từ ý thức đấu tranh cho dân chủ, tự do, nhân bản. Thực tế, người ta nhìn thấy khía cạnh “vị tộc” trong

1- Lý Đông A, Xuân Thu trang 102-106 trong tập Huyết Hoa, Nhà xb. Gió Đáy.

nghiệp vương cũng có thể làm được, chứ nghiệp bá vẫn còn nhỏ đấy. Cảnh Công nghe xong, lấy làm bằng lòng.

Sau trở về nước Lỗ, học trò theo học càng ngày càng đông. Tuy vậy, vua nước Lỗ vẫn không dùng ông.

Năm 35 tuổi (517 trc. C.N.), vì nước Lỗ loạn lạc, Khổng Tử bỏ sang Tề. Ở đây, bắt đầu học nhạc Thiệu, và bị quan đại phu là Án Anh dèm pha, vua Tề không dùng Khổng Tử.

Cho đến năm 50 tuổi, vua Lỗ mời Khổng Tử giữ chức Trung Đô Tể, ví như kinh thành thủ doãn, sau một năm lên chức đại tư khấu (*hình bộ thượng thư*). Được 4 năm, lại được cử làm nhiếp tướng sự, quyền nhiếp việc chính trị trong nước.

Sau vua Lỗ bị kế phản gián của nước Tề, bỏ bê việc triều chính, thầy trò Khổng Tử rủ nhau bỏ Lỗ sang Vệ, rồi sang Trần, sang Tống; tiếp lang-thang sang nước Trịnh (phía bắc Hồ Nam bây giờ). Sau lại trở về Vệ vào lúc đã 63 tuổi.

Khổng Tử qua đời (năm 474 trc. C.N.), ngày Kỷ Sửu, năm thứ 16 đời Lỗ Ai Công.

Khổng Tử sinh Lý tên tự là Bá Ngự. Bá Ngự thọ 50 tuổi, qua đời trước Khổng Tử. Bá Ngự sinh Cấp, tên tự là Tử Tư, thọ 63 tuổi, làm sách Trung Dung....

(Trích theo “Sử Ký Tư Mã Thiên”. Nhữ Thanh dịch, nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 1988, trong phần Khổng Tử Thế Gia.).

*/ Thời Đại Tiên Tần - Thời Đại Triết Gia

Chương II

Tinh Người qua các Học Thuyết và Tông Giáo.

II-1/ Tính Người (Lòng Nhân Ái) trong Nho học:

***/ Tiểu Sử Khổng Tử: (551-474 trc C.N.)**

Khổng Tử tên thật là Khâu, tự Trọng Ni, người quận Xương Bình nước Lỗ, nay thuộc miền Sơn Đông phía bắc Trung Hoa.

Khổng Khâu mồ-côi cha khi lên ba tuổi. Thiếu thời thích chơi trò cúng tế.

Khổng Tử nhà nghèo, năm 19 tuổi mới lấy vợ, nhận chức ủy lại, coi việc thóc lúa trong kho, sau giữ sử chức, lại coi việc nuôi bò để dùng vào sự cúng tế. Được ít lâu, Khổng Tử rời khỏi nước Lỗ, bị ruồng bỏ ở nước Tề, bị đuổi khi đến Tống và nước Vệ, gặp nguy khốn ở nước Trần và nước Thái, cuối cùng lại trở về nước Lỗ.

Năm 29 tuổi đến học ở Lạc ấp là kinh sư nhà Chu, Khổng Tử đã xem xét và khảo-cứu tường-tận về chế-độ nơi miếu đường, cùng những nơi tế giao, tế xã. Tục truyền, Khổng Tử cũng đến hỏi Lão Tử về Lễ, và hỏi Tráng Hoành về nhạc.

Năm thứ hai mươi đời Lỗ Chiêu Công, Khổng Tử đã 30 tuổi. Vua Tề Cảnh Công cùng Án Anh đến nước Lỗ, Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử: Ngày xưa Tần mục Công nước nhỏ, ở nơi hẻo lánh, nhưng tại sao lại làm được nghiệp bá? Khổng Tử đáp: -Nước Tần tuy nhỏ, nhưng có chí lớn. Tuy ở nơi hẻo lánh, nhưng có nền chính trị đúng đắn. Nhà vua thân hành cử Bách Lý Hề làm đại phu, sau ba ngày nói chuyện, rồi trao chính sự cho ông ta. Nếu làm như thế thì

cho hợp thời.

- Hệ thống Mặc gia đại diện cho quyền lợi bình dân, vẫn trung thành với truyền thống, nhưng muốn trở về chế-độ thị tộc chất-phác, đơn-giản thời Hạ Thương.

- Hệ-thống Dương Chu của phái ẩn-dật phản đối chế-độ xã hội. Phái này có khuynh-hướng cách mạng triệt để, suy tôn cá nhân tự do, và thiên về thần bí, siêu-nhiên.

* / Chữ “**NHÂN**” trong Khổng học:

“Khắc kỷ phục lễ vì **nhân**” (nghiêm-trị tư dục nơi mình là khắc kỷ, hồi phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân.) dù đã được diễn rộng ra “những cơ thể nơi thân mình như: con mắt, cái miệng, lỗ tai, thân xác, đó là kỷ, muốn khắc kỷ, trước phải lưu ý ở bản thân, hễ điều gì không đúng với lễ trời tức là phi lễ, đã phi lễ tức là tư dục, nếu chiều theo, tức là không khắc được kỷ, không phục được lễ, nên phải thường hỏi trong lòng hễ có cái gì phi lễ ở trước mắt thời chớ dờm, biết được cái gì phi lễ ở bên tai thời chớ nghe, những lời lẽ gì mà phi lễ thời miệng chớ nói ra, những công việc gì biết phi lễ thời thân chớ làm. Những cái phi lễ đã đoạn-tuyệt được rồi tức khắc phục lễ (phục được thiên lý). Bỏ hết được cái trái, thời cái phải hiện ra, làm nhân đâu có khó gì? ”

“Nhân viễn hồ tai? Ngã dục nhân, nhân chí hỹ” (Đức nhân há có xa-xôi gì đâu? Hễ trong lòng ta hằng-hái vì nhân, nhân tức khắc đến ngay).

Trung Hoa:

Theo Hồ Thích, tác giả “*Trung Hoa Triết Học Sử Đại Cương*” cho rằng: “*Vì chính thể tối-tăm, xã hội mù-mịt, trật-tự hỗn-độn, giàu nghèo quá chênh-lệch, đời sống của nhân dân cùng-cực cho nên phát-sinh nhiều loại tư-tưởng phản-ảnh trước thời thế.*”

Theo lịch-sử Trung Quốc, thời Xuân Thu (772-481 trc. C.N.) là một thời loạn lạc. Trong đó chính thể, tổ- chức xã hội, cơ-cấu kinh-tế đều giao-động đến gốc rễ. Nhà Chu khai sáng là *thời-kỳ giai-cấp quý tộc thống trị*, trong đó mỗi một nước là một chư hầu, quy tụ trung ương là nhà Chu.

Sách Tả Truyện có ghi vào 535 trc C.N.:

“*Xã hội chia làm 10 cấp. Do những cấp trật ấy mà kẻ dưới phụng-sự người trên của chúng, người trên làm tròn bổn phận của mình đối với quý thân. Bởi vậy cho nên vua trung ương có thần tử là vua chư hầu. Chư hầu có thần tử là công khanh. Công khanh có thần tử là quan chức của mình. Quan chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ. Quan lại nhỏ có thần tử là phò tá. Phò tá có thần tử là nhân viên của mình. Nhân viên có thần tử là bộc lệ, bộc lệ hay nô bộc có kẻ phụ dịch, ngựa có kẻ chăn ngựa, trâu bò có kẻ chăn dắt. Và như thế mọi vật đều có dự định cả.*”

“*Quyền cai trị của ngôi thiên tử bao-trùm khắp cả thiên hạ. Tất cả mọi người sống trong nước, ai cũng là kẻ thần dân của nhà vua. (“Bậc thiên chi hạ, mặc phi vương thổ, xuất thổ chi tân, mặc phi vương thần.” (Khắp cả dưới trời, đâu không là đất vua? Đì*

suốt cả bến đất, ai không là tôi vua?) (Tiểu Nhã).

Theo “Đại Nhã trong Kinh Thi, thiên “Sinh Dân”:

“Quyết sơ sinh dân, thời duy Khương Nguyên, sinh dân như hà: khắc nhân khắc tự, dĩ phát vô tử. Lý Đế vũ mẫn hân, du giới du chỉ, tái chấn tái túc, tái sinh tái dục, thời duy Hậu Tắc.” Người đầu sinh ra dân ấy là bà Khương Nguyên, cầu đảo, cầu tự để có con. Giẫm vào vết chân thần, bụng lớn dần, có mang và sinh nở nuôi nấng, ấy chỉ là Hậu Tắc.”

Ý nghĩa trong câu thơ thần thoại là nhà Ân Thương khởi kỳ-thủy là người phụ-nữ tù-trưởng tên Khương Nguyên. Nhân vì không có con bèn cầu đảo cầu xin đứa con, giẫm vào vết chân thần rung-động mà thọ thai, sinh ra Hậu Tắc phát-minh trổng-trọt. Lấy Khương Nguyên, người đàn bà làm tổ tiên, phải chăng chỉ thời “mẫu hệ”? Bà Khương Nguyên sinh ra Hậu Tắc, mà “Tắc” là một thứ lúa. Vậy tổ tiên đàn bà (giống má), có đức sinh phối với lúa tắc (nếp), là sản phẩm chính của xã hội nông nghiệp, là mẹ chung, tức là chú trọng đến lý tưởng “sinh sinh” vậy.

Xem như thế đủ thấy xã hội Trung Hoa vào đời Ân, Chu mới bắt đầu sinh-hoạt định cư nông-nghiệp, còn về trước sống đời bộ lạc du-mục. Khu vực định cư giới-hạn trong khu vực Hoàng Hà trung bộ. Quách Mạt Nhược đã nói: “Cương vực cổ đại của Trung Hoa chỉ là trung bộ sông Hoàng Hà, tức là địa phương Hà Nam, Trục Lệ, Sơn Tây, Hiệp Tây ngày nay vậy. Phía Bắc Trục Lệ, Sơn Tây thì gọi là Bắc Địch, phần lớn địa hạt Hiệp Tây thuộc Tây

Nhung; Hạ lưu sông Hoàng Hà thuộc Đông Di.”

“Trong các chư hầu mưu đồ bá chủ, đặc-biệt nhất là Tề Hoàn Công có Quản Trọng làm tể tướng giúp sức. Nước Tề lập quốc từ đời Thái Công, chú trọng việc thông thương cùng thủ công nghệ. Quản Trọng phân toàn quốc ra làm nông khanh và công khanh, thương khanh, rất ưu đãi công nghiệp và thương nghiệp, không phải phục dịch việc binh mã trở nên là hạng chuyên nghiệp. Thổ khanh bỏ chế độ công điền, ưu đãi quân sĩ, có ruộng không tự cày cấy chỉ chuyên luyện võ nghệ. Cuộc cải cách phế bỏ chế độ cũ của Tây Chu làm cho xã hội tiến mau đến chỗ phân hóa, thực là công trình của Quản Trọng.”¹

*/ Thời Đông Chu, Tử Sản nước Trịnh sáng lập Pháp gia, Tôn Vũ nước Tề thiết lập binh gia; Khổng Khâu nước Lỗ san định **Nho gia**; Mặc Địch nước Tống biệt lập **Mặc gia**. Trừ học phái Đạo gia mà người đứng đầu là Dương Chu và những người ẩn sĩ, hết thảy đều bắt đầu xuất-hiện vào khoảng nửa sau thời đại Đông Chu.

Trong thời Đông Chu, có 3 hệ-thống tư-tưởng chính:

1- Khổng Nho đại diện nguyện-vọng của giai tầng trung lưu, là những phần-tử vốn dòng quý tộc bị suy sút xuống hàng bình-dân, đóng vai kẻ sĩ, nuôi chí lớn lập lại trật tự xã-hội, chấm dứt loạn ly bằng đường lối cải thiện lại chế độ Tây Chu phong kiến

1- Nguyễn Đăng Thục, “Lịch Sử Triết Học Phương Đông”, Tập 1, 1r. 115, và 201, nhà xb. t/p HCM, in lần thứ 3, năm 2001.

Xích kia, thất đại đội mũ đứng giữa triều-đình khiến ứng đối với tân khách thời là người có tài dùng vào việc đó, nhưng bảo anh là người nhân thì chẳng lấy gì làm chắc.”

- Nhân theo Khổng học là **tâm đức**; Nhân là bác thí, lòng “nhân” nơi con người được ví như “thiên lý”? “*Năng chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả, sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri giả. Hà đề chi đồng vô bất tri ái kỳ thân giả; cập kỳ trưởng giả, vô bất tri kính kỳ huynh giả. Thân thân nhân giả, kính trưởng nghĩa giả; vô tha, đạt chi thiên hạ giả.*” (Người ta có những điều chẳng cần học tập với ai mà tự mình hay được là cái lương năng. Có cái điều không cần suy nghĩ mà tự nhiên biết được là cái lương tri vậy. Đứa bé con, miệng vừa biết cười, tay vừa biết nắm (hài đề chi đồng) không đứa nào là không biết yêu cha mẹ nó; đến khi nó đã lớn tuổi (9, 10 tuổi) không đứa nào không biết kính trọng anh nó. Cái biết như thế tức là lương tri; vì lương tri mà nảy ra lương năng.

Nói cách khác, lương tri và lương năng tức là **lương tâm**. Mạnh Tử cho rằng tâm người như thế, nên chủ trương **tính thiện**.

Trong thời Chiến Quốc, đồng thời với Mạnh Tử có Cáo Tử lại cho rằng: “*Tính do soàn thủy giả, quyết chi Đông phương tắc Đông lưu; quyết chư Tây phương tắc Tây lưu. Nhân tính chi vì vô phân ư thiện, bất thiện giả, diệc do thủy chi, vô phân ư đông tây giả.* (Tính người ta như dòng nước chảy. Trở sang đông thời nó chảy sang đông; trở sang Tây, thời nó chảy sang Tây. Tính người không phân biệt được thiện

- Trung Dung có câu: “*Nhân giả, nhân dã*”. Gọi bằng đức nhân chỉ là cái lòng tốt của người.

- “*Đương nhân bất nhượng ư sư*” = thấy việc nhân thì dù thầy mình cũng không nhường cho thầy.

- “*Quân tử khứ nhân, ô hồ thành danh*” = Nếu rời bỏ đức nhân, lấy gì mà thành cái danh quân tử được?

- “*Dân chi ư nhân giả, thậm ư thủy hỏa; thủy hỏa ngộ kiến đạo nhi tử giả hỹ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.*” = Nước lửa vẫn quan hệ cho cuộc sống, nhưng mà sự sống quan-hệ với đức nhân càng mật thiết hơn. Đau đớn cho người đời bây giờ chỉ biết rằng thủy hỏa là quan-hệ sự sống, mà không biết đức nhân là sinh mệnh của mình, nên ta thường thấy những người đẩy mình vào nước lửa mà chết, chưa thấy người nào đẩy mình vào đức nhân mà chết.

Than ôi! Nhân là sinh mệnh của mình, mà không ai vì việc nhân mà liệu mình, chẳng là rẻ-rúng sinh mệnh của mình sao? Nói cách khác, Nhân phải đi đôi với trí.

- “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối đãi với người.

- “Phàn Trì vấn nhân. Tử viết: ái nhân.”

- Tử Trương vấn nhân ư Khổng Tử. Khổng Tử viết: “*Năng hành ngũ giả ư thiên hạ, vi nhân hỹ. Thỉnh vấn chi. Viết: cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhiệm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc túc dĩ sử nhân.*”

Có quyền chính trị càng dễ làm nhân. Nếu ta

sử việc thiên hạ mà hay làm được năm điều: Cung là kính-cẩn mà có ý nghiêm-trang. Khoan là độ-lượng mà làm việc một cách khoan-thai. Tín là lấy tấm lòng thiết-tha mà ra hiệu lệnh cho chắc-chắn. Mẫn siêng năng, cần-mẫn mà dụng lấy việc gì thời làm cho lanh chóng. Huệ là suy tầm lòng nhân ái mà ở với nhân dân phải lưu ý về mặt ân huệ. Làm đủ được 5 điều ấy, chẳng những không tổn hại đến nhân dân, mà đem lại công-hiệu to lắm.

- Tử Cống vấn vi nhân, Tử viết: “*Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí; cư thị bang giả, sự kỳ đại phu chi hiền giả, hữu kỳ sĩ chi nhân giả...*” (Tử Cống hỏi phương pháp làm nhân, Khổng Tử dạy cho rằng: “Vi nhân vẫn chỉ cội gốc ở mình, những công việc làm nhân là to rộng, há phải tự đắc một mình mà trọn vẹn được. Lấy ví dụ: người làm thợ muốn cho tốt đẹp công việc của mình, tất phải trau-chuốt đồ vật của mình cho được sắc nhọn. Học giả làm điều nhân cũng có đồ dùng. là người thầy người bạn của mình. Nên người ta ở một nước nào, thấy trong đám đại phu có bậc hiền giả thời ta kính trọng làm thầy, hề thấy đám sĩ trong nước mà có bậc nhân giả, thời ta thân giao lấy làm bạn thời bỏ ích cho việc làm nhân, như thế còn sợ gì làm nhân chẳng xong.)

- Tử viết: “*Xảo ngôn lệnh sắc tiến hỹ nhân*” (Những người nào trau-tria ở lời nói, nghe ra một cách dễ ưa loè-loẹt ở phía ngoài, chắc người ấy khó có làm điều nhân vậy.)

- Tử viết: “*Bất nhân giả bất khả dĩ cửu xử*

’ước, bất khả dĩ trường xử lạc; nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân.” = Hạng người bất nhân là hạng người không có năng lực chống chọi với hoàn-cảnh, thường vì hoàn-cảnh mà xô đổ; dụng khi ở vào hoàn-cảnh xấu thời việc xấu gì cũng làm nên không để nó lâu ngày trong cùng khốn (bất khả dĩ cửu xử ước); Đứng vào hoàn-cảnh sung-sướng, thời nó kiêu-ngạo nên không thể cho nó lâu ngày ở vào cảnh sung-sướng. Ở cảnh cùng thời biến tiết đổi lòng, ở cảnh vui thời kiêu-xa dâm-dật, thiệt không hoàn-cảnh nào nó tốt được. Duy có hạng người tốt thời không bị hoàn-cảnh xô đổ. Hạng người ấy là nhân giả với trí giả.”

- Hữu năng nhất nhật dụng kỳ lực ư nhân hỹ hồ? Ngã vị kiến lực bất túc dã.” = Ý Khổng Tử nói rằng: “Trong anh em ta, có ai hay dùng hết sức vào việc nhân chưa? Ta chưa thấy ai muốn làm nhân mà sức không đầy đủ bao giờ.”

- Mạnh Vũ Bá vấn: Tử Lộ nhân hồ? Tử viết: bất tri giả. Hựu vấn, Tử viết: Do giả thiên thặng chi quốc, khả sử tri kỳ phú giả, bất tri kỳ nhân giả.” = Mạnh Vũ Bá tưởng là người nào có tài chính trị thời gọi bằng nhân được nên hỏi đức Khổng Tử: Có tài như Tử Lộ có phải là hạng người nhân không? Khổng Tử nói không chắc đã được là nhân. Mạnh Vũ Bá lại hỏi đến Tử Do, Khổng Tử nói: Anh Do kia vậy, nếu khiến anh coi việc binh ơ trong một chut hầu tất giỏi, chut bảo anh ấy là người nhân thời ta không lấy gì làm chắc.

Xích giả hà như? Tử viết: Xích giả, thúc đãi lập ư triều, khả xử dữ tân khách ngôn giả, bất tri kỳ nhân giả.”

Hỏi đến Công Tây Xích, Khổng Tử nói: “Anh

là lòng trung thành song phương giữa nam và nữ.

Tự vệ tính và xã-hội tính của người phải lấy “hòa” làm chuẩn. Liên hệ giữa người và người là liên hệ hòa-hài. Sống trong một xã hội hòa bình nhân ái, đó là liên hệ cơ năng bản vị hỗ tương nguyên nhân.

Nhờ tư tưởng quan sát về vũ trụ, tìm tòi các quy luật trong vũ trụ, áp dụng định luật khoa học để giúp ích cho đời sống (*tán thiên địa chi hóa dục*), xã hội biểu hiện các thành quả khách quan, kinh nghiệm tích lũy qua các thời đại, các sáng tạo thấu nhận trong tập thể, xã hội là phản ảnh của tư tưởng. Do đó, như trên đã tóm: *tư tưởng - xã hội - và vũ trụ thống nhất và thường xuyên vận động*.

Vũ trụ tự nhiên là vũ trụ vật chất hiện hữu chung quanh con người. Bản thể của vũ trụ vật chất là vô cùng nguyên nhân, vô cùng duyên khởi, vô cùng cứu cánh, vô hạn lượng tính, vô hạn phương trình. Quy luật của vũ trụ là các quy luật khoa học của vật chất, trong đó các khoa học gia đã khám phá được một phần chân lý.

Trong nhận thức người, vũ trụ vật chất là thuần túy khách quan, là lý tính thuần túy. Các quy luật khách quan khi áp dụng cho loài người cần được áp dụng thích nghi, hợp với bản chất người và lợi ích cho con người. Do đó vũ trụ và con người tuy tương quan nhưng phải được phân biệt để người không bị đồng hóa với vật chất và bị chi phối bởi quy luật thuần túy vật chất khách quan.

Áp dụng tính chất khách quan của vật chất

với bất thiện, cũng như dòng nước không phân biệt Đông với Tây vậy.) ¹

Ông cho rằng tính là do sinh hoạt, “*Sinh chi vị tính. Thực sắc tính dã.*” = Sinh hoạt mà sinh ra tính. Ăn uống và sắc thái là tính. (*Cáo Tử, thượng*) Chú đến sinh hoạt là chú trọng đến kinh-nghiệm. Nói cách khác, đó là quan niệm thực nghiệm về tính, khác với chủ trương chú trọng vào bản năng con người như Mạnh Tử.

Mạnh Tử phản bác ý này: “*Thủy tính vô phân ư Đông Tây, vô phân ư thượng hạ hồ?*”

Tính của nước không phân Đông - Tây nhưng há không phân cao thấp sao? Người ta có lúc bắt phải làm điều bất thiện cũng như nước, có lúc bắt buộc phải lên cao đó vậy.

Cũng theo Mạnh Tử, trong tính thiện có 4 mối:

1/ Lòng bất nhẫn hay trắc ẩn.

2/ Tâm tu ố: Biết cái việc đáng làm xấu thẹn chê ghét mà sinh ra lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố.

3/ Lòng từ nhượng: Đụng lầy việc, không thừa nhận, không cạnh tranh mà sinh ra lòng từ chối nhân nhượng.

4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy chuyện trái mà trong lòng cho là trái.

1- Phan Bội Châu, “*Phan Bội Châu Toàn Tập*”, Tập I, trang 23, nhà Xuất Bản Thuận Hóa, năm 1992.

Ở đây, ta thấy nếu căn cứ vào *thiên lý* hay *thiên mệnh* (“*Thiên mệnh chi vị tính*” hay “*Nhân chi sơ tính bản thiện*”) hoặc *Mạnh Tử* đã lý luận : “*nước bao giờ cũng chảy xuống thấp*” mà cho tính người là thiện. Đó là một điều lầm lẫn (*lấy điều kiện ở thế chất hay thiên nhiên mà suy luận vào con người*) !

Tính người lúc sơ sinh, chính là tính bẩm sinh (*vô kỷ tính*), và nước bao giờ cũng chảy xuống thấp là do ảnh hưởng sức hút của trái đất, nên không thể cho tính bẩm sinh hay nước chảy xuống thấp, mà cho tính người là “*vốn thiện*”!

Mỗi sự vật trong vũ-trụ được quan-niệm có hai mục-đích khách-quan và chủ-quan. Mục đích chủ-quan là căn-cứ trên các công-hiệu thực-dụng cho con người. Thí dụ cách người xử-dụng mưa tùy theo mục-đích; mục-đích khách quan thường mang tính-chất đương nhiên của sự vật, như mưa là mưa. Nhưng tùy theo hoàn-cảnh mà khác nhau. Mưa đối với người đang phơi lúa là xấu, đối với người đang gieo mạ thì lại là tốt.

Vũ trụ thiên-nhiên trong mục-đích khách quan là sự hiện hữu vô tình hay luật tắc tự nhiên. Đó chính là những luật-tắc khoa học khách quan. Sang con người khai thác quy luật khách quan thiên nhiên để phục-vụ cho con người, con người nắm được các luật tắc thiên nhiên tức là con người đóng vai trò làm chủ vũ trụ vật chất.

Có một sự thực không thể chối cãi được là tự nhiên (thiên nhiên) có trước loài người. Vũ trụ đối với loài người là cực chất, là vật chất *vô hạn lượng*

tính, là vô hạn duyên khởi, vô hạn cứu cánh. Tự nhiên thấm-thấu vào con người, nên con người có tính “bẩm sinh” tức là tự-nhiên tính. Con người lại không thể sống đơn độc, con người phải sống trong đoàn thể, trong xã hội nên thành tựu thêm một tính khác (*thành tựu tính hay giáo dục tính*). Con người lại vượt lên trên mọi động vật, mọi thú vật, nhờ có tư tưởng dẫn dắt để luôn luôn có vận động hướng thượng, sao cho đời sống mỗi ngày một tươi đẹp. Nói cách khác, con người không những có *tư kỷ tính, vị tha và hướng thượng tính*.

Ta có thể nói: Người là mẫu mực thống nhất cả ba phạm trù: tự nhiên, xã hội và tư tưởng.

Người là nguyên-nhân tạo ra sự thống nhất của ba phạm trù: “tự nhiên”, “xã hội” và “tư tưởng” trong mọi hiện tượng sống.

Ta cũng thấy rằng: không có người thì không có hiện tượng sống. Do đó, *người chính là tiền đề đích thực của triết học*, chứ không phải là “**thần**”, là “**vật**” hay là “sinh nguyên”.

Người khác động vật là vì có nhân tính. Xã hội người chính là một tổ chức có nhân tính. Nhờ nhân tính mà con người hình thành xã hội. Nhân tính nguyên khởi để cấu tạo xã hội là “*nhu yếu tính, sắc tính, tư vệ tính, và xã-hội tính.*” Đó là bốn đặc tính căn bản của con người khi thành lập xã-hội.

Nhu yếu tính của con người phải lấy “*bình*” làm chuẩn. nghĩa là không có người nào bị chèn ép trong sự thỏa mãn những nhu yếu tinh thần cũng như vật chất. Sắc tính của người phải lấy “*trinh*” làm chuẩn, nghĩa

- Về phần bổng lộc, Mạnh Tử giữ nguyên thể chế thế tập, Tuân Tử chủ trương “*vô đức bất quý, vô năng bất quan*” (kẻ thiếu đức không hưởng địa vị cao sang, người thiếu tài không nên trọng dụng). Ông muốn giải thoát con người ra khỏi chế-độ phong kiến.

- Mạnh Tử cố chấp về giá trị lý tưởng cao cả, Tuân tử thích-ứng với trào-lưu mới, luôn-luôn nhấn mạnh làm sao cho quốc gia phú cường.

Tuân Tử tuy cho tính người là ác, nhưng ông cũng nhìn nhận giữa con người và vũ trụ có tương quan chặt chẽ. Vì thế, ông có nói: “*Tính giả thiên chi tự*” (khi sinh ra người ta đã sẵn cái tính tự nhiên). Tính tự nhiên ví như tờ giấy trắng, nhuộm màu gì sẽ ra màu ấy. Sở dĩ nhân tính có thể thành ra ác là bởi lòng người nảy sinh dục vọng: “*Kim nhân chi tính, sinh nhi háo lợi yên, thuận chi, cố tranh đoạt sinh, nhi tử nhượng vong yên... Sinh nhi hữu nhĩ mục chi dục, hữu háo thanh sắc yên, thuận chi. Cố dâm loạn sinh, nhi lễ nghĩa văn lý vong yên. Nhiên tắc tùng nhân chi tính, thuận nhân chi tình, tất xuất ư tranh đoạt, thập ư phạm nhân loạn ly, nhi quy ư đạo... Dụng thử quan chi, nhiên tắc nhân chi tính ác minh dĩ...*” (Tính người ngày nay, trời sinh có kẻ hiếu lợi, do đó mới sinh ra vấn đề tranh đoạt mà mất đi tính khiêm nhường...

Trời sinh người ta có thứ dục vọng bởi tai mắt, thích nghe cái hay, nhìn cái đẹp, do đó mới sinh ra vấn đề dâm loạn, mà mất đi lễ nghĩa, đạo lý văn hóa. Vậy thì, nếu cứ chiều theo tình của con người thì sẽ diễn ra cảnh tranh giành, phạm tội loạn ly, rồi quy hết về bạo lực...

vào con người tức là tiêu hủy nhân tính và nhân phẩm, hạ giá trị của người ngang hàng vật chất.

Nếu “*thiên mệnh*” liên hệ với tính người, hoặc “*thể mệnh*” liên hệ mật thiết với tâm linh, và “*siêu việt thể*” (thượng đế) thì mờ đi vai trò nhân bản, và không thể nói:

“*Có trời mà cũng có ta...*”

hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”
(Kiều)

Ngoài ra, trong thiên Tử Hãn bàn đến tinh thần của chữ “nhân”:

“*Tử Hãn ngôn lợi dữ mệnh dữ nhân*”.

Đạo lý chữ “nhân” và tâm thuật người nhân tất bỏ “lợi” và “mệnh” (*vận mạng hay mệnh số, hoặc sinh hoặc tử, hoặc họa hoặc phúc*) ra ngoài. Chân tinh thần của chữ “nhân” là một thứ vô hình, vô ảnh, vô thanh, vô xú. (Phan Bội Châu Toàn tập/ tr. 89/ tập 9)

“Đối với Mạnh Tử: Sở dĩ cho tính người là “*thiện*” (*nhân chi sơ tính bản thiện*)” vì căn cứ vào lương tri, lương năng.

Ngoài Mạnh Tử, còn có:

* *Tuân Tử*, người nước Triệu, họ Tuân, tên Huống, tên chữ là Khanh, sinh thời Chiến Quốc, sau Mạnh Tử 40 năm. Ông chủ trương: **Tính ác** - Thuyết Phi mệnh.

* Mặc Tử là đại-biểu đấu tranh trong xã-hội giai-cấp. Sự chia rẽ của Chiến Quốc là do sự lũng-

đoạn của thành phần nắm đặc quyền. Giai-cấp đặc quyền phải bỏ đi những phù hoa, xa-xỉ để đem lại “*bình*” cho đời sống đại chúng. Những bất bình của xã-hội phải bị phá tan bằng “*nhân ái*”. Mặc Tử đã đi bộ suốt ngày đêm, mười buổi sang Sở, mang trí-thức và học-vấn xác-thực của mình để phá tan sùy-đồ của Sở trước, mang tinh-thần hy-sinh của chính mình và học trò ra tiêu diệt tai vạ của chiến tranh. Chỉ có hy-sinh và chiến-tranh để tiêu-diệt chiến-tranh - Chỉ có lý-tưởng tối cao, chân - thiện - mỹ ra phá tan được bất bình.

Ta có thể nói Mặc Tử là đối đầu với Dương Chu, là tổng hòa những mồ hôi róc-rách chảy vào những tấm lòng lao-động.

Tóm lại, “*Nhân*” trong Khổng học:

- 1- Nhân là “*thiên lý*”, tâm đức.
- 2- Nhân là lòng *trắc ẩn*. *Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã.* (*Công Tôn Sửu, thượng*)

- 3- Nhân là *tình người*.

“*Nhân giả ái nhân*” (*Tận Tâm thượng/Mạnh Tử*).

“*Nhân, nghĩa, lễ trí căn ư tâm*” (*Tận tâm thượng*)

* Cuối thời Chiến Quốc, trong “*Bách Gia Chư Tử*” có Tuân Tử chủ trương “*nhân chi sơ tính bản ác*.”

Tuân Tử (313 - 235 trc.N), tên thật là Huống, tự là Khanh, đời Hán đặt tên sách của Tuân Tử là “*Tôn Khanh Tử*”, sang đời Đường đổi lại thành

“*Tuân Tử*”. Tuân Tử người nước Triệu. Ngoài 60 tuổi làm huyện lệnh Lan Lăng của nước Sở, những năm sau mở lớp dạy học, y như Khổng Tử, Mạnh Tử.

Khi ở cố quốc (Triệu), trong khi biện luận phép dụng binh với Lâm Vũ Quân, trước mặt Triệu Hiếu Thành Vương, Lâm Vũ Quân dựa vào phép “*xuất kỳ bất ý, công kỳ bất bị*”. Trong Tôn Tử binh pháp, cho rằng kẻ dùng binh giỏi, bao giờ cũng “*quyền mưu thế lợi*”, và “*công đoạt biến trá*” (không từ bỏ thủ đoạn gian trá nào). Ngược lại Tuân Tử có quan điểm: Kẻ giỏi về quân sự là biết “*thiện phụ dân*”, dựa vào sức mạnh của dân một cách hiệu quả. Theo Tuân Tử, được dân ủng hộ mới nắm chắc phần thắng.

Vào những năm cuối khi về già, Tuân Tử mở trường, viết sách, sáng lập ra học phái Lan Lăng. Ba mươi ba thiên trong cuốn mà Tuân Tử đã viết là một tác-phẩm có hệ thống tư tưởng hoàn chỉnh.

Người ta đã so sánh phần di - biệt về tư tưởng giữa Mạnh Tử với Tuân Tử, ngoài vấn đề “*tính thiện*” với “*tính ác*”, còn có những điểm:

- Mạnh Tử thuộc về chủ nghĩa “*tiên nghiệm*”, Tuân Tử thuộc về chủ nghĩa “*kinh nghiệm*”.

- Mạnh Tử chú trọng về “*tâm tính*”, nhằm xây dựng một hệ thống triết lý cho Nho học; Tuân Tử để ý về chính trị, xã hội nhiều hơn.

- Trong phần tu dưỡng tâm tính, Mạnh Tử chủ trương “*quả dục*”, Tuân Tử chủ trương “*túc dục*”.

dưới trăm hang. Cho nên có thể làm vua trăm hang.
(Chương 66)

6- Thiên mặc nhược ư thủy, nhi công kiên cường
giả, mặc chi năng thắng = Thiên hạ yêu mến không gì
hơn nước, mà đánh nổi cứng mạnh không gì hơn nổi
nó. (Chương 78).¹

C/ Đặc Tính của “Nước” theo văn hóa Việt:

* Tính không chấp (linh động)

Nước không cố-chấp một hình-thức nào, thích-
nghi với mọi hoàn-cảnh, ở bầu thì tròn, ở ống thì
dài, ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy. Thời tiết lạnh ở
32 °F thì đọng lại thành đá cứng, trời bình thường ở
thể lỏng, khi nóng bức thì bốc hơi; Muối hay đường
bỏ vào trong nước đều bị hòa tan (dễ dàng dung hóa).
Nước dung-nạp tất cả, nhưng vẫn giữ được bản-chất
của mình.

“Chấp kinh thì phải tòng quyền”.

Chính đức tính “vô chấp” đã cho thấy bản-chất
bất định hình, và bất định thể của nước, ảnh-hưởng
đến tính không chấp-nhất vào một hệ-thống tư-tưởng,
một tín-ngưỡng hay một chủ-nghĩa nào. Chính vì
thế mà Nho - Lão - Phật tổng-hợp, hòa-hài dưới thời
Lý - Trần (Tam giáo đồng quy). Từ đó, ông cha cũng
ý thức được rằng mọi hành-động muốn đạt kết-quả
tốt phải biết tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người,
(tùy thời chi nghĩa đại tai)...

1- Đại Học Sư Phạm Hànội, “Đạo Gia và Văn Hóa”, Nhà
111xb Văn Hóa Thông Tin, Hanội 2000.

Cứ nhìn theo đó, thì quá rõ , tính người là ác vậy....)

Trong Nho Hiệu, Tuân Tử nói:

“Tính dã giả, ngô sở bất vi năng dã, nhiên nhi
khả hóa dã. Chú thố tập tục, sở dĩ hóa tính dã. Tích
nhất nhị bất nhị sở dĩ thành tích dã. Tập tục di chí,
an cửu di chất... Đồ chi nhân bách tính tích thiện nhi
toàn tận vị nhi thánh nhân., Bĩ cầu chi nhị hậu đắc, vì
chi nhị hậu thành, tích chi nhị hậu cao, tận chi nhị
hậu thánh. Cổ thánh nhân dã giả, nhân chi sở tích dã.
Nhân tích nhục canh nhi vi nông phu, tích tạc tước nhi
vi công tướng, tích phản hóa nhi vi thương cổ, tích lễ
nghĩa nhi vi quân tử công tướng chi tử, mặc bất kế
sự, nhi đô quốc chi dân an tập kỳ phục. Cư Sở nhi Sở
cư Việt nhi Việt, cư Hạ nhi Hạ. Thị phi thiên tích dã,
tích mỹ sử nhiên dã.” = Tính là cái ta không làm ra
được, nhưng có thể hóa đi được. Tính là cái không
phải tự nhiên ta có, nhưng có thể làm cho ta có được.
Chú ý làm-lụng tạo thành thói quen, để hóa thành cái
tính, gồm cả làm một mà không hai để thành ra cái
tích chứa. Tập trung ý chí, yên lâu đổi cái khí chất.
Người thường bình dân tích điều thiện mà toàn vẹn
được thì gọi là bậc thánh nhân. Ai có cầu thì mới có
được. Có làm thì rồi mới có nên. Có tích mãi thì mới
lên cao. Có cái thiện thì rồi mới là cái thánh, cho nên
thánh nhân là người tích nhiều đức hạnh. Người tích
việc cày cấy mà làm nông phu; người tích việc đục
đẽo mà làm thợ; tích các hàng hóa mà làm lái buôn;
tích lễ nghĩa mà làm quân tử. Người làm thợ không ai
là không quen lối của mình. Ở nước Sở mặc theo lối
nước Sở; Ở nước Việt mặc theo lối nước Việt, ở đất
Trung Hạ mặc theo lối Trung Hạ, ấy không phải là

thiên tính, nhưng là thuận theo cái tính tập mà hóa ra vậy.)

II-2/ “Nhân” theo Lão Giáo:

A/ Thân Thế của Lão Tử:

Viết về thân thế của Lão Tử, không ai là không gặp điều trở ngại vì không một sử sách nào cho biết rõ năm sinh, năm mất và quê quán của ngài.

Dựa vào những tài liệu liên quan, như Khổng Tử đến hỏi Lão Tử về “lễ”, mà người ta dự đoán Lão Tử sinh vào khoảng thế kỷ VI - V trước Công Nguyên.

Tác phẩm duy nhất của Lão Tử còn để lại là bộ sách “Đạo Đức Kinh”, một loại sách về “Tâm linh học”, có tính cách tâm truyền. Trong bộ sách này, đặc-biệt chương 20, Lão Tử đã tự vẽ chân dung mình:

Lão Tử viết: “*Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như xuân dăng đài. Ngã độc bạc hê kỳ vị triệu. Như anh nhi chi vị hài, luy hê, nhược vô sở quy. Chúng nhân giai hữu dư. Nhi ngã độc nhược di. Ngã ngu nhân chi tâm dã tai ? Độn độn hê. Tục nhân chiêu chiêu. Ngã độc hôn hôn. Tục nhân sát sát. Ngã độc muộn muộn. Dạm hê kỳ nhược hải, liêu hê nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngang tự bỉ. Ngã độc dị ư nhân. Nhi quy thực mẫu.*” = Đại chúng hơn hở như hưởng thịnh tế, như ngày xuân bước lên đài. Một mình ta riêng đậu ở bến, chưa có hình tượng, như đứa hài nhi chưa cười, loanh-quanh như không biết về đâu. Đại chúng đều có thừa mà một mình ta như bỏ không ham nữa. Ta là kẻ ngu sao ? Ngu độn thấy! Đại chúng có vẻ sáng tỏ. Riêng ta như hôn mê. Đại chúng

xét-nét, riêng ta tối-tăm. Phẳng lặng thay như mặt bể, phơi-phới thay như không ngừng. Đại chúng đều có ý vào việc, riêng ta thì ương mà khinh-bĩ, riêng khác với mọi người, mà chỉ quy về sống nơi lòng mẹ.”¹

B/ So-sánh giữa “Nước” với “Tính Người” trong “Đạo Đức Kinh”:

1- “*Thượng thiên nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ đại.*” (Bậc thượng thiện giống như nước, nước khéo lợi cho muôn vật mà không tranh, ở vào chỗ mọi người ghét nên gần với đạo.)

2- *Tri kỳ hùng thủ kỳ thư, vi thiên hạ khô. Vi thiên hạ khô, thường đức bất ly, phục quy ư anh nhi.*” (Chương 28) = Biết con trống, giữ con mái, làm khe nước, cho thiên hạ. Làm khe nước cho thiên hạ, thường theo đức không lìa, lại trở về trẻ thơ.)

3- *Thí đạo chỉ tại thiên hạ, du xuyên cốc chỉ ư giang hải. = Ví đạo lưu hành trong thiên hạ, như là suối hang chảy ra sông biển.* (Chương 32).

4- *Ngư bất khả thoát ư uyên. Quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân = Cá không thể thoát khỏi vực. Lợi khí của nước nhà không bảo cho người biết.* (Chương 36).

5- *Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương. = Sông biển sở dĩ có thể làm vua trăm hang. Bởi vì nó khéo ở*

¹-Nguyễn Đăng Thục, “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, tập 2, tr.138, nhà xb. T/P HCM, năm 2001.

- Vô kỷ tính: Khi sinh ra tính chẳng lành, mà cũng chẳng ác, giống như tờ giấy trắng, vẽ màu nào lên trên giấy thì hiện lên màu đó.

- Do ảnh hưởng môi-trường thiên-nhiên, địa dư mà ảnh hưởng màu da, cá tính (*tính này ta có gọi là tính bẩm sinh*).

- Lớn lên do sự giáo dục gia đình, học đường, xã hội mà thành thói quen (*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng hay “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.”*) Ta có thể nói đó là “*giáo dục tính*” hay “*thành tựu tính*”, hoặc “*xã hội tính*”.

- Ngoài ra, con người dù ở đâu, xưa, nay và mai đều cần phải ăn uống để duy trì sự sống, ta có thể gọi tính này là “*nhu yếu tính*”.

- Đồng thời trong cuộc sống gặp nhiều đối kháng, đe dọa, con người phát sinh “*tự vệ tính*”.

- Sau cùng, nhu cầu kết hợp âm - dương “*sắc tính*”. Theo Dịch lý: “*Thiên địa giao nhi vạn vật thông, thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng*” = Trời đất giao nhau thì muôn vật mới lưu thông. Trên dưới giao dịch, trao đổi với nhau thì ý muốn mới cùng nhau. Cũng trong kinh Dịch đã nói rõ: “*Nhất âm nhất dương chi vị đạo = Một âm một dương là Đạo*”. Tương tự, chương 42 trong Đạo Đức Kinh, “*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ âm nhi bảo dương. Xung khí nhi vi hòa*” = Đạo bản thể đẻ ra một. Một sinh lưỡng nguyên. Lưỡng nguyên sinh ra ba. Ba sinh ra vạn vật. Vạn vật mỗi cái có hình âm ở ngoài, âm khí dương ở trong. Hai khí hòa hợp để làm thế quân bình hòa điệu.)

* Tinh thần bao-dung, nhân ái:

Nước là vật có thể thu nhận tất-cả, bất-cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi vị hay mầu sắc nào cũng mặc, đều chấp-nhận cả.

Tinh-thần này, theo Phật giáo nói là “*từ bi, hỉ xả*”, đạo Thiên Chúa gọi là “*bác ái*”, với Nho học là “*lòng nhân*”,...

Nhờ thực-chứng tính-chất dung-nạp không phân biệt (*vô lượng thụ biệt*), cùng sức nuôi dưỡng vạn vật của **nước** mà người Việt nêu cao lượng bao-dung

*Thương người như thể thương thân,
(Tục ngữ)*

hay: *Thương người, người lại thương ta,
Ghét người, người lại hóa ra ghét mình.
(Ca Dao)*

mà sẵn-sàng: *Gặp người đói rách tả tơi,
Mở lòng đùm bọc, giúp người sa cơ.
(Ca Dao)*

* Tính mặc nhiên (*vi nhi vô vi*) :

Nước tự do xuôi chảy một cách tự nhiên, không tranh lán, nhưng không gì có thể cản được.

Nước chảy mà không cố chảy, có thể ví như tính cách “*vi nhi vô vi*” (*làm mà không cố làm*) trong Lão học. Nước nuôi dưỡng muôn loài, nước xuôi chảy theo bản tánh tự-nhiên, thâm-nạp, thích-nghĩ, dung-hóa, bốc hơi, âm thầm xuôi chảy, gặp chỗ sâu nằm im đó, có dịp bốc hơi thành mây, gặp điều-kiện thích-hợp, mây trở thành mưa, nước mưa thấm vào đất nuôi dưỡng vạn vật.

Sự hiểu nghiệm này được thần-thoại hóa qua chuyện Thánh Gióng với tinh thần “*có việc thì đến, hết việc thì đi*”.

* Tính thăng hoa (bốc hơi) :

“*Nước đi ra biển, lại mưa về nguồn...*”

(*Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu*)

Ngoài tính bất định hình, bất định thể, dung nạp, hòa-tan, thích-nghe, tự-do, bình-đẳng, v.v... nước còn có tính *bốc hơi* (thoát xác), dứt bỏ tất cả. Cho nên ngoài óc thực-tế, tâm hồn người Việt còn có khuynh-hướng dứt bỏ danh lợi (như thánh Tản Viên, thánh Gióng), dứt bỏ dục vọng thấp hèn, hướng tới chân - thiện - mỹ, hướng tới những giá-trị tinh-thần siêu-việt vĩnh-cửu.

Tự lắng trong, tự thanh lọc, tự bốc hơi, vượt-thoát thể lỏng trở thành thể khí, gọi lên hình ảnh tự lực, tự thắng những yếu hèn, thú tính, ích-kỷ, đố-ky,... còn ẩn tàng trong tâm trí. Nói cách khác, tự thắng là làm chủ những cảm thụ, những xúc-động, những tư tưởng hẹp-hòi, cố-chấp. Tự thắng là tiến trình dẫn tới nhân chủ. Đó là điều-kiện cần và đủ để nhân tính làm chủ tư-duy và hành-động.

* Hình tượng “*nước*” mang những đặc tính tiêu-biểu:

“*Đạo khả dĩ vi thiên hạ mẫu*” (C.25), hay “*cốc thần*”, “*huyền tẫn*” trong Đạo Đức Kinh đều mang ý nghĩa của nước, nuôi dưỡng vạn vật mà không để ý đến công lao.

* Tính cách “vô kỷ”, “vô công”, “vô ngôn” còn được nói rõ qua các câu:

“*Đại đạo phiếm hễ,*

Kỳ khả tả hữu

Vạn vật thị chi nhi sinh sinh bất tử

Công thành nhi bất hữu.

Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ.

Thường vô dục

Khả danh ư tiểu,

Vạn vật quy yên nhi bất vô chủ,

Khả danh ư đại,

Dĩ kỳ chung bất tự vi đại,

Cố năng thành kỳ đại.

(*Đạo lớn tràn lan khắp nơi, có thể ở bên trái, có thể ở bên phải. không đâu là không có Đạo. Muôn vật dựa vào Đạo mà sinh sinh hóa hóa, nhưng đạo không trực tiếp can thiệp. Đạo tác thành muôn vật mà không kể công nuôi dưỡng và cũng không làm chúa muôn vật. Đạo thường là hư vô, cho nên coi đạo là bé. Muôn vật quy tụ về đạo, nương tựa vào đạo nên coi đạo là lớn. Vì lẽ đạo chẳng bao giờ tự cho là lớn nên Đạo rất là vĩ đại.*)

* Không phân biệt “*Ta*” với “*người*”, hòa nhập nhân loại (Hòa quang đồng trần), không lấy bản thân mình làm điểm xuất phát, làm đích, làm chuẩn...như vậy có khác nào như mẹ nuôi con không bao giờ kể công. Đó là “vô danh”, tất nhiên là “vô tư” (không vì mình, không chiếm hữu...).

Qua những dẫn giải trên, ta thấy tính người theo Lão giáo:

diễn ra ở tại đường phố. Nhưng hoàng tử vẫn bắt gặp những hình thể kẻ bệnh tật, già lão, chết chóc và một đạo sĩ đi hành khất. Khi hoàng tử Tất Đạt Đa nhìn thấy những cảnh tượng ấy, và đến khi được người đánh xe tên là Chanara báo cho ngài biết tất cả loài người đều phải chịu bệnh tật, già lão và sinh tử, riêng chỉ có kẻ đạo sĩ hành khất là thoát được ra ngoài vòng sinh, lão, bệnh, tử chi phối. Ngay lúc ấy, hoàng tử đã nảy ra ý nghĩ đi tìm thuốc để chữa cho nhân loại khỏi cái chứng bệnh hủy hoại. Ngài muốn đi tìm cái bí-quyết của sinh, tử.

Một đêm kia, Tất Đạt Đa sau khi ngắm nhìn một lần chót vợ con đang nằm ngủ, lặng-lẽ nhảy lên mình ngựa bèn phi ngựa ra ngoài. Ngài đi vào trong rừng, lột bỏ khăn áo, cắt tóc, đuổi ngựa về, và từ đấy sống một đời đạo sĩ hành khất.

Trong rừng, hoàng tử đã gặp những đạo sĩ khổ hạnh Bà La Môn. Sau đấy ít lâu, ngài một mình theo đuổi con đường tinh tiến riêng. Rồi ngài sống một cuộc đời cực khổ hạnh, thiếu một chút thì chết đói. Nhưng ngài đã giác-ngộ một điều là khi nào thân thể và những năng khiếu tinh thần mệt mỏi kiệt quệ, người ta không thể đến được cõi giác. Chính cõi giác ấy là mục-tiêu mà Ngài đang theo đuổi. Ngài bèn nhật bát bố thí, rồi lại đi hành khất ở những làng xóm lân-cận.

Giờ chính giác của ngài đã điểm. và nhờ các mộng triệu hiện ra, ngài đã có thể kết-luận:

“Chính ngày hôm nay ta đã thành Phật!” Cả ngày hôm ấy ngài nghỉ-ngơi, đến buổi chiều ngài đến gốc một cây bồ đề, dọn một chỗ ngồi, nhất trí tiềm

II-3/ **Từ Bi** trong Phật Giáo:

A/ Thời đại Bà-La-Môn - Phật:

Một hệ-thống tư-tưởng không thể tách rời với hoàn cảnh lịch-sử, điều-kiện thời gian đã thúc đẩy nó xuất-hiện.

Xứ Ấn Độ lúc này chưa phải là một đế-quốc rộng lớn, thống-nhất. Trong lưu-vực hai dòng sông lớn là Ấn và Hằng, dân chinh-phục Aryen đã trà-trộn với dân bản xứ Dravidien. Đời sống sơn lâm bắt đầu nhường đất cho những tiểu-bang, những nhu-cầu sinh-hoạt trong đô-thị trù phú. Tiếng nói phổ-thông tuy là tiếng Phạn (Sanskrit) nhưng cũng còn nhiều tiếng địa-phương vẫn thấy dùng. Kinh Veda được coi như thánh giáo, nhưng tục-lệ sau này kết tập thành luật Manus vẫn còn mãnh-lực hiệu nghiê(m).

Sự thật có không-khí náo-nhiệt trong giới tư-tưởng. Có tư-tưởng-gia chủ-trương tinh-thần với linh hồn là một, lại có phái phân-biệt tinh-thần với linh-hồn. Có phái chủ-trương Thượng đế là nhân-loại, có phái chủ trương Thượng-đế ở trên tất cả, v.v...Nào duy thần, nào duy vật, nào hoài-nghi, nào nguy-biến, thậm chí ở đất tinh thần truyền-thống xưa nay như Ấn Độ mà có kẻ như Saccaka dám tuyên-bố:

“Ta không biết thánh giáo Samana - Veda hay là chủ nghĩa Brahmana, không thầy, không sư, không tổ của một tôn phái nào hết, ta cũng không biết cả đến người tự xưng là đức Phật tối cao thần hóa, người mà nếu chúng ta tranh-biến sẽ không lung-lay, run sợ và không toát mồ-hôi. Và nếu ta đả-kích một cái cột

đá vô-tri vô-giác với khoa nói của ta thì nó cũng lung-lay, run sợ và đảo-đảo; thử hỏi nếu ở trường-hợp một người thì như thế nào?” (p.70, Oldenberg: Buddha).”

Giai-cấp giáo-sĩ Bà La Môn cố-chấp vào dòng máu quý tộc mà độc chuyên thánh giáo Veda. Xã-hội đang lâm vào các chứng bệnh hiểm nghèo, chính giữa cảnh vô chính phủ trong tư-tưởng mà đức Phật ra đời, tự xưng là một thầy thuốc, tìm thuốc chữa bệnh thời-đại.

“Ở Ấn Độ thời cổ xưa cũng diễn ra như ở trong thế giới Hy Lạp là những hệ-thống siêu-hình bao-quát và rộng-rãi hơn của Platon và Aristote đã có những suy-luận về luân-lý nhân sinh. Khi nào nền móng của triết-học trở nên lung-lay thì các tư-tưởng-gia lại chú-ý vào những nguyên-lý của hành-vi. Nếu luân lý học lại lập cước trên đám cát biến chuyển của siêu-hình hay thần-học thì nó không có một sự tôn nghiêm vững-chắc. Phật muốn xây dựng luân lý tôn nghiêm trên tảng đá của thực-nghiệm tâm lý. Nguyên thủy Phật giáo tương-tự như chủ-nghĩa thực tiễn, cố vận-động chuyển dịch trung tâm điểm từ sự phụng sự Thượng đế sang phụng sự người. Đức Phật không nhiệt-thành về sự việc xây-dựng một biểu-đồ mới về vũ-trụ hơn là chú-ý vào việc giảng dạy một ý nghĩa mới về bốn phận. Chính ưu-điểm của Phật là mở đường cho một tôn-giáo biệt-lập với tín điều và giáo-hội, nghi lễ và thánh hóa. Phật chỉ nhấn mạnh vào sự hóa thành tâm hồn tự bên trong và vào một hệ-thống tự tu đạo. Ngài chứng minh rằng sự cứu rỗi không ở tại sự thu nhận một mớ tín điều đáng nghi-ngờ hay là những việc làm đen tối để làm nguôi lòng một thượng đế biết giận dữ. Sự cứu-

rỗi cốt ở sự tu sửa tính cách và sùng tín điều lành.

Theo Phật, mê muội là nguyên-nhân của đau khổ. Phủ nhận giá trị luân lý của chủ nghĩa khổ hạnh nghiêm khắc, bác-bỏ tín ngưỡng phổ-thông, miệt-thị chủ nghĩa nghi lễ Brahmana. Tóm lại, tạo một tông giáo bằng triết-học, đây là một sự suy luận hết sức phiêu lưu, một sự liều lĩnh mà chúng ta không có thể thưởng-thức chính-xác được, chúng ta nhận thấy ở nguyên thủy Phật giáo ba đặc-tính này là một lòng nhiệt thành về luân lý, không có khuynh hướng thần học, và ác cảm với suy luận siêu hình.”

(Radhakrishnan - Indian philosophy p-358)

B/ Sự tích Phật Thích Ca:

Phật Thích Ca sinh vào năm 563 trc C.N. và tịch vào khoảng 483 trc C.N., thọ 80 tuổi.

Ròng-rã 80 năm trường, trải qua một phần lớn thế kỷ thứ V trc. C.N. đây là cả một cuộc đời của Phật Thích Ca.

Hoàng tử Tất Đạt Đa (Siddharta) là con một của vua Tịnh Phạn Vương của thị tộc sinh ở kinh đô Gia Tử La (Kapila) nước Kosala, một tiểu-bang thuộc phía Nam xứ Népal, bên bờ sông Hằng Hà.

Hoàng tử Tất Đạt Đa sinh-trưởng ở chốn quyền quý, rồi đức vua cha lấy vợ cho hoàng tử là cô em họ Yatada. Nàng sinh hạ được một người con trai đặt tên là Lahula (La Haula). Chính sau khi sinh La Haula, hoàng tử Tất Đạt Đa mới tỉnh-ngộ và trực-giác sứ-mệnh lịch sử của mình. Nhà vua đã ra lệnh hể lúc nào hoàng tử đi qua thành để ra vườn ngự lâm thì không được để cho người già lão, bệnh tật hay đám ma tang

Theo Phật Bà Quan Âm diễn ca:

*Chân như đạo Phật rất mầu,
Tâm trung chữ hiếu, niêm đầu chữ nhân.
Hiếu là độ được đứng thân,
Nhân là vớt khỏi trầm luân mọi loài.
Tinh thông nghìn mắt, nghìn tay.
Cũng trong một điểm linh đài hóa ra.
Xem trong biển nước Nam ta
Phả môn có đức Phật Bà Quan Âm.*

“Chân như” đây là tiềm-thể của vũ-trụ, biến hóa muôn hình vạn trạng (*trùng trùng duyên khởi*). Nói cách khác, Phật tính siêu nhiên chính là “chân như”.

Ý tưởng “thiện” theo Phật giáo thể-hiện qua ba trạng-thái: *thể, tướng, và dụng*. Trong “Lịch sử Tư Tưởng Việt Nam” của gs. Nguyễn Đăng Thục, trang 354, “*Thể tương đương với ba động ý tưởng, tương-đương với ba động âm thanh và dụng tương-đương với ba động cụ thể*”.

Phật tính biểu-hiệu ra các phương-diện của yêu thương hoạt động, từ yêu thương cha mẹ đến nhân ái (từ bi) là tình yêu xã hội cho đến lòng bác-ái đối với tất cả chúng sinh. Tất cả vũ-trụ là trường hoạt-động của tình yêu hiện thực mà nguồn gốc là do một tâm linh biến hóa ra.

Chính tình yêu này ở Việt Nam đã thể hiện qua Phật Bà Quan Âm mà được thờ phụng ở Động Hương Tích và ở các chùa khác.

tu, quyết tâm cho đến khi nào thực-hiện được mục-đích.”¹

Đức Bồ Tát đi sâu vào các trạng-thái tinh-thần trầm tư mặc-tưởng. Ngài liên-tiếp đạt tới trình-độ nhận định về các kiếp trước của mình, trình-độ thiền định có thể hội thông những căn-nguyên của lý nhân quả, và sau cùng đến lúc bình minh, ngài tới cõi viên giác đại ngộ (*Mahasambhavi*) = *Tam diệu tam bồ đề*). Cái quá trình thuần-túy kinh-nghiệm này có một giá-trị quyết định trong đạo lý của Phật giáo.

Theo sách Ấn Độ giải-thích cuộc thực nghiệm tâm lý của đức Phật Thích Ca đấng đạo sư sau khi giác-ngộ được 4 bậc tinh-thần như sau:

- 1- Thông tỏ các việc ở kiếp trước.
- 2- Trừ-khử các ác căn ở trong lòng và được các huệ nhãn để thấu hiểu mọi việc.
- 3- Lý hội được “*Thập nhị nhân duyên*” là cái lưới giam chúng-sinh trong vòng luân hồi.
- 4- Phát minh được “*Tứ diệu đế*”, 4 điều căn bản để giải-thoát khỏi vòng sinh tử.

Khi ngài viên giác, sau một cuộc đắn đo giữa hai tiếng gọi “*Niết Bàn*” và “*Đau khổ*” ngài động lòng thương xót chúng-sinh, nhất quyết rời cõi niết-bàn để mở đường giải-thoát cho nhân loại.¹

Qua phần lược tóm về đức Thích Ca trên, ta thấy:

“Thích Ca đã giác-ngộ những nỗi khổ, sống,

1- Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Dân Tộc Việt, “*Huyết Hoa*” (Thái Dịch Lý Đông A), xb tại San Jose, Ca, năm 1986.

chết, bệnh, già của toàn thể chúng sinh và luật tàn ác vô thường thành, trụ, hoại, không của vũ-trụ. Thích Ca bằng một ý chí không thầy và tự sức, tự lòng “đại từ bi”, nhân ái vô hạn lượng, phát nguyện lớn lao cứu vớt cho toàn thể thế giới không trừ thai sinh, thấp sinh, noãn sinh hay hóa sinh.

“Thích Ca đã lịch-lãm trong ngoài Bà La Môn giáo . Thích Ca đã đau thương cái truyền thống giai-cấp, chia rẽ và đè nén của Aryen, say-sưa cứu vớt chúng sinh bắt đầu làm cho Ấn Độ toàn dân được chân bình đẳng, chân tự do và chân thân ái.

“Thích Ca đã bằng mình khỏi nơi cao quý : Ta không vào địa ngục, ai vào địa ngục? Không vào địa ngục sao cứu vớt được chúng sinh? “

** Đứng về quan-điểm lịch sử, dù Phật giáo có phủ nhận giáo lý truyền thống đi nữa thì cũng chỉ là một thái độ phản-ứng của Phật đối với thời-đại, bệnh giáo-sĩ độc tôn, bệnh trầm-tư mặc-tưởng của một số cá nhân tự cho là đại-diện cho tư tưởng truyền-thống, bệnh xã hội đau khổ, bệnh hoài nghi nguy biệch của các nhà lập thuyết.*

Tư tưởng truyền thống Ấn Độ đi từ thi ca về Đà với sự nhân cách hóa các thế lực thiên-nhiên thành vô số thần tiên, qua các hình thức lễ nghi, cầu cúng của tôn giáo độc thần đến siêu hình thần-bí của Upanisad, người ta thấy có một sự tiến hóa liên tục từ tình cảm chất-phác đến trí thức và trực giác tâm linh. Upanisad đã xác-định thực tại ngoại giới cũng là thực tại nội giới, điều-lý vũ-trụ cũng là điều-lý tâm linh.

Phật đã đề cao sự tôn trọng nhân vị và tiếng nói của luân lý, và cho rằng một ý tưởng điên cuồng khi cho rằng một kẻ nào khác có thể tạo ra cho chúng ta hạnh phúc hay đau khổ” (Bodhicarya).

Trong Lịch Sử Triết Học Đông Phương, tập 3, trang 191, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã trích-dẫn lời Radharrishnan - Indian philosophy p.358 :”Trong mớ hỗn-độn của tín ngưỡng và tan-rã của chủ nghĩa, nhiệm-vụ của Phật là xây-dựng một nền-tảng vững chắc cho luân thường đạo lý. Ưu điểm của Phật giáo là mở đường cho một tôn giáo biệt lập với tín điều và giáo hội, nghi lễ và thánh hóa.

“Phật không phải hạn người giải-thoát cho người khác, nhưng Ngài dạy cho họ, mọi người cách tự mình giải thoát cho mình cũng như Ngài đã làm lấy. Người ta tin theo lời truyền bá về chân lý của Ngài không phải vì chân lý ấy từ ở Ngài xuất ra, mà bởi vì qua lời nói của Ngài, một sự hiểu biết cá nhân của mình về những điều Ngài nói đã biểu-lộ ra trong ánh sáng của chính thân mình.

“Nước mắt chúng sinh trong ba ngàn thế giới đem chứa tích lại còn nhiều hơn là nước trong bốn bể.” Quả thật là sự thiết-tha thâm-trầm về nỗi đau khổ của thế-gian.

Nói đến từ-bi của Phật giáo, tín đồ Phật Giáo Việt thường nghĩ ngay đến “*Phật Bà Quan Âm*” hay Nam Hải Quan Âm (*Phật Bà Chùa Hương*).

*

và nên phát tâm đại bi, tùy phận, tùy sức để cứu giúp qua khỏi sự đau khổ. Trong khi ta cứu độ chúng sinh cũng không nên tưởng nghĩ đến tướng ta, tướng chúng sinh, không cầu danh dự, báo đáp, không trụ vào mọi tướng, đó mới gọi được là “đồng thể đại bi”.

Tương tự, trong cuốn “Từ Bi và Vương Mặc” của đức Đạt Lai Lạt Ma, người chuyển dịch Chân Huyền: “*Tình thương và lòng từ bi của ta đối với bạn bè nhiều phần là sự quyến luyến. Tình cảm đó không bắt nguồn từ sự hiểu biết về quyền sống hạnh phúc và vượt thoát khổ đau bình đẳng cho mọi người. Trái lại nó khởi đi từ ý tưởng “của tôi, bạn tôi, cái gì tốt cho tôi, v.v...” Đó là sự vương mặc. Vậy nên khi người quen của bạn thay đổi thái độ thì tinh thần của bạn sẽ biến mất.*

Khi co từ bi đích thực, sẽ quan tâm đối phương bất kể thái độ của họ ra sao... Lòng từ bi đích thực lành mạnh hơn, nó không kỳ thị, và không cần lý luận.

Theo phép hành trì trong Phật giáo, muốn phát triển lòng từ bi, trước hết chúng ta cần thực tập quán tưởng về sự bình đẳng và buông xả, không vướng vào những người rất thân cận với mình. Rồi ta cần xả bỏ những cảm thọ đối với kẻ thù.”



Phật giáo đã hoàn toàn Việt hóa qua sự tích *Quan Âm Thị Kính*, tượng-trưng cụ-thể cho lòng tha-thứ vô biên, tha-thứ và chịu đựng trong tinh thần nhân bản,... Kính Tâm (Thị Kính) vì đã cải trang để ẩn-tích nên không có cách gì cãi lại với nhà làng, Kính Tâm bị tra tấn cực hình:

*Vóc bồ xem đã tươi-bời,
Thương thay, sut mới cất lời van lơn
Thưa rằng: làm phúc nào hơn,
Mở lòng Bồ Tát, dẹp cơn lôi đình.*

(*Quan Âm Thị Kính/Vô Danh*)

Vừa bị đòn, vừa bị hạ nhục, mang tiếng oan ức là kẻ phụ lòng sư phụ:

*Rằng: con đã mắc tiếng người chê bai
Tam quan ra ở mái ngoài
Kẻo e miệng thế mĩa-mai đến thày.
Dù con có thật chuyện này,
Lòng trần giữ sạch, từ nay thì chừa.
Như không mà phải tiếng ngờ,
Cũng nên khuyên gượng làm ngơ kẻo buồn.*

Và Kính Tâm (Thị Kính) đã

*Chữ rằng: Nhẫn nhục nhiệm hòa,
Nhẫn điều khó nhẫn, mới là chân tu.*

Chỉ sau khi Kính Tâm (Thị Kính) qua đời, người ta mới biết Kính Tâm là con gái, quả là oan tình:

*Truyền rằng: nào tiểu Kính Tâm,
Phi thăng làm Phật Quan Âm tức thì.*

Chính đây là triết lý lấy “*Bồ Tát*” thay thế

Thích Ca.

Lý tưởng “*Bồ Tát*” là lý tưởng giải-thoát chúng sinh khỏi đau khổ. Cố giải thoát cho mọi chúng sinh không cho riêng mình. Bồ Tát là môi-giới của tình yêu đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát.

*Khi trống giục, lúc chuông đồn
Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tối ngày.*

“*Tiếng chuông lẫn tiếng ru con*” đó là ý-nghĩa cao cả của lòng từ-bi ở Đại thừa Phật giáo, đã *nhập-thể nhân sinh theo truyền-thống của dân Việt*.

Tình thương yêu của dân Việt khác với lòng “*nhân*” trong Khổng giáo, hay “*bác ái*” trong Thiên Chúa Giáo và “*Từ Bi*” trong Phật Giáo ở chỗ ***chú trọng về nhân sinh, sống động, sống thực, không bị đóng khung*** trong một hệ-thống suy luận; không buộc theo một điều-kiện nào.

Nhân trong Khổng giáo đi đôi với lý trí; bác-ái trong Thiên Chúa giáo đi đôi với làm đẹp lòng Chúa, hay muốn được ban ơn phước, giáo dân phải thờ lạy Thượng đế, và con người chỉ là những tôi tớ hèn mọn của Thượng đế! Từ bi trong Phật giáo đi rộng đến chúng sinh (vạn vật)..

*Thương thay thập loại chúng sinh:
Phách đơn, hồn chiếc, linh-dinh quê người.
Hương khói đã không nơi nương tựa,
Phận mồ côi, lần lửa đêm đêm.*

(Nguyễn Du - Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh)

Từ bi theo Phật giáo chia làm 3 cấp:

* Chúng sinh, duyên *tự* khởi tâm đền ơn, mong mỗi mà khởi tâm từ bi, *đạo đức thế gian*.

* Pháp duyên tự: (cấp 2) duyên nơi pháp và khởi từ bi (quán thân bình đẳng), *bình đẳng tâm*.

* Đồng thể đại bi: Vô duyên đại tự, *không phân biệt, không điều kiện*.

Nghĩa chính của hai chữ “*từ bi*”, theo hòa thượng Thích Huệ Đăng giải thích: Từ là cho vui, bi là cứu khổ. Từ bi không lấy cái ngã làm trung tâm xuất phát, mà là kiến lập trên thể tướng *bình đẳng* đối với tất cả chúng sinh đều cùng một thể không sai khác; đứng về phương diện tinh thần, tất cả chúng sinh đều có đủ tâm thức, vả lại, tinh thần thì không có thể phân chia giới-hạn được, như thế chúng ta là tất cả chúng sinh là bình đẳng nhất thể, nên chữ “*từ*” trong Phật giáo cũng gọi là “*bình đẳng từ*”, “*vô duyên từ*”. “*Bi*” là “*đồng thể bi*. Khi tập luyện pháp “*từ bi quán*”, trước hết phải quán nghĩ tất cả chúng sinh là bình đẳng nhất thể, nếu thấy chúng sinh cần dùng vật gì, ta nên tùy phận, tùy sức giúp đỡ cho họ vật ấy, khiến họ được đầy đủ vui thích. Trong khi ta thì “*xả*”, cần nhất là *không nên tưởng nghĩ rằng ta là người cho, kẻ kia là người được cho, và cũng không nên tưởng nghĩ đến những tài vật mình cho nhiều hay ít*. Có như thế mới không sinh tâm ngã mạn, không cầu danh dự, không mong báo đáp, không duyên với mọi tướng. Đó mới được gọi là “*vô duyên từ*”, “*Bình đẳng từ*”. Nếu thấy chúng sinh có điều gì đau khổ, nên khởi ra cái tâm tướng đồng thể, chúng sinh bị khổ tức là ta bị khổ, không phân biệt kẻ kia với ta,

các thế hệ kế tiếp. Do đó Do Thái phải bị nô lệ muôn đời.” (The guilt of Jesus in rejecting and crucifying Jesus only grows deeper with successive generation, entailing perpetual slavery.).

Ngày 2-10-1870, vua Ý đã dùng thế quyền tước bỏ thần quyền của Giáo hoàng, hủy bỏ các sắc luật đối xử bất công đối với Do Thái của tòa thánh từ xưa tới nay.

Năm 1960, giáo hoàng John XXIII đã đến những địa điểm tội ác (*Các trại tập trung Do Thái ở Auschwitz, Burgen, Dachau, Ravensbrunn*) để làm lễ và tạ tội: *“Lạy Chúa dấu ấn của Cain đã đóng trên trán của chúng con. Qua bao nhiêu thế kỷ, máu người anh em Abel của chúng con, do chúng con làm đổ ra cùng với nước mắt vì chúng con đã quên mất tình yêu của Chúa. Lạy Chúa xin tha tội chúng con vì chúng con đã nguyện rửa sai lầm. Xin Chúa tha tội chúng con đã đóng đinh Chúa lần thứ hai trên thân xác của những người anh em Do Thái, vì chúng con chẳng biết việc chúng con làm”* (*The mark of Cain is stamped on our foreheads. Across the centuries, our brother Abel has lain in blood which are drew and shed tear we caused by forgetting thy love. Forgive us, Lord for the curse we falsely attributed to their name as Jesus. Forgive us for crucifying thee the second time in their flesh. For we not know what we do.*)
...

Qua 5 (năm) đặc tính trên, ta thấy hầu hết đều tương đồng với các tư tưởng cổ truyền Á Đông:

- Thay vì nói “*Thượng Đế*” thì Nho giáo gọi là

II- 4/ CÔNG BẰNG BÁC ÁI THEO THIÊN CHÚA GIÁO:

A/ Lược sử cuộc đời chúa Jésus:

Tất cả những gì mà ngày nay, người ta biết về Đức Jesus đều do bốn cuốn “Phúc Âm” của Mathew, Luke, Mark và John. Trong các cuốn “Phúc âm” này chỉ kể những gì liên-quan đến 3 năm cuối đời của ngài. Ba mươi năm đầu của Jésus không một sách nào viết tới, ngoại trừ huyền thoại Giáng Sinh và Jésus bị lạc cha mẹ trong dịp lễ Passover ở đền Jérusalem vào năm ngài 12 tuổi.

Ngài đã sinh ra và lớn lên với tư cách là công dân Do Thái, dưới thời lệ thuộc đế quốc La Mã, triều đại Augustus.

Theo sách Phúc Âm do MarK viết, lễ rửa tội của Jésus do John The Baptist (Gioan Baolixita) chủ lễ trên sông Jordan, lúc đó Ngài 30 tuổi để được chính thức gia nhập giáo phái Essenes. Giáo phái này đứng về phía người nghèo, chủ trương cộng đồng tài sản giống như kiểu lý thuyết Cộng Sản. Giáo phái này kịch liệt đả kích hai giáo phái Pharisees và Saducees, cho hai giáo phái này là đạo đức giả, bóc lột dân nghèo.

La Mã nguyên từ một tiểu bang nhỏ, đánh chiếm các nước chung quanh trở thành bá-chủ khu vực Địa Trung Hải.

La Mã đã chiến tranh với đế chế Carthage suốt hơn thế kỷ từ 264 đến 164 trước Công Nguyên. Kết quả La Mã đã chiến thắng, và đế quốc Carthage vĩnh

viễn bị xoá tên trên bản đồ. La Mã chiếm nhiều đất đai ở Địa Trung Hải và Châu Âu, lập thuộc địa ở Bắc Phi. Ở phía Đông, sau khi chiếm Macedonia (147 trước Công Nguyên) và Ai Cập (30 trước C.N.)

Trong quá trình bành-trướng của đế quốc La Mã, nhiều thành phố bị san bằng, tất cả dân cư và tù binh đều trở thành nô lệ.

Nói cách khác, Jésus sinh ra trong thời-đại chế độ chiếm hữu nô-lệ, và lớn lên trong một thời đại thiếu vắng “tình người”!¹

B/ **Bác Ái** trong Ki-tô giáo:

Đại-biểu cho triết học Duy Tâm (*Duy thần*) là Thiên Chúa giáo. Cứ theo Catholic Encyclopedia, *Bác ái là một tập-quán có tính thần học, thiên về nhân tâm để kính mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, và con người vì Thiên Chúa (Charity defined: a divinely infused habit, inclining the human will to cherish God for his own sake above all things, and man for the sake of God.)*

Định nghĩa này hàm-chứa những đặc tính:

1- Bác ái là do Thượng Đế ban cho chúng ta qua chúa Thánh Thần (La Mã 5:5).

2- Dù bác ái phản ứng trên bản năng cảm quan nhưng cần đi đôi với ý thức và lý trí.

3- Hành động của bác ái là đặc-trưng tình cảm giữa con người với Thượng Đế (St. John 14.23; 15:14).

1- Trích theo Phương Ngô, “*Tóm Lược Lịch Sử Thời Cựu Ước & Tân Ước*”, Sat 9/19/09, 11:10 AM.

4- Động lực của bác-ái không phải do sự mộng tưởng một phần thưởng, hay một phúc lộc nào, mà Thượng Đế yêu vì mục đích của chính ngài.

5- Phạm vi bác ái bao gồm suốt dọc cả con người lẫn Thượng đế, vừa siêu-nhiên vừa trần thế, (Mathêu 22:39 và Luca 10:27).

Trong Kinh Thánh đã ghi: “*Anh em đã nghe luật dạy rằng: “Mắt đền mắt, răng đền răng” còn Thầy, Thầy bảo anh em: Đừng chống cả người ác, trái lại nếu bị ai vả má bên phải thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa. Nếu ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì hãy để cho nó lấy cả áo ngoài... (Mt. 5-38.40)*

“*Cũng trong đoạn 5, từ câu 43-45, thánh Mathêu còn ghi lại lời của Chúa: “Anh em đã nghe luật dạy rằng: “Hãy yêu đồng loại và ghét kẻ thù, còn Thầy, Thầy bảo anh em: “Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em. Như vậy anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, đấng ngự trên trời, vì người cho mặt trời mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính.”*

Nhưng tiếc thay, tín đồ của Chúa đã mang danh Chúa mà lao vào vòng tội ác, đã hoàn toàn hủy diệt tinh thần “Bác ái”! Không kể những sự việc trong các thế kỷ trước, mà chỉ cần nêu ra những thế kỷ gần đây, như: Năm 1581, giáo hoàng Gregory XIII ban tông huấn :

”*Tội ác của Do Thái trong việc chối Chúa và đón đánh Chúa Jesus chỉ càng ngày càng ăn sâu vào*

II-5/ -Minh triết Việt:

“*Thương người như thể thương thân*” (lấy thân người làm đối chiếu, thật là nhân bản), bao quát đủ cả.

Tình thương yêu này phát sinh từ nếp sống nông nghiệp, nhất là từ *15 nguyên lý của nước*, khác với hoàn-cảnh bối sinh ra Phật giáo và Thiên Chúa giáo (hoàn-cảnh xã-hội thiếu tình người [giai-cấp (nô lệ với chủ nhân ông), loạn lạc, tranh giành]....

Xã hội Việt là xã-hội nông nghiệp, đòi-hỏi hòa với thiên nhiên, hòa với làng xóm, v.v... Hòa để cuộc sống an lành. Bởi vậy, ở Việt Nam không có giai cấp, mà “*Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông nhất nông nhì sĩ*”...

Yêu thương là huyết tính của nhân loại, ví như “*nước*” là vật có thể thu nhận tất cả, bất cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi vị hay màu sắc nào cũng mặc, đều chấp-nhận cả.

Nhờ thực-chứng tính chất dung-nạp không phân biệt (*vô lượng thụ biệt*), cùng sức nuôi dưỡng vạn vật của **nước** mà người Việt nêu cao lượng bao dung.

Sở-dĩ tình thương yêu không ràng buộc trong một ý nghĩ nào, mà vì đời sống người dân hòa hài, không độc tôn tư tưởng hay giáo điều. Sinh hoạt xã-hội tất có nhiều khuynh hướng có khi phù-hợp hay đối-ngịch nhau. Xã hội tồn tại, tiến hóa hay thụt lùi là do hợp lực của những khuynh-hướng. Một khi quan-niệm độc-tôn, hay độc quyền chân lý (*cho mình là nhất*) để đi đến kỳ-thị, đàn-áp, chém giết,

“*vũ trụ*”, hay “*thiên nhiên*”, “*Thái cực*”, “*Đạo*”, “*Vũ trụ vô thủy, vô chung*”, “*Vũ trụ bất khả danh, bất khả luận*”, mà người dân Việt kêu là “*ông Trời, ông Xanh*”, “*trẻ tạo, con tạo*”, như:

*Trẻ tạo hóa đành-hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi!*

(*Cung Oán Ngâm Khúc*)

- Hay “*Biến Hóa luận*” của Trang Tử:

“*Vật chi sinh dã, nhược sâu nhược trì. Vô động nhi bất biến, vô thời nhi bất di. Hà vi hồ? Hà bất vi hồ? Phù cố tương tự hóa*” (Vật sinh ra như mau như chậm, không động thì không biến, không lúc nào mà không dời đi. Tại làm sao vậy? Làm sao mà không như thế vậy? Ấy là nó muốn tự hóa.)

Trang Tử gọi cái vòng biến hóa ấy là “*khuôn trời*”. Quan niệm biến hóa này không công nhận có “*thượng đế*”, có chủ thể sáng tạo, mà cho rằng ở mọi vật, từ vật lớn đến vật nhỏ vô cùng đều có cái sức tự sinh, tự hóa ở bên trong.

- Trong kinh Dịch: “*Thiên Địa chi đại đức viết sinh*” (Cái đức lớn của trời đất là nguồn sống)

Hay: “*Cương - nhu tương thôi nhi sinh biến hóa*” (Rắn mềm đun đẩy lẫn nhau mà sinh ra biến hóa)

- Đối với Phật học: “*Siêu hình của Phật giáo Mật tông lập cơ sở trên lý đồng nhất làm nền tảng cho tất cả hiện hữu. Bởi thế mà có sự quan hệ mật thiết bất đoạn, liên đới điều hòa giữa tất cả sự vật trên thế giới hiện tại và siêu nhiên. Vũ trụ quan là “Một mà Hai”, “Hai mà Một” “Bất nhị pháp”, “Vô*

nhị tướng”.

- Theo Lão Tử: “Vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô” Vạn vật sinh ở chỗ có, có sinh ở chỗ không)
(Đạo Đức Kinh)

Bàn đến tông-giáo, ta thấy hầu hết các tông giáo đều nói đến lòng từ thiện, tình thương yêu, Nhưng đa số các giáo hội ít khi đồng thuận với nhau về Thượng đế và tín lý. Giáo hội này cho là chân, thì giáo hội kia cho là giả. Giáo hội nào cũng đề cao tình bác-ái, nhưng hời ôi, qua lịch sử cho thấy những giáo hội anh em với nhau đã luôn luôn coi nhau là thù địch, đã từng bỏ nhau xuống hòa ngục, đã từng xỉ-vả, nguyên rửa lẫn nhau, thậm chí đã từng hưng binh tàn sát lẫn nhau, đã từng dùng những thủ đoạn hết sức ác độc để gieo tai họa cho giáo hữu của đối phương.

Đối với Tin Lành đã có chiến tranh thật sự giữa hai phe”

- Ở Pháp vào năm 1562 kéo dài đến 1594. Nguyên đêm lễ thánh Bartholomew vào tháng 8 năm 1572, có cả vạn người Tin Lành bị Công giáo phục kích chết.

- Ở Đức (Saxony, Moravia) có chiến tranh tôn giáo 30 năm.

- Đối với Hồi giáo (Islamism) thì có lục đại thánh chiến:

* Đệ nhất thánh chiến (1096-1143).

* Đệ nhị thánh chiến (1147-1149)

* Đệ tam thánh chiến (1189-1192)

* Đệ tứ thánh chiến (1202-1204)

* Đệ ngũ thánh chiến (1216-1217)

* Frederic II thánh chiến (1228-1229)

* Đệ lục thánh chiến (1248-1254)

Các thánh chiến thực ra cốt trong nước thì tiêu diệt Do Thái, nơi đất thánh Jerusalem thì cốt tiêu diệt Hồi giáo.

Ở Âu Châu, sử chép: Trong tất cả các tỉnh mà nghĩa binh thánh chiến công giáo đi qua, họ đã tận diệt hậu duệ Do Thái còn sót lại, vì coi họ là kẻ nội thù của giáo hội, hoặc bắt họ phải chịu phép rửa tội nhưng nhiều người Do Thái sau đó lại trở lại đạo của họ.”

Ngày nay, nhiều mối đe dọa hủy diệt con người và trái đất! Như:

Một số tín đồ Hồi giáo ôm bom tự sát,
Các hội nghị thương thuyết giả đạo nghĩa,
Hình thức xâm lăng không tiếng súng của Trung Cộng, v.v...

* Quan niệm chữ “Nhân” trong Nho giáo, “Từ Bi” trong Phật Giáo, và “Bác ái” trong Thiên Chúa giáo khác nhau :

-Phật: Đại từ bi, chúng sinh (tất cả các sinh vật) không phân-biệt người, vật.

-Thiên Chúa giáo: Mến Chúa yêu người.

-Nho: Thiên mệnh chi vị tính?

*

vượt qua những dị-biệt, để cùng giải-quyết vấn đề chung.

Điều tiến-bộ mà ai cũng nhận thấy là những thập niên cuối thế-kỷ vừa qua, khi một quốc-gia mới được công-nhận, đó là một giải-phóng thành-tự. Một quốc-gia mới được công-nhận là nguồn sinh-lực mới được hình-thành theo khát-vọng chính-đáng của quần chúng. Đó là những tiếng chuông của công-lý hùng-hồn nói lên những đế-quốc phải trả lại chủ-quyền đất nước cho những dân-tộc đã bị cướp đoạt trong nhiều năm qua.

Thiên-niên kỷ 2001 này, hai chữ “*nhân quyền*” là những âm-điệu du-dương đem lại nhiều hy-vọng cho con người. Ý-thức về quyền sống, quyền làm người càng biểu-lộ. Trong tương-lai, những quyền sống căn-bản của con người sẽ là nền-tảng cho các hiến-pháp của mọi quốc-gia, và là mẫu-số chung cho toàn-thể nhân-loại.

*Tình thương yêu của người Việt không mong đào-tạo nên những ngài “quân tử” như mục-đích trong Khổng giáo, những sa-môn trong Phật giáo, những linh-mục, mục-sư trong Thiên Chúa giáo, mà chỉ đào-tạo những con người **Phù Đổng, Tiên Dung, Chủ Đồng Tử, Tản Viên Nguyễn Tuấn, Thi Sách, Trưng Trắc**, con người **Trúc Lâm Đầu Đà** diệt Mông Cổ rồi chống gậy trúc đi lang-thang khắp nước...*

Để thấy “*Tình thương yêu*” (lòng nhân ái) qua văn hóa Việt có tính cách thật “*nhân bản*”, tình người cụ thể, không đòi-hỏi điều-kiện nào (như có nhân ái

tiêu-diệt lẫn nhau. Lịch sử thế-giới đã chứng-minh sự tàn hại về độc tôn, độc quyền tư tưởng.



Hãy hối hận, hãy luôn-luôn đề-phòng và cảnh tỉnh chính mình và mọi người khi đi tìm nhân nghĩa và đạo đức. Dân chủ, vương đạo nếu chỉ nắm được cái vỏ danh từ của nó trên bao nhiêu hoa mỹ, anh hùng vinh quang, mà không rõ thực thể của nó thì trên hành động sẽ để lại chua cay cho loài người.

Lịch sử nhân loại đã qua, quả là mối trường hận cay độc. Sau mỗi đổi đời, chỉ còn lại những *thất thanh*, *kêu gào* trong đáy lòng người!

Mơ-tưởng của loài người hiện nay là:

- Chấm-dứt mọi thống-trị dân-tộc.
- Chấn-chỉnh và đặt đúng cương-vị của cơ-quan Liên Hiệp Quốc.
- Chấm-dứt những hình-thức người bóc-lột người.
- Phải xua đuổi bằng được bóng-dáng của chiến tranh.
- Phải tạo ra những xã-hội hòa-hài trong một thế-giới an vui...

Thật là cấp-thiết vì loài người đang nắm trong tay những vũ-khí ghê-hồn, có thể tiêu-diệt nhân-loại.

Nhân loại đã chuyển dần từ “*thần tặc*” sang “*lý tặc*”, để đời sống ngày một lý-tưởng hơn. Các kinh-nghiệm sống được tích-lũy và trao truyền cho các thế-hệ sau.

Đúng lý, loài người đặt ra các luật lệ, cơ-chế để giảm thiểu sự chém giết, tàn ác, bóc-lột giữa người với người là thời-kỳ “*Nhân đạo tăng tiến*”, nhưng rất tiếc hiện nay con người bị mất quân-bình trạng-thái giữa *tâm* và *trí*. Sự sống của thế-giới đang bị đe-dọa. Tuy nhiên, sau một thời-gian đấu-tranh bằng lý-luận cũng như bằng bạo lực, con người sẽ tìm ra chân lý, hạnh-phúc của con người nằm ở ngay “*nhân đạo*”, nhờ thế mà con người sẽ đạt sang thời-kỳ “*nhân đạo ổn định*”,...

Điều mà ngày nay, ai cũng thấy tương-quan giữa động-vật với động-vật là tương-quan “*mạnh được yếu thua*”. Vận-động và phát-triển theo kiểu “*mạnh được yếu thua*” đã đưa động-vật mạnh nhất ngự-trị trên đỉnh của “*kim tự tháp*”!

Tương-quan giữa con người với con người là tương-quan “*Đồng Nhân*”, tương-quan “*hòa hài*”.

Đã đặt nền-tảng trên “*hòa hài*” thì phải xóa bỏ tương quan “*thống trị*” và “*bị trị*”, nghĩa là phải phá bỏ kiến trúc “*Kim Tự Tháp*”, mà xây-dựng theo “*kiến-trúc hạ ch tâm*” hay theo “*biện-chứng Cơ Năng và Bản Vị*” (Xin đọc *Tham Luận Mở Rộng*, ở trang 71)

Trong sự tìm kiếm sự sống, kinh-quá các chủ thuyết đều đã thất-bại! Vì thiếu tình thương đích thực, nên chỉ đem lại cho quốc-gia, nhân-loại những

khổ đau, và tan nát!

Muốn hòa-bình và phồn-thịnh lâu dài thì phải xây-dựng một cơ-chế đáp-ứng nhu-cầu hòa-bình và phúc lợi. Cơ-quan Liên Hiệp Quốc ngày nay quá lỏng lẻo! Hầu như chỉ là nơi các siêu cường lợi-dụng để mặt-sát nhau, để che-đậy những mưu toan đen tối!

Các quốc-gia hội-viên trong Liên-Hiệp quốc chưa thực sự được coi nhau bình đẳng (*chưa coi nhau như các tế bào trong cơ-thể*). Siêu-cường trên thế-giới vẫn còn ngang-nhiên đàn-áp, tiêu-diệt những chủng-tộc khác. Các siêu-cường còn ngang-nhiên sử dụng vũ lực thô-bạo để khống-chế, hoặc cưỡng chiếm lãnh-thổ của những tiểu nhược, điển-hình Trung Cộng ngang-nhiên chiếm Tây Tạng và lấn áp Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, v.v... mà hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp quốc vẫn bất lực, không một giải-pháp rắn đe!

Thế-giới đang trên đường định hình từng quần thể theo từng khu-vực. Tiến-trình định hình phải trải nhiều thập niên cho đến ngày hoàn tất!

Điều cần nhắc-nhở sự lớn mạnh của “*quần thể*” khác với sự lớn mạnh của “*sinh thể*”. Sự lớn mạnh của “*quần thể*” là do sự tin-cậy nhau, tôn-trọng nhau, nương-tựa nhau, không còn cung-cách quản-trị theo mô hình “*Kim tự tháp*”, và cũng không áp-dụng luật tắc của động-vật “*mạnh được yếu thua*”.

Cũng hy vọng nhờ những lý-do căn-bản về hiệu-năng kinh-tế và an-ninh chung của toàn vùng mà các quốc gia hội viên trong quần thể từng vùng

bản-vị mới khi vận động phải hỗ-trợ các cơ-năng vận động có hiệu-quả hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ mỗi hành-động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với hướng tâm xu thế của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh phúc cho cả gia đình). Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn tại và phát triển. Đó là chân ý nghĩa của sự hình thành và phát triển trong vũ trụ.

II/ BIỆN CHỨNG DUY DÂN

Theo Biện chứng của Chủ Nghĩa Duy Dân có năm (5) qui luật để diễn giải về “Bản Vị Học Thuyết”:

Qui luật 1: *Đạo kỹ là tự kỹ nguyên nhân.*

Đạo là cái uyên nguyên, bản thể của sự, vật và sự vận động của bản thể ấy.

Kỹ là các quy-luật, giềng-mối, cách-thức đường lối phát-triển của bản-thể được phát sinh trên đường điều hòa của chính bản thân ấy.

Tự kỹ nguyên nhân là do bởi tự mình, do mình mà có. Ta hãy lấy một thí-dụ trái đất quay chung quanh mặt trời theo một quỹ đạo nhất định, mặt trăng cũng quay chung quanh trái đất theo một quỹ đạo riêng của mặt trăng. Bản thể của trái đất hay mặt trăng do đâu mà hình thành? Sự vận động và điều hòa của bản thể đó từ đâu mà ra, từ đâu mà có?

- Ta có thể nói: Bản thể của trái đất hay của mặt trăng tự nó mà có, tự nó mà ra ; sự vận động và điều hòa của bản thể do tự thân nó mà hình thành. Nguyên nhân tự chính nó, nghĩa là “tự kỹ nguyên nhân”. Bản thể của trái đất, sự vận động của trái đất (tức là đường đi của trái đất hay quỹ đạo của nó) là “đạo kỹ”, tự nó

mới được Chúa thương cho lên thiên đàng, hay ngự nơi tòa sen của Phật giới, hoặc như Bồ Tát hy-sinh mạng sống con người cho thú dữ, mà rất chân tình, cảm xúc trong tình người.

***/ Biện chứng:**

“Biện chứng pháp là một danh từ dùng trong luận lý học Tây phương, là phương-pháp biện-luận có chứng-minh (dialectic) .

Theo “The American Heritage Dictionary of the English Language” , New College Edition, 1980, Published by Houghton Mifflin Company, “*Biện chứng pháp là một phương-pháp diễn tả bằng cách cho thấy những mâu-thuẫn trong một cuộc đối luận để đi đến một sự thật.*” (Dialectic is the art of arriving at the truth by disclosing the contradictions in an opponent’s argument and overcoming them.)

Theo “*biện chứng pháp*” thường có ba mệnh-đề được đặt ra: hiện đề (thesis), phản đề (anti-thesis), và hợp đề (synthesis).

Hiện đề là một hiện-trạng của một thực tại.... Trong mỗi hiện đề đã chứa chất mầm-mống mâu-thuẫn, đối chọi với chính nó. Nhờ sự đối kháng này mới phát sinh tiến bộ. Sức đối kháng này được gọi là “phản đề”. Có thể nói bất cứ một “hiện đề” nào, tự nó đều có thiếu sót, bất toàn. Do đó, cần có một “phản đề” để bổ túc cho nó. Chính “phản đề”, tự nó cũng không hoàn toàn đúng. Bởi vậy, cần liên kết “hiện đề và “phản đề” lại với nhau, làm thành một “hợp đề”. Hợp đề chính là kết quả của sự thanh lọc

những cái dở, và chỉ giữ lại những điều đúng trong “hiện đề” và “phản đề”.

Quá trình tiến triển của tư tưởng để tìm ra chân lý, trí khôn con người luôn áp-dụng phương-pháp biện chứng. Do đó, “hợp đề” tự nó trở thành một “hiện đề” mới, rồi mâu-thuẫn với chính nó để phát-hiện ra phản đề” mới. Hai bên dung hòa với nhau để tạo thành “hợp đề”.



Tham Luận Mở Rộng

Bản Vị Học Thuyết & Biện Chứng

(Vận động và kết hợp)

I/ ĐỊNH NGHĨA

A/ Bản Vị: Bản có nghĩa là gốc, “vị” là ngôi (thứ vị, địa vị). “Bản vị” là một đơn-vị căn-bản. Bản-vị học thuyết là một học thuyết giải thích một nguyên nguyên, hình thành, kết cấu, vận động của các đơn vị căn bản trong vũ trụ. Vạn vật, nhân loại y cứ trên luật hổ tương của vũ-trụ và con người.

Trong chủ nghĩa “Duy Dân”, nói đến “bản vị” là nói đến một đơn vị cơ bản, tự nó tồn tại, tự nó có khả năng vận động và kết hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Các bản vị hydro, oxy, nam, nữ khi vận -động thì hổ-tương suy động để kết-hợp thành bản-vị mới (nước H₂O, gia đình - trong bản vị mới này, các bản vị cơ bản trở thành cơ năng), đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận động của cơ-năng trở thành mối tương quan của bản-vị mới, Ngược lại,

Qui luật 3: Bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân.

Bản vị là một đơn vị cơ-bản, tự nó có thể tồn tại và có khả-năng vận động và kết hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Như vậy, một bản-vị có thể đóng hai vai trò: bản-vị cơ bản và bản-vị thành phần của bản vị lớn hơn.

Thí dụ hydro, oxy là những bản-vị cơ bản . vận động và kết hợp thành nước H_2O , hydro và oxy trở thành bản-vị thành phần (cơ năng) của bản vị nước.

Mỗi bản-vị khi tự thành hình đã có riêng cho nó một tính đặc-biệt và có riêng một trục lõi một trung tâm bản-vị. Mỗi bản-vị thành phần chịu chung một xu-thế hướng tâm, của bản-vị mới và đảm nhận một tác dụng nghĩa là thành một cơ-năng. Do đó, bản-vị là nguyên nhân của cơ-năng và cơ-năng là nguyên nhân của bản-vị. Nói cách khác “Bản-vị và cơ-năng là hỗ tương nguyên nhân.”

Các cơ năng (hydro, oxy, nam, nữ) khi vận động thì hỗ tương suy động lẫn nhau để kết-hợp thành bản- vị mới (nước, gia đình) , đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận động của cơ-năng (hydro, oxy, vợ, chồng rồi thêm con cái) trở thành mỗi vận động của bản-vị mới. Ngược lại, bản-vị mới khi vận động phải hỗ-trợ cho các cơ-năng để cho cơ-năng vận động có hiệu quả hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ, mỗi hành động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với xu thế hướng tâm của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh phúc cho cả gia đình, không làm hại đến một người nào trong

mà có, tự thân nó mà ra.

Đạo kỹ là tự kỹ nguyên nhân có nghĩa là sự hình thành bản thể một hiện tượng, sự vận động và phát triển của hiện tượng đó đều theo các qui luật, các nguyên tắc tự chính nó, tự thân nó (tự kỹ), bởi nó mà ra, chứ không phải do sự can thiệp của loài người, hay do sự tạo dựng của thần thánh.

“Đạo kỹ” là “tự kỹ nguyên nhân” là qui luật áp dụng cho mọi phạm trù trong vũ trụ (Tự nhiên, xã-hội và tư tưởng).

Trong vũ trụ và xã hội loài người, vì lấy người làm đối tượng nên “đạo kỹ” là sự “trông về trước, ngoái về sau”, đứng trên lập trường người mà dương đạo. Đạo của người tức là đường sống của loài người, là nhân đạo.

Muốn xây đắp nhân đạo, ta phải lấy bản chất người (nhân bản), bản tính người (nhân tính) làm y cứ mà xây dựng xã hội loài người, chứ không thể y cứ trên vật chất hay tinh thần, hoặc các phạm trù siêu hình.

Qui luật 2: Vận Động và Kết Hợp là hỗ tương nguyên nhân.

Vận động là nguyên nhân của kết hợp vì kế hoạch và mục đích của vận động là kết hợp. Thực tại cho thấy rằng vận động là để hình thành một kết hợp, không có kết hợp nào lại không hàm chứa vận động, nên kết hợp là nguyên nhân của vận động, cho nên vận động và kết hợp là hỗ tương nguyên nhân.

Sự vận động của các bản-vị tự nó mà có đó là “tự kỹ vận động.” (Thí dụ trái đất tự quay quanh nó, vận

động của các chất hydro, oxy trong vũ-trụ). Sự kết hợp của Oxy và Hydro thành bản vị mới là nước, là kết quả đương nhiên của vận động.

Mỗi bản vị khi tự hình thành có riêng tự nó một tính đặc thù (Hydro, Oxy, Nam, nữ) và sẵn có riêng tự nó một trục lõi, một trung tâm bản vị (trục của trái đất, bản ngã của con người).

Quanh trục lõi, các bản vị tự phát sinh một sức quy tâm và một sức ly tâm (Ở trái đất là sức hút và sức đẩy - Ở người là sức hướng tâm, hướng tha và hướng thượng). Sức quy tâm là sức hướng tâm vận động. Sức ly tâm là sức sinh hoạt vận động hướng tha và hướng thượng. Các sức hướng tâm vận động và hướng tha vận động phát sinh cùng lúc, vừa tạo ra sự củng cố, bảo toàn, phát huy nội lực, vừa tạo ra sức vươn tới, phóng ngoại. Cả hai vừa tạo ra sự đối lập vừa tạo ra sự thống nhất trên trục lõi.

Nói khác đi, sức vận động quy tâm và ly tâm của mỗi bản vị hỗ tương tác động nhau, phát sinh tình trạng đối lập thống nhất trong kết hợp tại mỗi bản vị

- Để tạo nên một quân hành trạng thái ở mỗi bản vị - khiến bản vị tồn tại.

Các bản vị trong cuộc vận động sinh tồn vừa nỗ lực hướng tâm vận động để bảo toàn bản vị, vừa nỗ lực hướng tha và hướng thượng vận động để thực hiện hoạt động kết hợp, hầu bản vị trở nên viên mãn, phát triển hơn. Mỗi bản vị trong các xu hướng vận động ấy gặp-gỡ nhau, bổ túc cho nhau để đi đến một kết hợp mới, thành hình một bản vị mới đầy đủ, viên mãn, lớn mạnh hơn (Hydro + Oxy = nước; Nam + nữ = gia đình).

Sức quy tâm, sự hướng tâm vận động ở NGƯỜI,

đúng nghĩa không phải là sự vị kỷ, chỉ biết nghĩ đến cái lợi cho mình, vì như vậy không có chỗ cho sự hướng tha, không đạt sự quân bình trạng thái và không đến được sự kết hợp tiến bộ.

Sự hướng tâm vận động ở người, đúng nghĩa là sự sử dụng nỗ lực, ý chí của chính mình phối hợp với các kỹ thuật vật chất, tinh thần (phương pháp tu dưỡng), trí thức (phương pháp suy tưởng, học hỏi) để phát triển toàn bộ sinh mệnh người trên cả ba mặt: thể chất - tâm hồn và trí thức.

Hướng tâm vận động mà thành tựu thì hướng tha vận động phát triển rộng lớn, kết quả phi thường, sự sống, phong cách, phong thái cách sống mỗi ngày một đầy đủ, thoải mái, tự do, đầm ấm hơn, kết quả phi thường, gia đình, dân tộc, nhân loại sung mãn, thịnh vượng, hạnh phúc, hòa hài. Ngược lại, hướng tâm vận động sa-đọa thành vị kỷ, kết quả cuộc sống sẽ suy thoái.

Vận động cần phải thường-xuyên (kinh hằng) và chính đáng; kết hợp cần phải thích nghi, đạt đúng vào vị trí, phù hợp với bản năng, nếu khác với các điều kiện này thì vận động không phải là thường thái mà là bệnh thái.

Ở điểm này phù hợp với quan điểm “trùng trùng duyên khởi” của nhà Phật.





gia đình.)

Bản-vị và cơ-năng hỗ tương để tồn tại và phát triển, đó là chân ý nghĩa của sinh tồn. Do đó, bản-vị cần phải hiệp điệu và thống nhất.

Trong thiên-nhiên, nếu có sự mâu thuẫn phát sinh giữa bản-vị và cơ-năng do bất cứ lý do nào, trạng-thái quân bình sẽ không còn nữa và bản-vị sẽ tan rã.

Quy luật 4: Hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân.

Quy luật hỗ tương giữa bản vị và cơ năng, giữa vận động và kết hợp là quy luật tự nhiên trong vũ trụ, vạn vật, nhờ đó mà vũ trụ vạn vật tồn tại, không tan rã.

Quy-luật hỗ-tương nguyên khởi ấy, chính là bản chất của đạo, là “đạo kỷ”, giềng-mối của “đạo” khi đạo phát tiết vận động. Quy luật hỗ tương có nguồn gốc ở tự nó, tự kỷ nguyên nhân, tự nó mà có, tự nó chứa sẵn trong mỗi bản vị, để tồn tại và phát triển, cũng chính nhờ đó mà vũ trụ, vạn vật tồn tại và phát triển.

Tại mỗi bản vị khi vận động, sức hướng tâm, sức ly tâm cũng tự vận động hỗ tương, điều hợp để đạt trạng thái quân bình trên trục lõi, để tồn tại, phát triển và để kết hợp.

Nếu mâu thuẫn phát sinh, trạng thái quân hành không đạt được thì bản vị hoặc sẽ tan rã, hoặc tồn tại trong tình trạng bệnh hoạn, èo-uột, héo mòn, trước khi tan rã.

Cho đến nay vũ trụ, vạn vật và nhân loại còn tồn

tại ấy chính là nhờ quy-luật hõ-tương nơi các bản-vị. Hõ-tương là quy luật thường thái. Mâu thuẫn, hủy diệt chỉ là quy-luật “bất thường thái” trong thiên nhiên, hoặc là trạng thái bệnh hoạn nơi con người chưa nhân chủ.

Qui luật 5: Tự kỷ, ý tha hõ tương vận động và kết hợp.

Tự kỷ, ý tha, động tha hõ tương vận động và kết hợp mà thành vạn vật. Đó là chân ý nghĩa của “đạo kỷ”. Đó cũng là uyên-nguyên của sự hình thành, kết cấu, vận động của các bản vị trong vũ trụ, vạn vật và nhân loại. Các cực chất khi vận-động, gom góp các thành-phần chất, lượng thành một hõ-tương có chủ thể, có tự ngã, có tự kỷ, đó là bản vị cơ bản. Các bản vị cơ bản đó lại vận động và phối hợp vận động với các bản vị khác mà hình thành vũ trụ, vạn vật, loài người.

Trình thức biện chứng tự kỷ, ý tha, hõ tương vận động và kết hợp ấy cứ nối tiếp không ngừng theo mỗi cấp độ và tiến lên mãi theo các chu kỳ tiến hóa của vạn hữu.

Dưới trình thức biện chứng và các quy luật trên mà các nguyên tử, phân tử, tinh cầu, thái dương hệ và vạn hữu trong đó có nhân loại được hình thành. Trong nhân loại, mỗi cá nhân là một bản vị cơ bản. Các bản vị cơ bản (nam, nữ) có thích tính tương đồng, tự kỷ - ý tha hõ tương vận động và kết hợp mà thành gia đình bản vị. Các gia đình bản vị tự kỷ - ý tha hõ tương vận động và kết hợp mà thành dân tộc. Các dân tộc tự kỷ - ý tha hõ tương vận động và kết hợp mà thành nhân

loại. Phối hợp bản vị học thuyết và ba tầng triết lý là căn bản tư tưởng thuộc vũ trụ quan, nền móng của Nhân Chủ Duy Dân.¹



1-Mỗi thành phần tuân theo các quy luật nội tại riêng gọi là đạo kỷ (tỷ như trái đất tự quay theo trục của nó). Thành phần này dựa vào thành phần kia mà hoạt động (trái đất quay chung quanh mặt trời, mặt trăng quay chung quanh trái đất): ý tha vận động, tác động lên nhau theo định luật “tác động và phản tác động của động lực Newton. Đó là giai đoạn hõ tương vận động trong động lực học Lý Đông A. Các thành phần tổ hợp với nhau thành tổng thể, quy luật vận động của nó là sự phối hợp các vận động đạo kỷ và hõ tương; hõ tương vận động và đạo kỷ là **tự kỷ nguyên nhân**. (Vô Ngã Phạm Khắc Hàm, “Triết Lý Lý-Đông A, năm 1997.)

của vóc tinh thần thiết diện, linh thiêng ở những lời hùng hồn của từ bi hay của nhân ái hoa là tri âm hoa với tri âm ngữ, cái tinh kết của sinh mệnh đời-đời, khúc nhạc của vận động thuở-thuở.

“Vườn xuân của nhân ái hoa nở đầy lý tưởng hoa: xuân thu hoa, ái hoa, tri âm hoa, trí tuệ hoa. Tiếng đồn dậy: tri âm ngữ, đồng chí ngữ, ái ngữ, lý tưởng ngữ, vong quốc hoa (Nam thi) phải là nhịp uyển quỳnh, đủ cả tình tang của muôn tiếng...”

“Dân tộc Do Thái đã được lãnh đạo trong các cuộc cách mạng dân tộc, cách mạng chính trị, cách mạng Câu Rút là siêu thanh của 89 và 17. Sự thờ phụng đáng tối cao và lý trí trước bàn thờ Tổ Quốc đã cảm chiêu nên lá cờ ba sắc. . .”

“Chỉ có sự vất-vả bằng độc lực với tinh thần mạo hiểm và sáng tạo khi tự mình mới thể-nghiệm thấm-thía được biểu hiện quyền sống còn, độc lập, và tư cách sống còn, chính nghĩa thật đúng đắn...”

“Một văn minh mới như đoá hoa tươi tốt và to tát sẽ nở bùng ra. Ví như thể nước Mỹ trải qua một thời nôi giống xâm lược, máu và nước mắt, xấu ác hôi tanh ở trên mồ đồng đã nở ra đoá hoa tháng năm. Đoá hoa Tháng Năm đó đã sum-sê, phủ kín cái mồ đồng tội ác lịch sử kia. Đoá hoa ấy bón tưới bằng những chất tố lịch sử của mồ đồng đó.

“Tội ác của thực dân phải đền bù bằng một sự hối hận thâm kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng phạt mình cho khỏi lớn-vỡn cái hình bóng tối-tăm của tội ác cứ lớn-vỡn mãi trong hồn. Đó là

Chương III

Tình Thương nơi người Việt.

Ái Ngữ Hoa

III-1/ *Nhân Ái Hoa*

Trong “Sử Hồn”, nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A đã viết: “ Tất cả những tài năng đạo đức chỉ là hương thơm của đóa hoa “Nhân Ái” nở mãi không tàn. Nhân ái một khi được sáng-suốt viển kiến, chế độ hóa, thực tiễn hóa, quy-củ hóa mới chân thực là nhân ái, có thực hiện thực thể cho loài người và vũ trụ. Đóa hoa nhân ái là cả một kiến trúc lấy-lững của lý tưởng, cái lý tưởng lập thể của nhân loại. Đóa hoa nhân ái thấm vào thấu suốt mỗi sinh mệnh làm những tiếng gọi sử mệnh, tiếng gọi vô thanh, vô hình. Chỉ có hương thơm, hương thơm của nhân ái. Nhân ái mà cũng đến bị bài-xích, bị lợi dụng, bị chiêu-bài, bị đầu-cơ, thối hết cả! Mà đến thế, trời đất mà đến thế! Ai là những người kỳ ưu thiện ý?

Đóa ái hoa còn là đóa trí tuệ hoa. Bây giờ ta mới chân thực hiểu thế nào là sinh tri. Sinh tri chẳng phải là nghiêm-ngặt và ấu-trĩ để ra đã biết, biết từ mới để. Sinh tri là trí tuệ tự sinh, sinh ngay bằng sự bùng nổ của trí tuệ. Chữ giác-ngộ của Phật cũng một ý ấy. Tịch chiếu, hội quan, quán thông, quán tưởng, trầm tưởng, mặc khải, đều là những thuộc từ của sự sinh, sự tri. . . Phải có một sinh mệnh dần-dựa nhựa sống, đầy đầy ánh sáng của xuân tình mới nảy-nở ra cái cơ sinh tri đó được.

Đóa “Ái Hoa” còn là đóa ngữ hoa, giải ngữ hoa, giải hoa ngữ, ngữ giải hoa, hoa với ngữ như sát chặt với nhau trên sự thăng-hoa tuyệt-diệu và tột bậc

*Muôn ngàn đời linh-thiên không sống chết
Những trung hồn xưa, nay, mai oanh-liệt
Mở nguồn sống xưa, nay, mai nước nôi
Muôn ngàn đời đạt-dào chính khí Việt.*

*Chính khí Việt khắp đất trời bàng-bạc
Chính khí Việt trong máu người Hồng Lạc
Gió thê-thê quật dậy hồn phục hưng
Gươm Vạn Thắng cứu nước nôi giết giặc.*

*Chính khí Việt là hồn gươm Vạn Thắng
Sắt tôi với máu đào hun lửa nóng
Và Đại Việt muôn năm cả toàn dân
Vượt đau nhục lên sống còn hùng tráng.*

Lý Đông A/Liễu Châu 4821 T.V.

“Xưa nay, người ta chỉ biết ca tụng bài “Chính khí Ca” của Văn Thiên Tường là thứ chính khí của Tàu. Còn cái chính khí của dân tộc mình thì mặc kệ nó, vẫn mênh-mông cuộn cuộn lan tràn trong trời đất, rừng-rực sáng trong mặt trời, trong trắng sao vắng-vặc, và ám-áp ngưng đọng trong lòng sông núi cỏ hoa; người mình thường mắc bệnh vọng ngoại! Hôm nay đọc bài “Chính Khí Việt” của tác giả Thái Dịch viết, mới sực tỉnh, khơi dậy được tâm hồn, hân nóng bầu nhiệt huyết, nhờ đó mà nhận ra được chính mình.

“Ngòi bút của tác giả vút bày ra chín luồng hơi mạnh làm mờ-mịt ánh sáng của nhật nguyệt tinh thần. Hơi mạnh qua bàn tay vỗ án làm rung động đất trời. Thét lên những tiếng sấm động sét vang. Khuấy lên

trường hợp của 1865, Nam - Bắc chiến tranh cho cái lý tưởng cởi mở dân tộc da đen.

“Cuộc chiến tranh ấy phải là thần thánh chiến tranh, thuần vì lòng yêu thương, và nghĩa công đạo. Cuộc ấy phải là vị tha chiến tranh, không tư lợi và không vị kỷ. . . Như còn muốn có chiến tranh phải ca tụng những cuộc chiến tranh thần thánh vị tha như thế.. .

“Thần thánh là đại biểu của lý tưởng, là hình tượng cao cả lý tưởng, cao-cả tuyệt đối, thật là lành và đẹp.

Phải coi tự mình là một vật mình phải thờ phụng, và nâng lên thật lành và đẹp, đối với người cũng như thế. Nhưng mà lý tưởng đó vào đời phải trải qua đấu tranh, sự đấu tranh phải thắng cả tự mình với tất cả những ác thế lực nữa. Sự đấu tranh đó nổ bùng bằng sự phá vỡ ngục Bastille, kiến trúc của Phong kiến, chuyên chế, bất đạo đức, bất bình đẳng. Bastille là tượng trưng của tội ác. Phá vỡ Bastille là làm thức-tỉnh toàn thể dân Pháp với tất cả gậy gộc,, xẻng, cày ra hoàn thành trận Valmy đuổi hết xâm lăng..

“Có những tấm lòng thuần nhân ái to rộng và lớn lao, nồng nàn và chân thật, cũng không phải là lối từ thiện, cũng không thể đem mua bán ngoài chợ được, ví như khó mà tả cho ra, vì đó là biểu hiện của Phạn (Brahma), không bờ, không bến, cùng trước, cùng sau, Phạn từ bi và hỷ xả. Cho nên Gandhi là Mahatma, là Thánh Hùng, là kỳ nhân đời nay, ví như Messie của Ấn Độ...

“Lịch sử phải nối tiếp nhau liên tục bằng những nút người thuê biến như thế. “Gandhi dùng thủ đoạn hòa bình và tiêu cực, bất hợp tác (1925), bất bạo động (1939). Tự xả và tuyệt thực là vũ khí chính trị của ông, “Tự cấp” và “tự tạo” là công cụ kinh tế của ông, quân địch thù là tính hiếu chiến ở trong lòng ông và nòi giống ông. Trong Gandhi, mục đích cho hết thủ đoạn, thủ đoạn ấy phải là mục đích nhân ái trùm hết chính trị, tinh thần trùm hết lịch sử và lý tưởng Brahma trùm hết tương lai....”

“Chỉ có nan hành khổ hạnh mới có thể cứu sống được đời. Chỉ có trở về đời sống dân chúng mới có thể phục-hưng được dân-tộc. Chỉ có lòng nhân ái vô biên mới có thể an ủi và tế độ được hết chúng sinh...”



III-2/ *Hoa Chính Khí*

Một ngày lạnh, nước người không tri kỷ
Ta võ án thét thành ca chính khí
Đông thê-thê như gió thổi u hồn
Thấu buốt tận lòng người trong cốt tủy.

Lòng sống chết, buồn vui bèn nổi dậy,
Thoắt lăm-le giục lòng người chọn lấy
Năm ngàn năm làn máu bén dạt-dào
Sóng lớp-lớp rượu ba tuần thuở ấy.

Tiếng vang-vang như thần kêu, quỷ hét
Trời ngập-ngập tựa quân khiêu, tướng thét
Gọi quá khứ, vị lai những u hồn
Muôn ngàn đời linh thiêng không sống chết.

Nước Mê Linh trắng thu còn vắng-vắng
Sông Bạch Đằng sóng vỗ thuyền cắc-cắc.
Non Chi Lăng gió cuốn rừng cung đao
Đồng Đống Đa xương người phơi man-mác.

Thuở “Sát Thát” chàm vai thê đầu xuất
Ngày “Bình Ngô” nổi cờ không khuất tất
Khi Cần Vương nhỏ mặt lũ gian hùng
Lúc cứu quốc vòng bên lao uất-uất.

Thà làm ma nước Nam, không vua Bắc
Đầu chẳng còn quyết không đường dóc tóc
Lửa đốt mình không phụ nợ non sông
Giây thắt cổ cho tròn trung xả tắc.

III-4/ *Guom Thieng Ai Quoc Hoa*

Lấy lưỡi guom biểu tượng cho tinh thần dân tộc, đó là thanh guom có giá trị về mọi mặt: Thép và dụng, hình thức cũng như nội dung, tất xứng đáng làm tiêu biểu cho một dân tộc.

Nguồn gốc phát sinh ra lưỡi guom Việt: Thép Văn lang, lò Viêm Hồng là yếu tố chủ quan nung đúc nên; được búa Lôi Truy, búa tâm xét nhà trời là yếu tố tự nhiên vũ trụ khách quan rèn giũa, dãi dầu qua thời gian trải bao cuộc biến thiên dâu bể, được tưới dội thấm nhuần những tinh hoa của núi sông. Ngần ấy yếu tố tổng hợp lại trở thành lưỡi guom sắc bén, tài năng, kỳ diệu và uy linh.

Theo huyền thoại, có ba loại kiếm:

-Bảo kiếm là những thanh guom do tiên trao. Thần gửi vào tay những bậc anh hùng cái thế, với một sứ mệnh thiêng liêng là dùng nó để trở tài trí thánh hành vương mà cứu nước giữ nòi, dẹp tan loài cường bạo ngoại xâm, giữ vững giang sơn, dựng nền hòa bình thịnh vượng. Như thuở Vạn Kiếp tiên trao, mà người được ủy thác là đức Trần Hưng Đạo, người đã vung lưỡi bảo kiếm oanh liệt rút gió gào mưa, tảo thanh quân Nguyên xâm lược.

Cũng như ngày Lục Niên, guom thần hiện ra nơi đồng nội để gửi vào tay người anh hùng Lê Lợi. Ánh thép được vung lên sáng ngời chính nghĩa, thét lên những trận quang vinh, nêu cao cờ Bình Ngô đại cáo.

- Đến như những khí kiếm là những lưỡi guom có sức bén nhọn bằng khí tiết của lòng trung trực, khẳng khái, kiên cường bất khuất của những bậc anh hùng, lấy

những anh khí từ đáy sông hang núi, từ ngọn cỏ lá cây, từ muôn ngàn đời những anh hồn không sống chết, phổ nhập vào để thét vang lên lời ca chính khí. Đó là chính khí Việt từ năm ngàn năm trong mạch sống chan chứa, nhưng chưa từng ai nhìn thấy nói lên một cách hùng hồn như khóc như tố, như nghẹn-ngào, như uất hận, như quật dậy hồn phục hưng và khua lên loang loáng hồn thép của thanh guom Vạn Thắng.”

(Mẫn Cầu, Bản thảo “Chú thích Đạo Trường Ngâm”, 2003)

III-3/ *Hoa Bất Tử*

Tráng sĩ hãy ngâm câu:

“Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?”

Cũng bởi vì

Lòng quyết tử tiến lên đường gió bụi,
Hai bàn tay thép phục lại sơn hà.
Thái Bình Dương lấp bằng nguồn tử nhục
Lấy máu đào rửa sạch máu yêu ma.

Thế cho nên

Tráng sĩ hãy cùng ta, tay cầm tay
Thu năm hồ đúc lại một hồ say
Đêm xuân đầu với rượu nồng, pháo nổ,
Hãy vui đi cho đỡ buồn xa Đất Tổ
Rồi ngày mai, từ ngày mai
Lý tưởng Việt như trời xuân sáng tỏ
Chép sử Việt, ánh sương phơi màu đỏ
Tráng sĩ cầm thanh guom của Ông, Cha
Phấn hồn xưa, giết giặc đòi lại nhà

Tráng sĩ hãy tiến lên

*Những xâm lược, bóc lột hại sinh linh
Những buôn dân bán nước cầu tư vinh
Hãy giết sạch chớ gờm tay sợ ác
Cho trong trắng nòi con Hồng cháu Lạc.*

*Rồi ngày mai
Rồi ngày mai thắng nghĩa tiếng ca
Sẽ vang lừng đây đó quốc-gia
Và tráng sĩ lại cùng ta cùng hát
Câu “Sát Thát”, “Bình Ngô” của ông, cha.*

*Từ thuở nợ
“Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan.”
Súng nổ ran!
Pháo nổ ran!
Cùng hân hoan!*

(1942) Lý Đông A.

*“Phải đối phó với một kẻ thù sát nách, vừa
đông vừa mạnh gấp nhiều lần, chúng luôn luôn nhòm
nhó đất Việt chúng ta như hổ đói rình mồi. Các triều
đại xưa kia chỉ cần thiếu cảnh giác đôi chút là có thể
tạo cơ hội cho chúng thừa cơ xâm lược.*

*“Trong lịch sử kháng chiến của dân tộc ta,
không thiếu gì những trận đánh làm cho quân giặc
“thất điên bát đảo” vào những buổi “Sát Thát”, Bình
Ngô, Dẹp Thanh, Phá Tống do những tướng tài dưới
sự lãnh đạo của các vị anh hùng như Lý Thường Kiệt,
Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v...*

*“Quá trình lịch sử Việt đã cho thấy: suốt một
ngàn năm bị Tàu đô hộ, với chính sách cai trị tàn*

*bạo, tiêu hủy đền đài di tích lịch sử, cộng thêm ý đồ
thâm độc, chủ trương Hán hóa. Để được tự do và có
chủ quyền cho vận mệnh mình, và cho dân tộc. Không
đổ máu, tuyệt không xoay chuyển được thời đại. Cuộc
đấu tranh sống còn của dân Việt với nòi Hán được
thể hiện rõ trong sáu chữ: “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ
diệt” . Người dân Việt ý thức được và bảo nhau cứ đi
ngang qua cột đồng của Mã Viện thấy một cục đá
dưới chân đồng trụ thì không thể nào diệt được dân
Việt, nó càng thể hiện lòng yêu nước thương nòi của
dân tộc Việt. Lịch sử Việt đã chịu biết bao vinh nhục
để dân tộc được sống còn. Nhờ tinh thần dân tộc và
lòng quyết tâm sắt đá được un đúc. Tinh thần này đã
bất rã trong tim óc, trong tâm hồn và ý chí của tổ
tiên chúng ta, và tất cả con dân nước Việt chỉ vì
không muốn trở thành dân Tàu.*

*Chúng ta có thể tự hào và hãnh diện rằng:
Chưa có dân tộc nào đau khổ và nổi bật hơn lịch sử
dân Việt về sức mạnh chiến đấu cho nền độc lập tự
chủ của mình. Một ngàn năm bị Tàu đô hộ là một
ngàn năm tranh đấu sống còn cho dân tộc. Dân Việt
vẫn bảo tồn được gia tài văn hóa, ngôn ngữ, và
truyền thống bất khuất của Tổ Tiên. Việt vẫn là
Việt, Hán vẫn là Hán, điều đã làm cho nhiều sử gia
cũng như những nhà nghiên cứu cổ học, sử học trên
thế giới phải ngạc-nhiên, và cho đó là phép lạ không
thể nào giải thích được.*

*Lý tưởng Việt chan chan ánh sáng lò
Lưỡi gươm Việt phơi-phới hồn ông cha
Tráng sĩ Việt đường đường chí đạp ba.*

*Kỳ tuyết ca
Quy long trận
Đứng núi Tu Di cấm giường Nam Bắc
Chém sắt Côn Ngô thu đồ Hà Lạc
Cắt búi Kim Chiên, bắt tiêm y thác.*

*Cùng một lưỡi gươm vấy nên Vạn Thắng
Cùng một lưỡi gươm trở đến thái bình
Muôn muôn năm còn mãi mãi chân hình
Vóc tinh-thần thiết diện quỷ thần kinh.*

4822 T.V. Thái Dịch Lý Đông A.



*hùng khí áp đảo quân gian, làm cho quỷ khốc thần kinh
như Trần Bình Trọng nhờn nhờn một mực, cũng như Lê
Lai ngật-ngật xung chín lần gươm giáo quyết chết cho
dân tộc sống còn.*

“- Lưỡi tuế kiếm: Bằng sức óc sáng tác, chỉ dùng một lời thơ đẩy lui hàng vạn quân xâm lược thế như hổ đói rình mồi. Những lời lẽ trong bài “Bình Phú” của Giáp Hải thật xứng đáng là một lời nói “hưng bang”. Cũng như lời văn “Phiến Minh” của Mạc Đĩnh Chi, có sức mạnh ghê gớm như tuyết lửa thổi chập tràn; hết làm tê buốt lòng người bằng lời tuyết phủ trời đông, đến lượt làm toát mồ hôi, ngạt hơi thở của đối phương bằng ánh lửa nóng trời hè chảy đá tan vàng. Còn làm rạn vỡ nét vàng son trong trang sử ngoại giao. Kiếm gồm có ba loại: Bảo kiếm, khí kiếm và tuế kiếm đã vung lên, mở ra từng khoảng thời gian oanh liệt, ly-kỳ và rực rỡ lịch sử Việt. Nét vàng son còn tươi thắm mãi muôn đời. Đó là những lưỡi gươm Việt phơi-phới hồn ông cha. Là lý tưởng Việt luôn-luôn áp-ủ trong tâm hồn tráng sĩ Việt, những con người đường-đường mang chí đội trời đạp sóng một cách hiên-ngang.

“Dĩ vãng oanh liệt là nương ấy; Hiện tại phải nên như thế nào? Còn tương lai? . . . Hãy nghe lời hiệu triệu: “Hỡi con nhà Lạc Âu giống trăm Việt! Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt” xông vào trong mặt trận “Quy Long” làm nổi mây mù, sấm sét, gió mưa ran. Cho cả vũ trụ hét vang lên lời ca “Kỳ Tuyết”.

(Quy : Rùa là con vật đứng hàng ba trong tứ linh: long, ly, quy, phụng).

* Rùa có lưng tròn tượng trời, bốn chân tượng đất, móng rùa là tinh hoa của đạo trời đất.

* Trong cách mạng, rùa biểu tượng cho phần xây dựng (kiến thiết).

* Lưng rùa phát ra nguyên lý của Lạc thư, là phần diệu dụng của Hà đồ. Có 9 phạm trù, triển khai ra Hồng Phạm (phép lớn), sách lược lớn về đạo xây dựng.

* Thần Rùa (Thần Kim Quy) giúp An Dương vương xây dựng sách lược phòng thủ (Nỏ thần, thành xây tròn ốc).

* Tóm lại: Biểu tượng, lý thuyết kiến quốc. Sách lược thủ quốc, văn trị. Xuất thế: “Ra không huyền ảo biến” đặc tính âm.

Long: Rồng, đứng hàng đầu trong tứ linh.

* Long mã mang Hà đồ (nguyên lý về bản thể của đạo trời đất)

* Rồng biểu tượng sức mạnh phá hoại, là cách mạng bằng võ công đường lối:

“Nói chung: Quy Long trận là một trận lý tưởng, là cuộc cách mạng đại quy mô gồm đả phá đi đôi với kiến thiết.

(Mẫn Cầu, Bản thảo “Chú thích Đạo Trường Ngâm”, 2003)

Lưỡi Gươm Việt

Thép Văn Lang lò Viêm Hồng nung đúc
Búa Lô Truy rèn giữa bể dâu từng
Góp ba núi năm sông đầy tấm dục
Sấm sét nhào chớp múa lưỡi gươm cương.

Thuở Vạn Kiếp tiên trao khét oanh liệt
Ngày Lục Niên dã hiện thét quang vinh

Rửa lấy máu gột mài bằng xương thịt
Giết muông Hồ, thú Hán nước uy linh.

Nhut Bình Trọng nhơn nhơn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngân ngật xung chín lần
Rửa lấy khí gột mài bằng trung trực
Sởn gai người chém đảo sóng ba quân.

Ví Bình phú ngư long bay xào xạc
Bằng phiến minh tuyết lửa thốt chập chành
Rửa lấy óc gột mài bằng sáng tác
Nổi phong trần cuốn quét khắp đan thanh.

Thép Văn Lang toàn tinh thần tái luyện
Thép Văn Lang sắc lên nhùng bay biển
Lưỡi gươm Việt lại là gươm Duy Dân
Thế hệ mới mở văn minh hùng kiện.

Lưỡi gươm Việt vương đấu gồm thánh chiến
Lưỡi bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm
Quy long trận vung lên áp cổ kìm
Vào hình sắc ra không huyền ảo biến.

Hỡi con nhà Lạc Âu nước trăm Việt
Hãy đứng day vung gươm khoa nửa triệt
Nổi mây mù sấm sét gió mưa ran
Cả vũ trụ hét lên ca kỳ tuyệt.

Quy long trận,
Kỳ tuyệt ca.

thoi. Nét viết mạnh hơn, hợp tính con trai.

“Cuối tháng, mỗi lần lãnh bảng danh dự đầu lớp, tâm hồn chị em tôi như mở hội, tung-tăng về khoe với mẹ. Mẹ cười dịu-dàng ôm chúng tôi vào lòng. Cho bố những lúc mẹ thức khuya dạy sớm. Chắc hẳn mẹ quên đi tất cả những nhọc-nhăn. Niềm vui độc nhất của mẹ tôi đấy.

“Có bạn trong lớp, có đứa theo ghẹo tôi mãi. Tôi ghét nó lắm. Ra về tôi rủ nó đánh tay đôi. Trưa đó, mặt mũi tôi lấm lem, áo quần rách bươm. Mẹ vừa thấy tôi về, trong người đang mệt, mẹ bực mình cho tôi mấy cái roi vào mông, rồi bắt tôi quỳ úp mặt vào tường. Khi nguôi giận, mẹ tôi bắt tôi đứng khoanh tay nghe người khuyên nhủ, phải tập nhường-nhịn...

“Tết đến, túng thiếu đến mấy, bao giờ mẹ cũng rán dành dụm chút tiền may quần áo mới cho chị em chúng tôi. Một hai bó giò lụa, vài con gà, sửa soạn những món ăn ngon đầu năm, để cho đúng câu:

Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

“Mẹ tôi muối vài hũ dưa hành. Nấu một nồi bánh chưng, gói trong lá giong. Đặc biệt không bao giờ mẹ thiếu nồi thịt kho. Mẹ kể đó là món ăn bố thích nhất trong ngày tết. Mẹ cắt những miếng gừng nhỏ cỡ ngón tay út. Một miếng thịt mỡ ba chỉ quăn quanh miếng gừng. Bên ngoài cùng thêm một lớp thịt bò. Mẹ dùng chỉ quăn lại cho chắc. Rải dưới đáy nồi một lớp mía. Mẹ cho thịt vào kho mặn. Ăn thịt kho với bánh chưng. Vị thịt beo-béo, gây gây mùi gừng cay, ngon ngọt vị thịt bò,. Chị em tôi vừa ăn vừa khen

III-5/ **Đóa Hoa Kính Mẹ:**

Tình Thương Yêu Trong Gia Đình

“Tôi mồ côi cha lúc còn trong bụng mẹ. Từ khi khóc oe-oe chào đời cho đến ngày khôn lớn. Tôi sống trong tình thương của mẹ. Nghĩa mẹ mang nặng đẻ đau. Nghĩa mẹ nuôi con nên người. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Và nghĩa mẹ là tất cả của đời tôi.

“Những gia đình không có cha thường nghèo khó. Như thế, có nghĩa tôi đã hiểu thế nào là thiếu thốn eo hẹp. Và tôi càng thương mẹ khi người tần-tảo nuôi chị em tôi. Tôi vẫn còn nhớ cái xóm nghèo trong hẻm Nguyễn Huỳnh Đức, Gia Định. Cái xóm lụp-xụp những mái nhà tôn, rác-rưởi, sinh lây. Nhưng chẳng bao giờ tôi ân hận, tôi ra đời nhằm ngôi sao xấu. Bởi vì tôi còn có mẹ, có chị.

“Theo lời mẹ kể, bố tôi khi còn sống, người ao ước có đứa con trai. Nhà một trai, một gái thế mới vui. Mãi đến khi chị tôi ba tuổi thì mẹ tôi mới mang thai tôi. Nhưng bố chẳng được bế, bảo-bọc, và hướng dẫn tôi khi chào đời. Đáng tiếc thế nào mà nói!

“Bố tôi nghề lính, mất khi thi-hành công vụ. Tiền tử tuất của bố không đủ nuôi mẹ con tôi. Vốn liếng của mẹ thì ít. Mãi người mới xoay sở làm nghề bán bánh mì đầu xóm. Từ sáng sớm tinh sương cho đến khuya, mẹ đầu tắt mặt tối kiếm miếng ăn cho gia đình. “Hàng bánh mì của mẹ chẳng đẹp gì cho lắm. Chỉ là cái xe nhỏ. Bốn cạnh phủ bằng bốn mảnh ván

gỗ. Khi mẹ mở cửa hàng, mẹ chống bốn cạnh lên. Bên trong ba cạnh là mặt kiếng. Nhìn bên ngoài vào, những khoanh thịt ba chỉ, cuộn tròn bằng giây lạt đỏ ươm. Vài đĩa xiu mại viên tròn-tròn. Bên cạnh tô nước sốt, hũ đồ chua cà-rốt, củ cải. Những trái cà chua mọng đỏ, những cọng hành xanh mơn-mởn, những quả ớt thoáng nhìn đã thấy cay dầu lười.

“Mỗi khi mẹ bán hàng, mẹ lấy miếng bánh mì thơm ròn, hâm nóng từ lò than hồng đặt ngăn bên dưới. Mẹ xẻ giữa ra. Ruột bánh mì trắng phau, bốc khói mờ-mờ. Thịt ba chỉ xắt mỏng sắp đều trong ruột bánh. Những miếng thịt ngộ-nghĩnh hấp-dẫn có sợi bì đỏ đỏ, xen lẫn viên mỡ, viên thịt ngà-ngà. Chưa ăn đã thèm nhỏ rãi. Mẹ rưới tị nước sốt, chưa nếm đã biết ngọt từ vị thịt. Tị đồ chua tăng phần tê-tê vị giác. Nếu khách hàng thích, mẹ bỏ thêm tị ớt. Ăn ngon làm sao!

“Tuy mẹ bán hàng đấy, nhưng mẹ chẳng bao giờ dám ăn cả, sợ lỗ vốn. Cùng lắm người chỉ ngậm miếng bánh mì không, rưới chút nước sốt cầm lòng. Chị em tôi còn bé quá, sao biết được điều ấy. Mỗi sớm khi đi học và những lúc bụng đói, chị em tôi thường vòi mẹ làm cho khúc bánh mì đặc biệt. Đặc biệt có nghĩa là nhiều thịt, nhiều nước sốt, nhiều đồ chua và cả nhiều tình mẹ. Mẹ chẳng bao giờ tiếc cả.

“Lớn lên chút nữa, chị em tôi bắt đầu biết giúp đỡ mẹ. Khi tan học về, gia đình tôi ăn trưa bằng bánh mì. Sau bữa ăn trưa chị em tôi trông cửa hàng cho mẹ. Mẹ đi chợ mua sắm thức ăn. Đi chợ ban trưa bao giờ cũng rẻ hơn. Chiều chiều học bài xong. Chị em tôi cùng nhau nấu cơm. Nấu xong, tôi ra mời mẹ về. Bữa

cơm chiều đủ cả ba mẹ con, vui biết mấy. Mâm cơm chẳng có gì, thường là rau muống hoặc rau cải luộc vắt chút chanh, đậu hũ chiên. Hôm nào sang, có thêm vài con cá hay tô thịt kho. Nấu cũng chẳng khó. Con nhà nghèo hay có tài vật.

“Mẹ thường ăn rất chậm. Người ưa ăn cơm với muối vừng hơn là thức ăn. Người tấm-tắc khen thế ngon chán, và nhường cả cho chị em tôi phần đậu, phần thịt. Sau học sách giáo khoa thư, chị em tôi mới biết thế nào là “ăn trông nổi, ngồi trông hương”. Chị em tôi bắt chước mẹ, tập tành ăn cơm muối vừng, nhường phần ăn cho mẹ, nhưng mẹ bao năm trời đã thành thói quen. Người bắt chúng tôi ăn nhiều cơm, nhiều thức ăn. Người mong chúng tôi chóng lớn, có sức học.

“Ngày tôi lên mười, mẹ mua cho tôi cái xe đạp cũ. Yên sau có hai cái rọ. Sáng sớm trời tờ-mờ, tôi thức dậy trong khi mẹ tôi lúi húi dọn hàng ra đầu ngõ. Tôi đạp xe ra hàng bánh mì. Mẹ giao cho tôi việc ấy, tôi hãnh diện lắm. Bánh mì mới từ lò ra, nóng bỏng tay, phủ miếng vải bố lên giữ cho ấm hơi. Từ thứ hai đến chủ nhật, ngày ngày tôi lãnh bánh mì về cho mẹ. Mỗi lần tôi ngừng xe, chất bánh mì xuống hàng cho mẹ, bao giờ mẹ cũng xoa đầu tôi cười khen con của mẹ ngoan.

“Biết phận con nhà nghèo, chị tôi ham học. Mẹ dạy chỉ có học, đỗ đạt cao mới khỏi kiếp nghèo. Nên chị em tôi quý từng giọt mực, quý từng trang sách vở, nắn nót từng chữ viết. Khi tập viết, chị tôi thích ngồi bút lá tre. Nét viết mong-mỏng nhẹ tay hợp với con gái. Tôi thích ngồi bút lá bầu, hoặc ngồi bút hình con

vai tôi gói quần áo nhỏ, đẩy tôi ra cửa. Tôi không cưỡng lại vì đời tôi chưa làm mẹ buồn bao giờ. . .”

(Trích “Bông Hồng Cho Mẹ” của Đức Chính trong Tạp Chí Truyền Thông).

Quả thật “Lòng Mẹ” bao la như biển cả. Mất Mẹ như cả bầu trời sụp đổ. Đúng như câu ca-dao:

“Còn Mẹ ăn cơm với cá.

Mất Mẹ liếm lá đầu đường”!

Đêm Mưa Nhớ Mẹ

*Mồ côi thân phận thật bơ-vơ!
Rười-rười lòng con những thần-thờ,
Nhớ Mẹ khôn ngăn dòng lệ thảm!
Thiếp hồn, mong gặp Mẹ trong mơ.*

*Mẹ nhí, con chờ Mẹ tới nay.
Đà trong chốc lát thoáng mây bay.
Cũng dịu hồn con trong nỗi nhớ,
Chút giọt “Cam Lộ” đủ ngọt-ngây.*

*Con khóc nhiều đêm Mẹ có hay
Bâng-khuâng tim Mẹ tháng, năm, ngày...
Biết đến bao giờ rời nhớ Mẹ
Chắc kiếp con tàn, họa có may?*

*Đêm qua chắc Mẹ chốn Phật Đà
Nghe kinh, dự pháp độ Ta Bà
Vời niềm đau khổ nơi trần thế
Nhân ái, tình người rộ nở hoa.*

*Con tin như thế dạ con khuấy,
Thoáng nhẹ hương sen quanh đó đây.
Con ước theo hầu bên cạnh Mẹ,
Đáp đền ân đức chín làng mây.*

*Tháng 7 năm 1983.
Mỵ Hằng.*

lấy khen để, cho bố tôi là người sành ăn.

“Niềm vui sướng nhất của chị em tôi. Mẹ nghỉ ba ngày tết, ở nhà với chúng tôi. Sớm mừng một tết, chị em tôi háo-hức dậy. Mẹ đã để sẵn bộ quần áo mới đầu giường. Ngày chị em tôi còn bé bỏng, mẹ thường mặc cho chúng tôi mỗi người một bộ quần áo mới. Mãi những năm về sau như trở thành lệ, tôi luôn đem chiếc áo của tôi nhờ mẹ mặc cho ngày đầu năm.

“Sau đó, mẹ đưa chị em tôi ra bàn thờ bố cúng vái tưởng niệm. Nhớ đến bố, nước mắt mẹ rưng-rưng. Sau cùng nghe mẹ kể chuyện bố... Thời ông Diệm hay có những tranh ảnh triển lãm chống cộng. Bố được đặc-cách đứng canh trước phòng triển lãm. Lần cuối cùng, một trái lựu đạn của phe bên kia tung vào phá rối. Dân chúng xem triển lãm đông như hội. Bố ôm trái lựu đạn vào lòng. Bố chết, bỏ mẹ, chị em tôi bơ-vơ. Tâm hồn bố cao thượng, đẹp như hoa hướng dương, nên đời mẹ đơn chiếc, chị em tôi lạc-loài. Nhắc đến bố, chị em tôi đứng thẳng người hãnh diện.

“Lễ bố xong, mẹ đốt phong pháo trước nhà mừng năm mới. Mẹ lì-xì nhắ nhủ chị em tôi năm mới ngoan-ngoãn, học hành tấn tới không phụ lòng mẹ. Chị em tôi khoanh tay cảm ơn mẹ. Có tiền, chị em tôi xin phép mẹ đi xi-nê. Mẹ không thích đi xem. Mẹ ở nhà nấu ăn, hoặc đi thăm họ hàng...

“Hết tết, đếm lại tiền lì-xì họ hàng cho. Chị em tôi thăm bảo nhau nhiều tiền lắm chẳng làm gì, đưa mẹ giữ hết. Nuôi chị em ăn học. Giao tiền cho mẹ, chị em tôi nuôi hy vọng mẹ năm mới buôn bán phát tài mua cho chúng tôi đủ thứ.

“Nào lá máy truyền hình cho chị em tôi xem chương trình “Đố Vui Để Học”. Cho mẹ xem những tuồng cải lương do Bạch Tuyết Hùng Cường đóng. Có thể, chị em tôi khỏi phải đi xem nhờ nhà hàng xóm. Chị em tôi thềm áo mới, giày mới, ăn ngon mặc lành quanh năm. Nhưng chẳng bao giờ nói ra sợ mẹ buồn vì không lo đủ cho con. Chị em tôi ráng giữ nề-nếp của con nhà nghèo “đói cho sạch, rách cho thơm.”

“Những ngày vui thường ngắn. Mừng bốn mẹ mở cửa hàng. Chị em tôi ngõ-ngàng. Thức ăn ngon hết, còn sót lại vài bánh chưng xanh. Chị em tôi đem chiên lên. Ăn ngon ra phết.

“Trong năm có lúc mẹ bị ốm, chị tôi phải nghỉ học ở nhà trông hàng cho mẹ. Vừa bán hàng, chị thỉnh thoảng vẫy tay chúng bạn đi học ngang qua thềm thuồng. Mẹ vì làm việc quá sức, bị chứng tê thấp nhức mỗi chân tay. Khi tôi đi học về, cắt sách vở, tôi kiểm lọ dầu con hổ bóp chân tay cho mẹ. Những ngày mẹ bệnh, nhà im lặng buồn hẳn. Về đêm, dưới ánh đèn mù-mờ, chị em tôi nhặt tóc bạc cho mẹ. Khi lòng bàn tay mẹ đầy tóc bạc, mẹ cầm từng sợi tóc thăm-thì. Tóc này cho con gái của mẹ. Tóc này cho con trai của mẹ. Tóc này vì mẹ mong cho các con có cái ăn cái mặc... Lúc ấy chị em tôi dựa sát đầu vào vai mẹ ôm chặt người. Chị em tôi bám-vít, cần tình thương mẹ hơn bao giờ hết.

“Theo năm tháng, chị em tôi lớn như thổi. May mắn trời không phá vỡ tổ ấm gia đình tôi. Chị em tôi có đủ thời thơ ấu đầy kỷ niệm, tình thương. Cho đến ngày hỗn loạn tháng tư 75. Cậu tôi, em ruột mẹ, là quân nhân theo đơn vị di tản từ miền Trung về. Tối

cậu thường ghé qua mẹ, bàn chuyện. Lấp lờm nghe được dăm ba tiếng. Cậu hỏi miền Nam mất, mẹ có muốn cho tôi theo cậu không?

“Mẹ buồn thừ người, có lẽ mẹ thương nhớ lại những ngày tháng xa xôi. Di cư từ Bắc vô Nam. Thoảng đã hai chục năm trời. Chiến tranh chẳng có dịp mơ tưởng về thăm họ hàng quê cũ. Quê hương, phần mộ của bố giữ chân mẹ, mẹ không thể ra đi lần nữa. Bây giờ tôi ra đi, có nghĩa mẹ sẽ mất tôi. Tôi ở lại, sẽ giúp mẹ được gì trong chế độ cộng sản. Những người nhần tâm mang đi mất người chồng thân yêu của mẹ. Trán mẹ tôi hằn ưu tư.

“Tôi không muốn là con bất hiếu. Tôi thừa với mẹ với cậu tôi thích sống nơi quê hương, được ở gần mẹ. Cậu tôi khuyên mẹ bắt tôi đi. Tôi cãi lý lại. Mẹ gắt lên, tôi mới im.

“Trưa 30-4-75, miền Nam mất. Nghe tin bên Sài Gòn có tàu, cậu tôi lái chiếc xe Honda ngang nhà giục mẹ tôi bắt tôi đi. Tôi bỏ ra sau nhà. Một chốc chị tôi kiểm, khoác vai bảo tôi lên gặp mẹ. Mắt chị rơm-rớm nước mắt. Hai chị em nhìn nhau buồn-bã.

“Lên đến nhà trên, thấy mẹ ngồi thẩn-thờ trước bàn thờ bố. Nước mắt mẹ dàn-giụa. Người chẳng nói gì cả. Tôi cũng vậy, một lúc lâu sau, mẹ kéo tôi vào lòng, vuốt mái tóc tôi. Mẹ mở cái rương gần đó lấy ra một chiếc áo xanh mới, không biết mẹ may từ khi nào. Mẹ ướm vào người tôi, mặc cho tôi như những ngày còn bé bỏng. Mẹ hôn lên trán tôi. Tôi ứa nước mắt vì tôi biết tôi sắp phải xa mẹ và xa chị. Mẹ nói nhẹ như hơi: “Nhớ đến mẹ và chị luôn nhé”. Rồi mẹ khoác lên

*Nói chi những buổi tranh hùng,
Tưởng khi thất thế, vận cùng mà đau!*

Gặp vận cùng, thời thế đổi thay, tro bay ngói lở:

*Khôn đem mình làm đứa thất phu
Cả giàu sang nặng oán thù
Máu tươi lai-láng xương khô rã-rời...*

Thương đến tiểu thư đài các, gặp buổi loạn ly:

*Một phen thay đổi sơn hà,
Tám thân chiếc lá biết là về đâu?
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy
Phận đã đành trâm gãy, bình rơi
Khi sao đông đúc vui cười
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương!
Thấm thiết nhẽ không hương không khói
Hồn thần thơ dòng suối ngàn sim...*

Nào những người công danh, quyền trọng:

*Kìa những kẻ mũ cao, áo rộng
Ngọn bút son sống thác trong tay
Kinh luân chất một túi đầy...*

mà nay:

*Ngàn vàng khôn đổi được mình,
Lầu ca viên xương tan tành còn đâu!
Kẻ thân thích vắng sau, vắng trước
Biết lấy ai chén nước nén nhang
Cô hồn thất-thiếu dọc ngang
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh...*

Hàng tướng lãnh, oai thét một thời:

Gió mưa sấm sét dùng dưng

III-6/ *Trí Âm Hoa*

Tình Bạn Bè.

Nói đến tình thương yêu bạn bè, đa số người Việt đều biết đến truyện “Lưu Bình - Dương Lễ”.

Truyện xưa kể lại: “*Lưu Bình và Dương Lễ, hai người là bạn tâm giao từ thuở thiếu thời. Dương Lễ nhà nghèo, Lưu Bình con nhà giàu có, đem bạn về ở cùng nhà, ăn học cùng nhau rất là tương đắc. Dương Lễ biết phận mình, nên chăm chỉ học hành, còn Lưu Bình ỷ mình giàu có, thường lười biếng, ham chơi.*

Đến khoa thi, Dương Lễ thi đậu, được bổ dụng làm quan. Lưu Bình thi rớt, và gia cảnh lại gặp hỏa nạn, sinh ra chán nản, thoái chí, thi mãi không đậu!

Sực nhớ đến bạn ngày trước là Dương Lễ, nên tìm đến để nhờ giúp đỡ.

Dương Lễ hiểu bạn mình Lưu Bình, sợ tính lười và ỷ lại xưa tiếp diễn, bèn nghĩ ra kế để khích bạn mình. Dương Lễ bèn tránh mặt, không tiếp. Cho dọn cơm hầm với đĩa cà mặn để đãi, có vẻ khinh mạn.

Lưu Bình tức giận, tủi nhục, ôm hận ra về, tự nhủ mong có ngày trả hận Dương Lễ.

Trong khi đó, Dương Lễ bàn với người vợ thiếp là Châu Long nên đi theo để giúp đỡ Lưu Bình thành danh.

Trên đường đi của Lưu Bình, Châu Long mở một quán trọ, giả gái đang kén chồng.

Trong cơn chán nản, Lưu Bình ghé quán trọ, được Châu Long lựa lời an ủi, khuyến-khích chàng cố công đèn sách, và còn giao hẹn khi nào Lưu Bình thi đậu sẽ kết duyên vợ chồng.

Nhờ sự giúp đỡ và khuyến-khích của Châu Long, Lưu Bình ráng sức học hành, nên đỗ đầu khóa thi năm sau. Khi vinh quy bái tổ, Châu Long đã biến mất. Lưu Bình đau khổ, nhớ thương, sức nhớ tới nỗi nhục mà Dương Lễ đã đối xử, bèn tới nhà Dương Lễ mong trả nỗi nhục xưa.

Lần này, Dương Lễ vui vẻ đón tiếp. Đúng lúc Lưu Bình toan mở lời trách móc thì Châu Long từ trong nhà bước ra chào. Dương Lễ mới giới thiệu nàng là thiếp của mình. Lưu Bình hiểu ngay rằng trước đây Dương Lễ sợ dĩ bạc đãi là để khích lệ mình, sợ mình không có nơi nương tựa mà bỏ dở việc học hành, rồi sai vợ lẽ là Châu Long thay mặt đi giúp đỡ mình ăn học cho thành tài.

Từ đó Lưu Bình và Dương Lễ sống với nhau thân tình, khăng khít hơn xưa.

Ta thấy tình yêu thương của người Việt qua các bài: “*Bông Hồng Cho Mẹ*”, “*Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*” và *Truyện Lưu Bình Dương Lễ*” trên thật là “nhân bản”, không quá xa thực tế như từ bi để xả thân nuôi thú dữ, hoặc muốn vào cửa “thiên đường” phải yêu người và đưa luôn cả má phải cho người ta tát! hay “ngụy quân tử” kiểu *Nhạc Bất Quân* trong truyện “*Đào Viên Kết Nghĩa*”. Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi, tình bạn lại lồng vào nghĩa vua tôi đề cao Hán tộc; thiếu thành thực; Lưu Bị kém tài, không

leo cao được, đứng dưới gốc để lý luận cây nhờ gốc mới lớn được, mà cho Trương Phi leo được lên cao là ngọn (vai út). Ba người chống với Tào Tháo, đâu có chống nhà Hán - Thế mà khi bị thua với Tào Tháo. Rõ ràng là thua Tào Tháo, còn lý luận “Hàng Hán bất hàng Tào! - Thật là giáo quyệt, thiếu chân tình!).

III-7/ ***Ái Chúng Hoa***

Rộng tới nhân quần, xã hội:

Để thương tiếc đến những vong hồn không người kế tự!

*“Tiết thẳng Bảy mưà dầm sùi-sụt
Gió heo may lạnh buốt xương khô
Nào người thay buổi chiều thu
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.
Đường bạch dương bóng chiều man mác
Dặm đường lê lác-đác sương sa
Lòng nào lòng chẳng thiết tha
Cõi dương còn thế, nữa là cõi âm
Trong trường dạ tối tăm trời đất
Cô hồn thiêng phảng-phất u minh!
Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh-dênh quê người...”*

Đối với những bậc tài năng, mộng lớn, ấp ủ trong tâm, ...

*“Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,
Chí những toan cất gánh non sông*

hoạt theo một nhận thức khác-biệt với những giáo điều Khổng học.

“Ta thử nghĩ liệu một cô gái con nhà gia thế có bao giờ dám trèo lên cây đu mà nhô-nhún hớ-hênh, dẫu chỉ làm một mình ở nơi vắng-vẻ, nói chi đến chuyện cặp đu với một chàng trai giữa nơi đông đảo. . . “Việt phong không chia cắt xã hội con người thành giai cấp (quân tử, tiểu nhân), quý tiện giữa dân ông với dân bà. . .

“Khi một cặp nam nữ rủ nhau đánh đu trước công chúng thì đương nhiên không có phân-biệt quý tiện giữa hai người và cả trong cái nhìn của công chúng, khán giả tán thưởng trò vui. Một hội hè đình đám là tổ chức vui chung. Ai muốn vui và truyền vui cho người khác đều được tán thưởng... Trò vui trong các hội xuân vừa là cơ hội để mọi người vui hòa trong cuộc sống cộng đồng, giải-tỏa bớt những căng-thẳng tích góp trong những sinh hoạt thường nhật, vừa là cơ hội dành cho nam nữ gặp gỡ, trao tình, trao ý với nhau.

“Tạo cơ hội để nam nữ gặp nhau, trao tình, trao ý rõ ràng là nghịch với những giáo điều của Hán Nho : “Nam, nữ thụ thụ bất thân”, hay “Nam nữ bất đồng tịch”. Việt phong nhìn vấn đề nam nữ luyến ái là một sinh hoạt tâm lý tự nhiên và cần thiết khi đã đến tuổi trưởng thành.

“Khi chưa có tập quán Nho phong do bọn quan lại Tàu như Nhâm Diên, Sỹ Nhiếp du nhập, áp đặt thì trên dưới xã hội Việt đều trọng tư do luyến ái (truyện Tiên Dung và Chử Đồng Tử). . .

“Như vậy, Việt học là một sự-kiện có thực, nội dung khác biệt với mọi học-thuật đã du nhập và

Phơi thầy trăm họ, nên công một người,
Khi thất thế, tên rơi đạn lạc
Bãi sa trường, thịt nát máu rơi
Mệnh mông góc bể chân trời
Năm xương vô chủ biết rơi chốn nào?...

Càng thương cho những ke cả đời chỉ biết ký
cóp sao cho bạc lăm, tiền nhiều:

Cũng có kẻ tính đường tri phú
Làm tội mình nhịn ngủ, bớt ăn
Ruột rà không kể chi thân
Dẫu làm nền nã, dành phần về ai?
Khi nằm xuống không người nhấc nhủ
Của phù vân dẫu có như không
Sống thời tiền chảy bạc ròng
Thác không đem được một đồng nào đi!

Cũng không thiếu những hạng người vì danh
lợi, bôn ba khắp chốn:

Cũng có kẻ vào sông, ra bể
Cánh buồm đời chạy xế gió đông
Gặp cơn giông tố giữa dòng
Dem thân vùi lấp vào lòng kinh ngư!

Tiếc thương nhiều hơn nữa cho kiếp “buôn
nguyệt bán hoa”

Ngẩn ngơ khi trở về già
Ai chồng con tá, biết là cậy ai
Sống đã chọn một đời phiền não
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa!...

Còn nhiều nữa, những âm hồn đau khổ: những
người khát thực, lê lết góc đường, xó chợ; những trẻ

sơ sinh đã lìa cha mẹ, những người bị thú dữ vồ mồi...

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất
Vời thảng ngày hành khát ngược xuôi
Thương thay cũng một kiếp người
Sống nhờ hàng xú, chết vùi đường quan.
Cũng có kẻ thác oan, tù rạc
Gửi mình vào chiếu rách một manh.
Nắm xương chôn rắp góc thành,
Kiếp nào cỏi được oan tình ấy đi?
Kìa những đứa tiểu nhi, tấm bé
Lỗi giờ sinh lìa mẹ, lìa cha
Lấy ai bông bế xót xa
U-ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng.
Kìa những kẻ đắm sông chìm suối
Cũng có người sẩy cỗi sa chân
Có người leo giếng đứt dây
Kẻ trôi nước lũ, người lây lửa thành...

Sống đã chịu một bề thảm-thiết,
Ruột héo khô, dạ rét căm-căm
Dãi dầu trong mấy mươi năm
Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Tắt mặt trời lẩn-thẩn tìm ra
Lôi thôi bông trẻ, dất già
Có khôn thiêng nhẽ, lại mà nghe kinh...
Kiếp phù sinh như hình như ảnh
Có chữ rằng: “Vạn cảnh giai không”...

(Trích Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh -
Nguyễn Du)

III-8/ *Hoa Bách Niên*

Sự hòa-hài giữa con người với thiên nhiên được thể hiện cụ-thể trong những ngày “Tết”, hội xuân.

Các trò vui xuân như “đánh gòn”, “bắt chạch trong chum”,... đủ chứng-tỏ văn hóa Việt khác với văn hóa Trung Hoa. Ở Trung Hoa cho đến ngày nay, vì cốt lõi tinh-thần gốc du-mục, nên “trọng nam khinh nữ” (Vẫn còn nạn đem trẻ gái sơ sinh ném ra ngoài đường).

Xưa kia, Khổng Tử đã cho rằng: “Phụ nữ khó cảm hóa, thân cận thì nhờn, mà xa lạ thì oán”.

Đối với Hán Nho, không nhìn phụ nữ trên con người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với vai-trò nội trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta thấy mặc dầu tán-tụng Khổng Tử là “bậc thầy muôn thuở” (Vạn Thế Sư Biểu), mà không một lời nói đến Khổng phu nhân!

Việt phong khác với Nho phong đã được vạch rõ trong bài thơ “Đu Xuân” của nữ sĩ Hồ Xuân Hương:

Tám cột khen ai khéo khéo trồng,
Người thì lên đánh, kẻ đứng trông:
Trai đu gối hạc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong, ngửa-ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phất-phới,
Đôi hàng chân ngọc duỗi song-song.
Chơi xuân mới biết xuân chẳng tá
Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!

“Tuy không lý-thuyết thành giáo lý minh bạch, nhưng những sinh-hoạt hồn-nhiên như trò vui đu xuân này đã nói rõ cho thấy nhân dân Việt thường sinh-

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
- Nho Giáo: * Khổng Tử	- “Khắc kỷ phục lễ vi nhân ” (nghiêm-trị tư dục nơi mình là khắc kỷ, hồi phục được <u>chân lý của trời</u> là phục lễ, thế là nhân.) - “Dân chi ư nhân giả, thậm ư thủy hỏa; thủy hỏa ngộ kiến đạo nhi tử giả hỹ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.” = Nước lửa vốn quan hệ cho cuộc sống, nhưng mà sự sống quan-hệ với đức nhân càng mật thiết hơn. - “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối đãi với người. - “ Nhân theo Khổng học là tâm đức ; Nhân là bác thí, lòng “ nhân ” nơi con người được ví như “ thiên lý ”.
* Mạnh Tử	- Mạnh Tử chủ trương tính thiện . Trong tính thiện có 4 mối: 1/ Lòng bất nhẫn hay trắc ẩn. 2/ Tâm tu ố: Biết cái việc đáng làm xấu thẹn chê ghét mà sinh ra lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố. 3/ Lòng từ nhượng: Đụng lầy việc, không thừa nhận, không cạnh tranh mà sinh ra lòng từ chối nhân nhượng. 4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy

thống trị xã hội Việt. Từ những học thuật cũ như Nho học, Phật học,... đến những học thuật mới như Christo-grec-Latin, và Mác-Xít - Lê-Nin.”

Để nói lên tính cách phóng khoáng giữa trai và gái của giới bình dân, ta có thể tìm thấy trong các bài ca-dao:

*Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc, rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.*

Hay:

*Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà
Áo anh sút chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sút chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng,
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng, anh lại giúp cho:
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo,*

1- Hoài Nguyên, “Việt Phong khác với Nho Phong”, Những Vấn Đề Văn Hóa Việt, xb. 1994.

Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cười, lại đèo buông cau.

(Ca Dao)

Trai đã không e-ngại mượn cớ “*quên áo*” để
ướm tình, thì gái cũng mạnh-dạn:

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm tám, mời anh xơi trầu.
Trầu này tèm những vôi Tàu,
Ở giữa đềm quế, hai đầu thơm cay.
Mời anh xơi miếng trầu này.
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương.

(Ca Dao)

Yếu tố thứ nhất của xã-hội sinh-hoạt là “*hôn nhân*”. Đề cập tới hôn nhân là đề-cập đến xây dựng gia đình. Muốn xây dựng gia đình, công việc trước tiên là phải giúp cho nam nữ có cơ hội giao-tiếp, gần bó trước khi kết-hợp vợ chồng, nghĩa là nam nữ giữ vai trò chính yếu, có quyền lựa chọn. *Có lựa chọn mới có trách nhiệm và trọn nghĩa vợ chồng*. Chính nhờ ở tinh thần phóng khoáng và tự do luyện ái, mà khi thành đạo vợ chồng, tình nghĩa càng keo sơn, chung thủy, và cùng nhau chia sẻ trách nhiệm:

Yêu anh cốt rữ xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh.

(Ca Dao)



III-9/ *Bảng Tóm Tắt Tính Người*

Trong số Tư Tưởng - Triết Học & Tôn Giáo

Triết Học, Tôn Giáo	Chủ Trương
-Duy Tâm (Duy Thần)	Vì y-cứ vào sự sắp đặt sẵn của đấng tối cao “ <i>thần</i> ”, nên mọi người đều phải phục-tòng; Trung tâm luật tắc trên lịch-sử học: “ <i>Lịch sử là biểu hiện của ý chí tối cao.</i> ” Luận về <i>tính</i> thì cho rằng <i>tính con người vốn thiên</i> , áp-dụng sang thực-tiến lý luận thường thiên về giáo dục, lấy nhân nghĩa làm chủ động trong cải-cách kiến-thiết xã hội.
-Duy Vật	Hiệu-quả của lịch-sử và văn-minh lý luận đưa đến <i>định mệnh</i> chủ-nghĩa! Luận về tính con người, <i>tính vốn ác</i> . Trên thực tế lý luận, chính trị là mặt nạ bóc lột giai-cấp, quốc gia là công cụ đấu tranh giai-cấp.
-Duy Sinh	Sang phần diễn dịch, phái “duy sinh” mang luật tắc âm dương của vũ-trụ áp-dụng vào xã-hội để thành lập một thứ Freudisme. (Kiền giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...). Còn trung tâm luật tắc là cầu sống còn. Luận về tính người cho rằng loài người là tinh thần phối hợp với vật chất

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
*Thiên Chúa Giáo:	- Hành động của bác ái là đặc-trưng tình cảm giữa con người với Thượng Đế (St. John 14.23; 15:14). - Động lực của bác-ái là do Thượng Đế yêu vì mục đích của chính ngài. - Phạm vi bác ái bao gồm suốt dọc cả con người lẫn Thượng đế, vừa siêu-nhiên vừa trần thế, (Mathêu 22:39 và ` Luca 10:27). Trong Kinh Thánh đã ghi: “ Anh em đã nghe luật dạy rằng: “Mắt đền mắt, răng đền răng” còn Thầy, Thầy bảo anh em: <i>Đừng chống cả người ác, trái lại nếu bị ai vả má bên phải thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa. Nếu ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì hãy để cho nó lấy cả áo ngoài... (Mt. 5-38.40) .</i>
* Nhân Ái Việt	- Thương người như thể thương thân, (Hòa quang đồng trần) - Vi nhi vô vi, như tình mẹ nuôi con. - Tính không chấp (linh động) “Chấp kinh thì phải tòng quyền”. - Tính thăng hoa (bốc hơi) : “Nước đi ra biển, lại mưa về nguồn...” (Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu)

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
*Tuân Tử:	chuyện trái mà trong lòng cho là trái. - Chủ tính người vốn ác. “Bỏ người mà nghĩ trời thì sai mất cái tính thật của vạn vật” tỏ ra tinh thần thực tiễn, nhưng không phải là duy vật. Tuân Tử nói: “Mục biện bạch hắc, nhĩ biện thanh âm = mất phân biệt trắng, đen; tại phân biệt âm thanh . Tuân Tử chú trọng vào đạo “người” hơn là đạo “Trời”. - “Đạo giả phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo, nhân chi sở đạo dã, quân tử nhi sở đạo dã” (Nho Hiệu)” Tuân Tử chú trọng vào sức hóa thành của con người, của nhân quần xã hội.
*Huệ Thi:	- Chủ Phiếm Ái (Rất gần với Mặc Dịch) “Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã.” (Trang Tử - Thiên Hạ). Huệ Thi chủ trương sự vật đều tương đối và biến đổi không ngừng. Do đó không có sự khác nhau tuyệt đối của sự vật trong vũ trụ. Tất cả đều biến hóa không ngừng, đều tương quan mật thiết.” Học thuật của chư Tử đời Tiên Tần từ thời đại Xuân Thu đến Chiến Quốc, nói chung đều có khuynh hướng trọng về thực nghiệm, thực dụng, coi nhẹ bản thể siêu hình.

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
* Cáo Tử	Chủ tính vô thiện, vô bất thiện., như tờ giấy trắng. <i>“Tính do soàn thủy giả, quyết chi Đông phương tắc Đông lưu; quyết chư Tây phương tắc Tây lưu.</i>
* Mặc Tử	Chủ “ <i>kiêm ái</i> ”: <i>Kiêm = chung.</i> Mặc Tử nói: <i>“Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, nhân ái phụ huynh dĩ quân nhược dĩ kỳ thân, ố thì bất hiếu...thị tử đệ dĩ thân nhược kỳ thân, ố thì bất từ, cố bất hiếu bất từ vô hữu. Do hữu đạo tắc giả hồ ? Thị nhân chi thất nhược kỳ thất, thù thiết ? Thị nhân thân nhược kỳ thân, thù tặc ? Cố đạo tắc vô hữu...” = Nếu khiến thiên hạ gồm yêu nhau, ai ai cũng yêu cha anh cùng vua như yêu thân mình, ghét làm điều bất hiếu. Coi con em và bề tôi cũng như thân mình, ghét những điều bất từ, thì điều bất hiếu bất từ sẽ không có...</i>
* Lão Tử	<i>- “Thượng thiên nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ đại.” (Bậc thượng thiện giống như nước, nước khéo lợi cho muôn vật mà không tranh, ở vào chỗ mọi người ghét nên gần với đạo.).</i> <i>- “Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương. = Sông biển sở dĩ có thể làm vua trăm hang. Bởi vì nó khéo ở dưới trăm</i>

Triết Học, Tông Giáo	Chủ Trương
* Lão Tử	<i>hang. Cho nên có thể làm vua trăm hang.</i> <i>- “Thiên mạc nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng = Thiên hạ yêu mến không gì hơn nước, mà đánh nổi cứng mạnh không gì hơn nổi nước.</i>
* Phật Giáo	Từ bi theo Phật giáo chia làm 3 cấp: * Chúng sinh, duyên tự, khởi tâm đền ơn, mong mỗi chúng mà khởi tâm từ bi, <i>đạo đức thế gian.</i> * Pháp duyên tự: (cấp 2) duyên nơi pháp và khởi từ bi (quán thân bình đẳng), <i>bình đẳng tâm.</i> * Đồng thể đại bi: Vô duyên đại tự, <i>không phân biệt, không điều kiện.</i> Nghĩa chính của hai chữ “ <i>từ bi</i> ”, theo hòa thượng Thích Huệ Đăng giải thích: Từ là cho vui, bi là cứu khổ. Từ bi không lấy cái ngã làm trung tâm xuất phát mà là kiến lập trên thể tướng <i>bình đẳng</i> đối với tất cả chúng sinh đều cùng một thể không sai khác.
* Thiên Chúa Giáo:	- <i>Bác ái là do Thượng Đế ban cho qua chúa Thánh Thần (La Mã 5:5).</i> - <i>Dù Bác ái phản ứng trên bản năng cảm quan, nhưng cần có ý thức và lý trí.</i>

<i>Triết Học, Tông Giáo</i>	<i>Chủ Trương</i>
* <i>Nhân Ái Việt</i>	(Ngoài tính bất định hình, bất định thể, dung nạp, hòa-tan, thích-nghi, tự-do, bình-đẳng, v.v... nước còn có tính <i>bốc hơi</i> (<i>thoát xác</i>), dứt bỏ tất cả.). - <i>Vô kỹ tính</i>: Khi sinh ra tính chẳng lành, mà cũng chẳng ác, giống như tờ giấy trắng, vẽ màu nào lên trên giấy thì hiện lên màu đó. - Do ảnh hưởng môi trường thiên nhiên, địa dư mà ảnh hưởng màu da, cá tính (<i>tính này ta có gọi là tính bẩm sinh</i>). - Lớn lên “<i>Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.</i>”) Ta có thể nói đó là “<i>giáo dục tính</i>” hay “<i>thành tựu tính</i>”, hoặc “<i>xã hội tính</i>”. - Ngoài ra, con người dù ở đâu, xưa, nay và mai đều cần phải ăn uống để duy trì sự sống, ta có thể gọi tính này là “<i>nhu yếu tính</i>”. - Đồng thời trong cuộc sống gặp nhiều đối kháng, đe dọa, con người phát sinh “<i>tự vệ tính</i>”. - Tiếp đến, nhu cầu kết hợp âm - dương “<i>sắc tính</i>”. “<i>Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê.</i>”



Chương IV

Những Khác Biệt về Tính Người

giữa số Tư Tưởng & Tông Giáo

Ngày nay mọi người đều rõ: “*tự nhiên*” có trước loài người. Tự nhiên ảnh-hưởng con người, nên mới nói: “*con người có tính bẩm sinh (tính tự nhiên, tính trời cho, tính thiên phú*”.

* Sự thất bại của Duy Tâm (Duy Thần):

Nói đến “*thần*”, “*thượng đế*”, “*trời*”, . . . chỉ là ngoại tăng chân lý, không thể nào kiểm chứng. Nói cách khác, chân lý về thượng đế là chân lý khách quan, vô nguyên (*sức biết con người đến đâu, vũ trụ có tên đến đó*).

Căn cứ vào khoa “*triết sử*”, nhà tư tưởng Việt Lý Đông A đã đưa ra nhận định:

- “*Sự phát sinh ra Duy Tâm, Duy vật, Duy sinh là sự **giác ngộ ấu trĩ** của loài người; Ấu trĩ vì các thuyết trên thiết lập cách nay đã hàng trăm năm, ngàn năm, nên đã lạc hậu.*

- *Sự tìm tòi của họ là một **y quy vũ trụ** làm đề uẩn cho sống còn. (Nếu cho nguồn gốc vũ trụ là “thượng đế” là “trời”, loài người sẽ tuyệt đối phục tùng “thượng đế”. Kết quả của sự trói buộc bởi vũ-trụ-quan sẽ ra sao ?*

Phải chăng như một lãnh tụ Hồi giáo chống chính quyền ở Algérie đã thẳng thắn tuyên bố: “Chúng tôi sẵn sàng hy sinh hai phần ba nhân dân để một phần ba còn lại được phép quay trở lại lối sống của Thượng Đế.” ?

- *Là các điều kiện của loài người chưa thoát ra khỏi sự trói buộc tinh thần của vũ-trụ-quan.*

Qua cách nhìn tổng thể, chúng ta cũng thấy,

IV-1/ Đạo Học với Triết Học:

Thực ra danh từ “*triết học*”, và “*triết lý*” được phổ biến từ ngày có sự du nhập văn hóa Âu Tây; còn trước đó, Đông phương chỉ đề cập đến *Đạo học*, hay *tâm học*.

Nếu hiểu theo ý nghĩa cổ điển của Hy Lạp về “*Philosophie*”, danh từ này đồng nghĩa với “*ái tri*” (*yêu sự biết*) của Khổng Nho. Tương tự, trong *Thượng Thư*, thiên *Hồng Phạm* có câu “*Minh tắc triết*” = Sáng làm ra biết, hay “*Tri nhơn tắc triết*” = Biết người là sáng (*Kinh Thư*)...

Như vậy, sự cầu tìm chân lý của nhân loại đều có ở khắp nơi.

Rộng và sâu hơn nữa, sự khám phá nguyên bản của hiện tượng ở cái gì khác với hiện tượng, (*L’être en tant qu’être - Thực thể xét ở thực thể*) thì Đông phương gọi là “*Đạo*” (*Hình nhi thượng*), và “*Khí*” (*hình nhi hạ*), trong khi Tây phương gọi là “*Métaphysique*”.¹

IV-2/ Nhược điểm của triết học khi nhìn qua một lăng kính.

Chúng ta cũng đã rõ, khi nhìn một khối vật theo mặt phẳng (*hai chiều*) sẽ khác với cái nhìn ba chiều (*tổng thể*).

Tỷ như, nhìn từng diện của một khối hình nón, ta thấy: nếu nhìn từ đáy, thì thấy hình tròn, hình ở

1- Nguyễn Đăng Thực, *Lịch Sử Triết Học Phương Đông*, tập I, nhà xb. T/P HCM, 2001.

bên, ta có hình tam giác, nhìn từ đỉnh xuống, ta thấy một hình tròn có tâm điểm. Chúng khác nhau hoàn toàn từ hình dáng tới kích thước, nhưng thực ra chúng gắn bó với nhau một cách khăng-khít, vì chúng là 3 cách nhìn của một hình nón đỉnh nhọn. Do đó, muốn tiến tới gần sự thật phải tổng hợp tất cả các diện, cách nhìn. Tập thể mọi hiểu biết về một vật, chính là *tổng thể về vật đó*.

Tổng thể là sự thống nhất tất cả các thành phần, tất cả các diện, các dạng, các trạng thái, các đặc tính của một thực thể.

Để cảnh cáo những cái nhìn phiến diện đã vội cho là chính xác, cổ tích Việt còn để lại truyện “*Năm thầy bói mù sờ voi*” để nói lên những sai lầm tai hại của “*phiến diện minh thị*”.

Nếu đứng từ vị trí cố định mà quan sát, dù với những dụng cụ tối tân thì hiệu quả cái nhìn cũng chỉ dưới một góc cạnh giới hạn, mang tính cách chủ quan và phiến diện. Đây chính là nhược điểm của các triết học sử quan “*Duy Tâm*”, “*Duy Vật*”, “*Duy Sinh*”, v.v...

Bàn về “con người” lại không đứng trên lập trường “*người*”, mà lấy “*Tâm*”, hay “*vật*”, hoặc “*sinh*” mà quy chiếu, nên không có cái nhìn “*tổng thể*”.

Ngoài ra, có một số triết thuyết như theo “*hiệu quả chủ thuyết*” hay “*Thực dụng chủ nghĩa*”, không khác gì nhìn sự vật qua cặp kính màu. Kết quả không nhìn thấy mặt thật của nguyên bản!

IV-3/ Đánh giá các quan-điểm về “*tính người*”:

Qua bảng tóm tắt “*Chủ-trương về tính người của một số tư-tưởng-gia, triết-học và Tôn Giáo*”, ta

có thể tóm thành chín (9) quan-điểm:

1- Chủ trương “*tính người vốn thiện*” (Duy Tâm, Khổng Tử, Mạnh Tử, ...).

2- *Tính người vốn ác* (Duy vật, Tuân Tử-pháp gia).

3- *Vừa thiện vừa ác* (Duy Sinh).

4- *Không thiện, không ác* giống như nước khơi sang Đông chảy sang Đông, khơi sang Tây chảy sang Tây. (Cáo Tử).

5- *Phiếm ái* (Huệ Thi), *Kiên ái* (Mặc Tử).

6- *Từ bi* (3 cấp: Chúng sinh, đạo đức thế gian, bình đẳng tâm, không điều kiện (Phật giáo).

7- *Bác ái* (Thiên Chúa giáo, đặc trưng tình cảm giữa con người với Thượng đế).

8- *Lấy đức tính của nước so-sánh với tính người*. (Nuôi dưỡng muôn loài, không kể công, không hữu ý, bao dung, linh động. - (Lão Tử).

9- *Nhân ái Việt*: Ngoài các đức tính của nước, còn có 4 đặc tính: *Nhu yếu tính, tự vệ tính, xã hội tính và sắc tính* (Văn hóa Việt.).

Ta lần-lượt nhận xét từng quan điểm trên:

* Nếu dựa vào thiên nhiên mà cho rằng: “*thiên mệnh chi vị tính*”, ta thấy hai phạm-trù “*thiên nhiên*” và “*con người*”, tuy có tương quan mật-thiết, nhưng vẫn là hai phạm-trù độc lập, một đằng mang tính chất khoa học, khách quan - còn về con người mang tính chất chủ quan.

sự khác nhau.

- Phẩm tính trí năng có thể bị ảnh hưởng của hoàn cảnh mà thay đổi.

- Sự cao thấp phẩm tính trí năng là do 1 phần tiên thiên phú bẩm, một phần do ảnh hưởng hoàn cảnh.

- Giáo dục có thể làm tăng tiến phẩm tính trí năng... Tóm lại, các lý thuyết năng lực nhất nguyên, tuyệt đối tinh thần, tam giới duy tâm, duy vật hay duy sinh ở một căn cứ siêu hình “hình nhi hạ”:

- Thỏa hiệp vì duy tâm là kết quả suy tư của nhân loại tiến bộ sau khi nhân loại thành lập.

- Thần, chỉ là một tin tưởng, một hiện tượng không thể nào kiểm nghiệm vì vô nguyên và khách quan. Nói cách khác: “Thần thiếu giá trị trong những điều kiện thiếu xác định.”¹

Một triết thuyết phù hợp với con người phải lấy con người làm đối tượng nghiên cứu, lấy cách thức sống của con người làm điểm xuất phát tối sơ của suy luận, lấy xã hội loài người làm căn cứ tối định, vĩnh cửu với thời gian.

- Do Thái giáo: “Thượng đế đã tạo ra loài người theo hình ảnh của ngài”.

- Heidegger: “Con người chỉ thực hiện toàn mãn bản chất của mình khi nhận thức rằng mình đã sáng tạo ra thế giới”.

* Sự thất bại của Duy vật:

1- Lý Đông A, “Chu Tri Lục 6”, Saq2igòn, nhà xuất bản Gió Đáy.

con người không thể sống đơn độc, con người phải sống trong đoàn thể, nên có thêm một tính khác: “*thành tựu tính*” hay “*xã hội tính*”. Ngoài ra, con người vượt lên trên mọi động vật nhờ có tư tưởng để luôn-luôn có vận động *hướng thượng* tạo đời sống ngày một tiến bộ, tốt đẹp hơn. Do đó, ta có thể nói

[Con người là mẫu mực thống nhất cả ba phạm trù “*tự nhiên, xã hội và tư tưởng.*”]

Nói cách khác, các quy luật chi-phối thiên-nhiên là các quy luật vật chất tự nhiên, đó là các quy luật khoa học của vật chất, có tính cách khách quan, không thay đổi dù có hay không có sự hiện diện của con người. Khi con người khám phá ra các quy luật chi phối thiên nhiên thì các quy luật đó chỉ áp dụng cho vũ trụ khách quan mà thôi.

Sang xã hội loài người, các quy luật trong vũ trụ tự nhiên phải biến đổi sao cho thích hợp với đời sống của con người. Con người biến đổi các quy luật thiên nhiên để phục vụ con người. Nói cách khác con người dùng tư tưởng để làm chủ vũ trụ vật chất khách quan.

Trong sách Trung Dung, dựa vào học thuyết của Khổng Học, Mạnh Tử nói về tính thiện là lấy sự tu dưỡng mà khuếch sung bản tính của nhân loại: “Vạn vật giai bĩ ư ngã hỹ. Từ triết học giáo-dục đi tới triết học chính trị. Mạnh Tử thừa kế Khổng Tử, lấy cái sáng sủa của hệ thống triết học thực-tế của Khổng Tử, xây dựng nền móng lâm lý học cho luân lý học của phái Nho, bèn xướng lên thuyết “*tính thiện*”.

“Lương tri = tri thức tự nhiên mà có, không cần phải học tập, cũng có thể gọi là bản năng. Nói theo Nho học, lương tri là quà tặng của thượng đế, nên hành xử theo lương tri là hành xử theo thiên ý. Nói cách khác, lương tri là sự hiểu biết tự nhiên, ngay tức khắc về phải, trái - thiện và ác.

(“*Năng chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả, sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri giả. . .*” = *Người ta có những điều chẳng cần học tập với ai mà tự mình hay được, là cái lương năng. Có cái điều không cần suy nghĩ mà tự nhiên biết được là cái lương tri vậy.*)

Tựa vào ý trời “Đại đức viết sinh” (Đức lớn của trời đất là nuôi dưỡng vạn vật) mà nói “nhân chi sơ tính bản thiện” là không phân biệt giữa vũ trụ khách quan với con người hữu tình và chủ quan.

Hơn nữa, nói đến chân lý, ta thấy “*Chân lý chỉ có giá trị trong những điều kiện được xác định*”.

Về giá trị của triết học, theo nguyên lý “*đối quy chiếu*” đứng trên lập-trường thiên nhiên thì chỉ để giải quyết vấn đề thiên nhiên, giải quyết “*tính người*” thì phải đứng trên lập trường con người để giải quyết. Đem lập trường thiên nhiên mà giải quyết vấn đề con người là sai quy chiếu.

Theo Cáo Tử thì tính có thể thiện, có thể ác: “*Tính khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất thiện, thị cố Văn Vũ hưng tắc dân hiếu thiện. U Lệ hưng tắc dân hiếu bạo*” hoặc viết: “*Hữu tính thiện, hữu tính bất thiện. Thị cố dĩ Nghiêu vi quân nhi hữu Tượng, dĩ Cổ Tảo vi phụ nhi hữu Thuấn, dĩ Trụ vi huynh chi tử, thả dĩ vi quân, nhi hữu Vi Khải Tử, Vương tử, Tỉ Can*”.

Tính có thể làm ra thiện, có thể làm ra bất thiện. Vì thế cho nên vua Văn, vua Vũ dấy lên thì dân ưa điều thiện. Vua U, Lệ dấy lên thì dân ưa điều tàn bạo. Có kẻ nói: Có tính thiên, có tính bất thiện. . .

Cáo Tử còn cho rằng: “*Sinh gọi là tính?*” Ở điểm này, Mạnh Tử mạnh dạn bác bỏ: “*Trắng của lông trắng cũng giống như trắng của Tuyết. - Nếu vậy thì tính của chó cũng như tính của trâu, tính của trâu cũng giống như tính của người hay sao?*”

(Cáo Tử thượng - Mạnh Tử).

Ở đây, nếu luận về giá trị của triết học, ta thấy luận cứ của Cáo Tử cũng phạm vào lỗi lầm sai “quy chiếu”:

- Đành rằng con người cũng là sinh vật, nhưng con người khác với các động vật là ở người có những đặc tính người, không thể đồng hóa con người với mọi sinh vật khác.

Hàn Phi Tử, một cự phách trong hàng pháp gia cho rằng: “*Nhân tình hữu hiếu ố, cố thưởng phạt hữu dụng.*” = *Bản tính con người có tính tình tốt hay xấu, đáng yêu không đáng yêu - Cho nên có thể áp dụng thưởng và phạt* ”. (Hàn Phi- Quyển 2)

Ta thấy Mạnh Tử chú trọng về thiên nhiên, còn Tuân Tử chú trọng về nhân sinh, hành vi. Phương pháp tôn tâm dưỡng tính của Mạnh Tử thì đi từ bên trong ra bên ngoài - còn phương pháp tu dưỡng của Tuân Tử thì lấy ngoài ảnh hưởng vào trong.

Luận về tính, quan niệm của Khổng Nho có thể thuyết minh như sau:

-Phẩm tính trí năng phú bẩm của người ta có

- Duy vật nắm bắt hiện tượng ngay trước mắt.
- Dịch lý suy luận ra các quy tắc vận hành.
- Duy sinh nắm bắt dòng sinh mệnh trước mắt, không cần biết nó bắt nguồn từ đâu.

Cùng đích của suy tư giống như “ *Các thiền giả ngồi trước vách Bích Nham để nghe tiếng vỗ của một bàn tay hay để ngắm diện mạo mình trước khi hiện hữu* ”.

*Tối cao đối tượng của loài người là “Người”.

*Tối sơ xuất phát của loài người là sự tiến hành đời sống người, thực tế người trên nền tảng thành lập xã hội người.

*Tối định căn cứ của loài người là nhân đạo.

*Tối thực luật tắc của loài người là sự thực hiện lịch sử của phạm trù người, lý tưởng người.

* *M*inh triết Việt với Từ bi và Bác ái.

Sao cho yêu thương được chế độ hóa và thực tiễn hóa. Sao cho loài người được hưởng hưởng thơm của hoa nhân ái?

*T*rong vườn hoa nhân loại, từ lâu đã thiếu những đóa hoa “nhân ái” (Ái Hoa). Biết bao nhiêu trang sử “phi nhân” đã nói lên những thảm cảnh của loài người!

* Trong lịch sử nhân loại:

- Đầu thế kỷ 16, thực dân Bồ Đào Nha mua người da đen bị bắt làm nô lệ về làm việc trong những đồn điền mía tại Brazil.

- Vật chất đem lên làm thủy tổ của vũ trụ cứu cánh là *quan điểm siêu hình không toàn bộ được chứng thực*:

- Vũ trụ vận động quy định bằng luật tắc căn bản là vật chất khách quan vận động, chỉ là khám phá quảng phiếm và đương nhiên của vũ trụ quan ở một căn cứ siêu hình.

- Đối-tượng tối cao của triết học duy vật là duy nhiên bộ phận với *biện chứng tiêu cực*.

- Đưa tới xuất phát tối sơ của duy vật là loài người trong duy nhiên *động vật trạng thái*.

- Và căn cứ tối định của duy vật là kinh tế tiến hóa vận động bắt đầu bằng *phi kinh tế, tự nhiên kinh tế?*

Sự thất bại trên cơ bản lý luận duy vật ở ngay sự *vận động biện chứng sai khớp với lịch sử*.

Sự thất bại ở ngay sự mù tịt bản thể nhân loại trên kiến thiết nhân loại.

Ở ngay sự thất bại trong thực tế cách mạng 1917.

Cộng sản chủ nghĩa chỉ là lý tưởng quá độ của vô chính phủ chủ nghĩa.

* Sự thất bại của Duy Sinh:

Cầu sinh trên thuần túy cầu sinh và tuyệt đối cầu sinh không phải là chân thực mục-đích của loài người, chỉ là chân thực mục đích của hạ cấp động vật. ***Loài người cố nhiên phải là động vật nhưng mà là động vật theo cách thức loài người.***

Nếu chúng ta đồng ý “*nhân đạo*” là đường sống của loài người dựa trên ba yếu-tố: *Nhân bản, nhân*

tính và nhân chủ.

- Nhân bản là lấy loài người làm gốc, lấy xã hội loài người trên tự tính, lấy nhân dân làm gốc, lấy toàn thể thế-giới nhân loại làm gốc của tất cả các kiến-trúc, kiến-thiết xã-hội.

Lấy “người” làm gốc thì mọi hiện-tượng sống được tạo ra *bởi người, vì người và cho người*. Do đó, sứ mệnh của con người trong xã hội là *phục-vụ người, vì người, cho người* chứ không phải vì sự, vì vật.

- Nhân tính: Để cho loài người thực sự có hạnh phúc, nền chính-trị phải lấy ***nhân tính*** làm nền-tảng cho mọi chương-trình kiến-thiết.

Nhân tính đích thực và căn-bản là *nhu-yếu tính, tự vệ tính, sắc tính và xã-hội tính*. Nhu-yếu tính là những tính cần yếu cho cuộc sống (*ăn, ở, mặc,...*).

Trong cuộc sống của con người phải lấy “*bình*” làm chuẩn (*không người nào bị chèn-ép trong sự thỏa-mãn các nhu-yếu về tinh-thần cũng như thể-chất*).

Tính thứ hai là “*sắc tính*” (*Tính truyền chủng hay tình nam nữ*). Sắc tính của người phải lấy “*trình*” làm chuẩn, nghĩa là *lòng trung thành song phương* giữa nam và nữ, vợ chồng là của riêng nhau, không bị chung chạ, hiếp-đáp.

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,

Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông.

(*Kiều*)

Tự-vệ tính (*tranh đấu để tự tồn*) và xã-hội tính hay tập-đoàn tính (*hợp quần*) của người phải lấy “*hòa*” làm chuẩn, nghĩa là không ai bị áp-bức, bóc-lột, mà

cùng được bảo-vệ, được sống yên lành, tương-trợ lẫn nhau. Liên-hệ giữa người và người là liên-hệ “*hòa hài*”. Sống trong một xã-hội hòa-bình nhân ái (*đó là liên-hệ “Cơ năng bản-vì hổ-tương nguyên-nhân”*).

Có thể nói: “*Yêu thương là huyết tính của nhân loại* “. Cuộc đời vắng yêu thương là xảy ra chết chóc, hủy hoại!.

Mặc dầu mục đích của “*Từ Bi*”, và “*Bác ái*” mới nghe thì rất giá trị, nhưng thực tế chỉ là những “*lý thuyết*” nảy sinh trong hoàn cảnh tối tăm của thời đại “*giai cấp*”, “*chia rẽ*” *bóc lột, thống trị*.

Muốn “*Từ bi*”, “*Bác ái*” hay nô-m na “*lòng nhân ái*” được thực hiện phải đi đôi với chương trình cải tiến xã hội. Tư tưởng và “*thực hiện*” phải song hành.

Nếu chỉ đưa ra lý tưởng mà không có đường hướng thay đổi toàn diện, triệt-để và hướng thượng (*lấy nhân bản làm nền tảng tư tưởng cho chính trị, lấy nhân tính làm cốt cán cho mọi kiến trúc kinh tế xã hội, lấy nhân sinh hòa hài làm đường hướng sinh hoạt của nhân sinh,...*Nói cách khác thay đổi nếp sống cũ bằng nếp sống mới, có sự tổng hợp khoa học, triết học và sử học trên nền tảng thăng hoa cuộc sống người) nên từ khi Đức Thích Ca, và đức Jé-sus ra đời đến nay, thế-giới vẫn tiếp tục trong chiến-tranh, khổ đau, chém giết vẫn thường xảy ra, oan khiên vẫn vang dậy nơi-nơi!

Tóm lại,

-Duy Tâm suy tư về một nguyên lý vận hành các hiện tượng.

*Lò cừ nung-nấu sự đời
Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương...*

hay:

*Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ-mờ nhân ảnh như người đi đêm.
Hình mộc thạch vàng kim, ổ cổ;
Quán thu phong đứng rữ tà huy.
Tiêu-diêu đến cả sơn khê,
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này...*



- Năm 1804, Đan Mạch bãi bỏ buôn nô lệ.
- Năm 1807 đến lượt Anh.
- Năm 1808 Hoa Kỳ.
- Năm 1810 Venezuela và Mỹ Tây Cơ.
- Năm 1811 Chilê.
- Năm 1812 Á Căn Đình.
- Năm 1813 Thụy Điển.
- Năm 1818 Pháp.

Qua các sự kiện trên, ta thấy “*Tinh người*” ở Âu Tây tiến triển rất chậm chạp! Trái lại, ở Á Đông, nơi phát sinh “*văn minh trồng lúa nước*”, tinh thần “*nhân bản*”, “*nhân trị*”, xã hội đầy ấp tình người đã có từ nhiều ngàn năm trước Công nguyên.

“*Quan niệm cố hữu của người Việt, “Con người là cái tâm của trời đất”, tư tưởng này cũng tìm thấy ở trong Kinh Dịch “Nhân giả kỳ thiên địa chi đức” (người ta là cái đức của Trời Đất), hoặc trong Tượng truyện của quẻ “Thái”: “Thiên địa giao thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tượng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân” (Công việc của trời đất là tạo thiết ra vạn vật, nhờ con người chấn chỉnh cho thỏa đáng).*

Vũ trụ quan của người Việt không phải là vũ trụ quan siêu hình hay thần quyền, mà chỉ là bầu thiên-nhiên chuyển biến do những nguyên nhân mà khoa học có thể tìm hiểu được. Chân lý về vũ trụ quan là phần chân lý khoa học. Không có con người, vũ trụ chỉ còn là vũ trụ vô hồn, trống rỗng.

Chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận dụng quy luật “*Vạn vật tương quan hổ*

tương ảnh hưởng”.

Do đó, đất nước, gió mưa vô tình diễn, nhưng qua sức con người thì: *Lúa vàng đồng, nong vàng kén - sáo diều vi-vu dưới trăng thanh gió mát, và thôn xóm nơi nơi vang dội tiếng vui cười.”*

Đặt con người làm chủ đạo nhân sinh, tích cực phấn đấu để xây-dựng tư thế cải tạo hoàn cảnh, nên mới nói: *“Có trời mà cũng có ta” (Kiều)*

hay *“Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều...”*
(Nguyễn Du)

Trong các truyện thần thoại, thi ca Việt đều đặt vị thế con người làm chủ thể cuộc sống, con người làm gạch nối giữa trời và đất. Truyện ông Bàn Cổ không do thần minh, mà tự mình xuất hiện, phán định âm - dương,

*“Bàn Cổ thủ xuất,
Phán định âm - dương...”*

Ông Bàn Cổ lớn đến đâu thì kích thước vũ-trụ lớn rộng đến đó. Truyện bà Nữ Oa *“đội đá vá trời”* đều đã nói lên vai-trò độc lập và *“Tán thiên địa chi hóa dục”* (con người trợ giúp công sinh dưỡng của trời đất mà tài bồi cuộc sống cho con người).

Tinh thần này chính là tinh thần “nhân bản” và “nhân chủ”, chúng ta thường tự hào nước Việt có gần năm ngàn năm văn hiến. Văn là vẻ đẹp, văn biểu thị cho người (loài cầm thú chỉ có vết, chứ không có văn). Hiến cũng để biểu thị cho người, bởi chỉ con người mới có “hiến”.

Con người hơn tất cả các động vật khác ở giác ngộ tính, sáng tạo tính, xã hội tính và có lý tưởng, có

mục đích cho cuộc sống. Cuộc sống tuy thường bị chi phối bởi hoàn cảnh, luật tắc, nhưng ý chí con người lại có thể chuyển biến được hoàn cảnh, luật tắc.

Điểm này ta thấy Việt Nho khác với Hán, Tống, Minh và Thanh Nho (Hán Nho chủ vào “thiên mệnh”).

Chính Nho không công nhận quyền đặt định của thần quyền hay hóa công. Vai người được sánh cùng Trời - Đất (Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả). hay *“Vạn vật đồng nhất thể”.*

*Người ta đi cấy lấy công
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm,
Trông cho chân cứng đá mòn,
Trời yên biển lặng mới an tâm lòng.”*
(Ca Dao)

Điều-kiện và hoàn-cảnh thường gặp khó-khăn, nhưng muốn an định thái hòa, tất phải trông vào tỉnh thức của lý trí, một trí thức trọn vẹn khiến con người nhỏ yếu trước hoàn cảnh trái nghịch có thể xoay chuyển được tương quan giữa “đá” và “chân” (*chân mềm thành cứng, đá phải mòn*). Đá cứng là hoàn cảnh khó khăn, muốn tiến bước thì chân phải cứng (*khả năng phải sung mãn để vượt thắng*).

Có thể, con người mới tránh khỏi cảnh buồn thương như *“Cung Oán Ngâm Khúc”* đã diễn tả:

*Trẻ tạo hóa đành-hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi!*

V-1/ Minh triết Việt, một nền triết-học ẩn tàng:

V-1-A/ Lược khảo chính sách xâm-lãng và đồng-hóa của Trung Hoa:

“Tiếp nối truyền thống “Thiên Triều Chủ Nghĩa”, (Để quyền chuyên chế) với mưu-đồ muốn dùng hơn tỷ dân để gây loạn xâm lăng. Thế-giới chia làm nhiều khuynh-hướng: phe cầu hòa, nhóm thần phục, phái liên minh chống đối.

“Riêng ở Á Đông, muốn ý-thức được con đường phải đi, xin hãy tự lắng nghe những tiếng thổn-thức thì-thầm của các bộ tộc Bách Việt khi còn định cư ở phía Nam sông Dương Tử, trước thời Xuân Thu Chiến Quốc!

“Dự kế thống-trị toàn cõi Đông Nam Á của Tàu đã không còn giấu-giếm khi những lãnh-thổ như Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Mã Lai, Singapore, Phi-Luật-Tân được vẽ vào một bản đồ và coi là lãnh-thổ của Trung Quốc từ năm 1840 đính kèm trong cuốn “Tân Trung Quốc Sử Lược”, ấn hành vào năm 1952 để huấn-luyện thanh thiếu niên Cộng sản Trung Hoa!

“Nguyên-tắc chủ yếu của lịch-sử Tàu là “Hưng Hoa diệt di” (Hưng thịnh nòi Hoa, tiêu diệt các chủng tộc khác ở chung quanh) . Nguyên-tắc này được quảng-bá theo nhiều mặt:

“Về văn hóa suy-diễn theo đường lối “tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân” (ba năm nuôi dạy tất trở thành dân Hoa);

Về chính-trị là chiếm lãnh, tất-cả đều phục-

Chương V

Đạo Sống Việt, Nền Minh Triết Ẩn Tàng Sáng Chiến cho Tương Lai.

**V/ Đạo Sống Việt,
Nền Minh Triết Ẩn tàng
Sáng Chiếu cho Tương Lai.**

V-1/ Lý do và tính cách của nền
Minh Triết bị Ẩn tàng:

* Thâm Thoại.

* Ca Dao

* Phi Hán hóa.

V-2/ Tính cách xâm lược, cướp đoạt,
xuyên tạc của sắc dân “Đu Mục”.

V-3/ Một tương lai sáng chói tinh thần:

* Nhân Bản,

* Nhân chủ

* Nhân sinh hòa hài.

KẾT:

Khi bàn đến văn-hóa Việt, nhiều người mắc phải căn bệnh trầm-kha “*vọng ngoại*” mà quên rằng nhiều tư-tưởng Việt tưởng là du-nhập, học hỏi nơi người, nhưng thực ra vốn có, hay chỉ là “*hội nhập*”, phù-hợp với bản chất của dân tộc.

Tệ hơn nữa, có người còn cho rằng “*Văn hóa Việt là bản sao văn hóa Trung Quốc*”. Ở điểm này, họ không biết rằng: “*Cuộc Nam chinh của nòi Hoa không phải tiến vào vùng hoang-dã, không có dân cư; mà cũng không phải cuộc bành-trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám thổ dân kém văn minh...*”

Khi nền văn minh Trung Quốc có bản sắc rõ rệt của Tàu lần đầu tiên xuất-hiện, thì vùng đất miền Nam Trung Hoa đã có những sắc dân cư ngụ tại đó và họ đã có một nền văn hóa cao. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Tàu (Hoa) đã làm phong-phú cuộc sống cho họ.

Tương tự, theo Wolfram Eberhard, giáo sư đại học ở California, và đã từng giảng dạy tại đại học Bắc Kinh có nhận xét: “*Ý kiến cho chủng tộc Hán (Hoa) đã sản sinh ra nền văn minh cao độ hoàn-toàn do tự lực, do những tài năng đặc-biệt của họ thì nay đã không thể đứng vững. Chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn minh với chung quanh toàn là những dân tộc man rợ, mà chỉ có một nước Trung Quốc với các nước chung quanh cũng văn minh như họ, tuy theo một đường lối khác. (No longer see China as a great civilization surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbours, who had civilizations of quite*

tùng dưới lưới lê của nòi Hoa, “Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ” (gầm trời trên đất, không chỗ nào là không thuộc về vua Tàu.)

“*Trong lịch-trình bành-trướng của nòi Hoa, lịch sử Việt là cả một cuộc đấu-tranh liên-tục để bảo quốc tồn chủng!*”

“*Để hiểu rõ mối dã tâm của nòi Hoa, thời Đông Hán vào năm 54 T.L., Hán Quang Vũ cử Tô Định làm thái-thủ quận Giao Chỉ. Tô Định đã bắt dân Việt theo phong-tục, văn hóa của nòi Hoa, chịu sưu cao thuế nặng. buộc lên rừng tìm gỗ quý, xuống biển mò ngọc trai...*

“*Điển hình nhất, dưới triều Minh, bộ mặt tối quan liêu, tối dã-man không còn lời nào tả xiết! Chính phủ cai-trị trung-ương tổ-chức bằng “ba đầu chính trị” (triumvirat), tập trung quyền điều-khiển dưới Đô chỉ huy sứ (vị đứng đầu về quân sự), án-sát sứ và bố-chính sứ chỉ huy quyền tư pháp và dân sự. Chế độ quân sự tập quyền ấy đem tất cả người, vật, tiền, việc làm đất Việt lại dưới một chế-độ cực kỳ nghiêm mật: công nhân bị kiểm-chế dưới các ty lao động sản xuất, nông-dân bị kiểm soát bởi các cơ quan nông vụ, thu hết thóc gạo tập trung lại cũng ví như lao động-cực, bóc-lột hết sức, nhà buôn bị kìm-chế dưới các ty thương-vụ, ở đây thuế má chiếm hết các lãi lờ mà quyền đối ngoại buôn bán trao đổi hàng hóa bị hạn chế tối đa. Giới tu sĩ bị trông coi bởi các điều luật riêng cho tu sĩ. Đạo giáo bị khống-chế dưới các cơ quan kiểm-soát tôn giáo. Thầy bói cũng bị khống-chế bởi một ty cục sở tại. Muối bị khống-chế bởi ty thuế muối. Ngoài các quân*

khu, tư-pháp khu, còn các hành-chính khu, tất cả những cơ-cấu ấy đan-lát nhau lại thành những gọng kìm sắt nóng ép người Việt dưới cuộc thống-trị. Các cơ-cấu ấy đều thống-nhất dưới một chính-sách tiêu-diệt và đồng-hóa nòi giống Việt. Cơ quan thống-trị nhà Minh đã dùng vũ lực bắt ép người Việt mặc áo Tàu, nói tiếng Tàu, cắt tóc, để răng trắng, mặc áo khách (áo cộc là di sản đến ngày nay), bắt các nhân tài Việt (như Lê Tắc làm quyền An Nam Chí Lược, Nguyễn văn An xây thành Bắc Kinh) đủ mọi mặt (nho, văn, nghệ-thuật, chính-trị, v.v...), giả vờ dụ các nhân tài ẩn cư ra rồi giết đi, hiếp tróc đàn bà con gái, di dân và tù tội sang tranh cướp, bá chiếm tài sản người Việt, thu sách vở, văn hóa phẩm, nghệ thuật phẩm, quý vật của người Việt về dùng hay hủy đi, tiêu diệt hết thảy dân-tộc ý thức, xử-dụng người Việt vào các công việc nguy hiểm mò trai đáy biển, kéo gỗ trên rừng, săn tê trên núi...hạn-chế kinh-tế năng-lực và văn-hóa của người Việt, giao thông hoàn-toàn kiểm tra và trở cách...

“Thời Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch, năm 1940 đã quy định tám con đường phát triển của nòi Hoa trong bộ “Đông Á Địa Lý”:¹

- 1- Tây Bá Lợi Á,
- 2- Tây Tạng Ba Tư,
- 3- Tân Cương,
- 4- Ấn Độ,
- 5- Việt, Thái, Miến, Tân Gia Ba,
- 6- Nam Dương liệt đảo,

1- Cùng tác giả, “Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc”, xb. năm 2008.

7- Úc châu,

8- Thái Bình Dương đông liệt đảo, Hàn.”

Vụ tàn-sát nhân dân Y Khắc Chiếu năm 1943, cuộc trấn-áp bằng vũ trang ở Tân Cương năm 1944, vụ tàn-sát tập thể trên 5 ngàn người dân Đài Loan đòi độc lập 1947... lấn đất Mông Cổ, ngang-nhiên chiếm Tây Tạng, đoạt Hoàng Sa và Trường Sa, dời ai Nam Quan vào sâu đất Việt,... Tất cả đều là thừa-kế chính-sách đồng-hóa và diệt chủng các tộc khác của nòi Hoa.”

Những năm dài Bắc thuộc, và Pháp đô hộ, tiếp hơn 30 năm chống Pháp và Nam - Bắc chiến tranh nước Việt bị tàn phá, văn hóa Việt bị phủ vùi, che lấp, chế hóa! May thay, nhờ cơ cấu tổ chức làng, xã, với chế độ xã thôn tự trị mà những nếp sinh hoạt có bản sắc riêng còn duy trì.

Nội bộ tổ chức trong cộng đồng thôn ấp lấy gia tộc làm đơn vị. Những lão trưởng hay tộc trưởng trong một họ có trách nhiệm lãnh đạo gia tộc mình. Do đó, mỗi gia tộc thường có một truyền thống thẩm nhuận vào con cháu. Mỗi làng thường có những tế lễ, thờ phụng, tập quán riêng. Tất cả những sắc thái ấy đã khiến làng xã Việt có một sinh mệnh tập thể rất vững-vàng. Chính nhờ đó mà không bị đồng hóa dù trải hơn ngàn năm Bắc thuộc. Cũng nhờ đó mà trong khi tỉnh thành dưới thời Pháp thuộc “**vong thân**” trong lối sống “**lai căng**”, thì dân Việt trong các làng xã vẫn ngang-nhiên sống trong nếp sống “**Lý Toét**”, “**Xã Xệ**” của mình.

Nguyễn Thông không hết lời khen ngợi.

Đến Long phủ, Nguyễn Thông đã thấy đức Long vương đứng chờ sẵn nơi thềm ngọc, áo mão huy-hoàng.

Theo lời giới-thiệu của hoàng-tử tiểu vương, Nguyễn Thông làm lễ triều kiến. Sau đó, đức Long vương ban yến và rất hài lòng về diện-mạo và đức-độ của Nguyễn Thông.

Long vương cho phép chàng tự-do đi du-ngoạn khắp nơi thủy cung và muốn lấy gì cứ việc tự tiện. . . Nhận Nguyễn Thông là con, và đặt tên là **Nguyễn Tuấn**.

Tuy vui, nhưng ở lâu nơi thủy cung Nguyễn Tuấn nhớ mẹ. Nhớ dương gian nên xin phép trở về. Long vương bằng lòng và thấy Nguyễn Tuấn trở về tay không, liền hỏi: “Thủy phủ của ta không có gì đáng cho người vừa ý mà lấy sao? ”

Thấy vẻ mặt Long vương nghiêm-nghị và lời nói có vẻ trách-móc. Nguyễn Tuấn quỳ thưa: Con thấy cái gì nơi thủy phủ cũng rất đẹp, rất quý. Song sức không sao lấy mang đi hết được, nên con chỉ ước sao được quyển sách lụa bạch đặt nơi bàn thờ ở hậu cung, nhưng sợ không dám lấy, mà cũng không dám xin, e làm phật ý vương phụ. Sau một hồi suy nghĩ, Long vương mỉm cười:

“Đó là quyển sách ước vốn không có chữ, song ai có lòng trong dạ sạch, trí sáng mà dốc sức nguyện cầu thì muốn gì được nấy.” Sách không có đầu có đuôi, nhưng gồm 5 (năm) trang (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Con thông-minh đức-độ, đủ sức gìn-giữ và xứng-đáng được dùng sách ấy. Ta bằng lòng cho con, nhưng ta phải giữ lại tờ hành “thủy” cho con út của ta, mà nó cũng là em, là bạn của con. Nguyễn Tuấn! Con khá dùng quyển sách, bày hương án làm lễ, rồi Long vương cầm ban cho

different types.).¹

Như trên đã trình bày, nền văn hóa Việt đã bị ngoại xâm (Trung Hoa) cướp phá, hủy diệt, cố áp đặt các tư tưởng của chúng vào nếp sống Việt, nên khi xét đến văn hóa Việt ta phải xét đến hai dòng văn chương “*Bác học*” và “*Bình dân*”, cũng như triết học có hai ngành, “*triết học thành văn*” và “*triết học ẩn tàng*” qua các ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích hay huyền thoại.

Tỷ dụ huyền thoại về “*Thánh Tản Viên*”:

“Một hôm đi ra rừng, bà Man Thị thấy một trẻ sơ sinh nằm trên lá, được chim tha môi và hồ cho bú. Bà mang về nuôi, đặt tên là **Kỳ Mệnh**. Lớn lên, mẹ nuôi già yếu, Kỳ Mệnh ra rừng hái củi về bán lấy tiền nuôi mẹ cho tròn chữ hiếu. Một hôm ra rừng đốn củi, thấy một cây gỗ to, cành lá rườm-rà, ước được nhiều củi, liền quyết định hạ. Lấy rìu đốn gốc, suốt cả ngày, cây gần đứt thì trời tối. Kỳ Mệnh bỏ về nhà, định hôm sau ra chặt nốt. Hôm sau ra thấy cây liền gốc như cũ, Kỳ Mệnh lại chặt lần nữa; ngày tàn mà cây chưa đứt hẳn. Lại bỏ về như hôm trước. Song ngày hôm sau ra vẫn thấy cây liền gốc như cũ. Rất lấy làm lạ mà trời lại tối quá, bèn tìm đến hốc đá gần cây nằm nghỉ đợi sáng ra tiếp-tục công việc dở-dang. Nửa đêm thấy một bà già, tóc bạc phơ, y phục như sương tuyết, cầm một cây gậy chỉ vào chỗ cây đã chặt. Bà đi quanh gốc cây, chỉ đến đâu cây lành đến đó, Kỳ Mệnh bèn chạy ra, níu lấy

1- Wolfram Eberhard, “*A History of China*”, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

vật áo bắt đền.: “Tôi nhà nghèo phải đốn củi bán nuôi mẹ, đã mấy ngày chặt cây không xong, vì Bà đã ngăn-trở tôi, mẹ con tôi sẽ đói, xin đền trả công.”

– “Cây này là nơi ta trú ngụ. Ban ngày ta đi chơi tối về thấy bị phá. Ta biết đâu là con muốn chặt. Con là người hiếu nghĩa lại kiên tâm trì chí, và thông minh. Ta cho con cây gậy này, con có thể dùng vào nhiều việc để cứu đời, vừa nuôi mẹ, nuôi thân được.”

“Gậy có đầu đen là đầu tử, điểm tới có thể làm cho kẻ ác đau khổ hay tiêu tán. Gậy có đầu đỏ là đầu sinh; chỉ đầu sinh vào vật nào mới chết, hay bệnh tật, có thể làm vật đó sống lại hay khỏi - Ta tên cho con là **Nguyễn Thông**, con khá dùng cây gậy này cho có ích.

“Khẩu đầu làm lễ tạ ơn. Nhận gậy rồi, Nguyễn Thông về. Giữa đường thấy một con rắn nước trắng, mà kẻ chần trâu mới đánh chết. Nguyễn Thông bèn lấy gậy ra dùng để thử-nghiệm. Dem đầu gậy đỏ đặt lên đầu rắn, rồi rà đến tận đuôi, con rắn lành vết thương ngay, thở được mà sống lại. Góc đầu nhìn người cứu nạn, rồi vợ trườn mình xuống suốt, luôn đi mất dạng. Nguyễn Thông mừng thấy gậy có linh nghiệm. Ra về, và từ ngày đó dùng gậy để chữa bệnh cho dân làng, đi săn thú rừng, phá ruộng, nhờ đó mà mẹ con sống ung-dung đầy-đủ.

“Rồi một sớm kia, có đoàn người rất đông đi vào phía lều mẹ con Nguyễn Thông đang ở. Người đi đầu là một chàng trai quần áo trắng lóa như bạc dát. Mũ cần ngọc, da ngăm-ngăm màu nước, môi thắm sắc san hô và mắt long- lanh tia sáng nhanh như lửa chớp. Chàng ta bảo tùy tùng đứng xếp một hàng ngoài ngõ, tiến vào trước mặt Nguyễn Thông tự giới-thiệu: “Tôi là con trai út Long vương, đi chơi quá bước lên trên cạn, chẳng

may gặp nạn đến chết, may nhờ anh ra tay cứu mạng. Trình với vua cha, người cho tôi mang chút ít lễ vật tới tạ ơn anh, cùng kính biểu mẹ già. Người lại có ý mời anh xuống thăm thủy phủ để người được gặp mặt, và để biết bậc anh tài.”

Nói rồi hoàng tử Long phủ ra lệnh cho bọn người dẫn lễ vật vào, mở nắp quả ra bày lên chõng tre. Từ những quả đó, thoảng bay mùi long duyên hương với các vị thuốc quý, trân châu, san hô, sáng lóa cả nhà. Vị hoàng-tử giới-thiệu từng món . Với các công-dụng và giá-trị diệu kỳ. Nguyễn Thông từ-chối cho rằng công không xứng với của. Song hoàng-tử ngắt lời: “Không phải thế! Đây mới chỉ là một phần nhỏ để đền ơn trong muôn một, vì anh đã cứu nhiều người trần thế mà không bao-giờ nghĩ đến công lao. Những vật này có thể trước là giúp mẹ già có được đủ thứ cần-thiết khi anh đi thăm thủy phủ mà vắng nhà. Sau là giúp anh có đủ phương tiện cứu đời. Đức Long vương còn muốn tặng anh nhiều thứ quý nữa. Nhưng anh nên nhớ trước mặt người, anh chỉ nên xin quyển sách không có chữ nào. Anh mới là người xứng-đáng dùng quyển sách đó. Nay anh xin phép mẹ già và gấp thu xếp việc nhà, ta vội-vã đi kẻo muộn.” Nguyễn Thông đành cúi nhận cả phẩm vật lẫn lời mời. Xếp vợ việc nhà, xin phép mẹ và xách gậy ra đi theo hoàng-tử Long cung. Gió cuốn mây bay đưa đoàn người đi nhanh. Tới biển Đông, hoàng-tử dang tay rạch nước ra làm đôi. Tạo nên một con đường đi xuống phủ Long vương. Được một quãng đã thấy cá voi, cá mập chờ sẵn, mỗi người ngồi trên lưng cá mà đi sau những loại cá màu sắc lộng-lẫy ánh sáng ngời, mỗi bước đi gặp một điều mới-mẻ lạ-lùng thích-thú đến say mê,

* Nhất là trong ca dao, có nhiều câu tuy ngắn gọn, nhưng chứa đựng nhiều ý tưởng sâu sắc. Tỷ dụ qua hai câu:

*“Trúc xinh trúc mọc quanh đình,
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.”*

đã nói lên “Quân Tử Tàu” khác với “Quân tử Việt”:

“Bàn đến vai-trò người “Quân Tử”, bên Trung Hoa chọn “trúc” làm biểu-tượng, Việt Nam chọn “tre”.

“Theo cổ sử, thời của chế-độ “Phong kiến truyền hiền”, chức-vụ “thiên tử” vốn phát-sinh từ một đại-hội chư hầu. Sau đó, hai sử kiện: diệt vua Kiệt (nhà Hạ), dứt vua Trụ (nhà Thương) gây nên mầm-mống sụp-đổ và tan-rã chế-độ.

“Người đầu tiên là Chu Đản (Chu Công, em Chu Võ Vương) kết-lập cho chế-độ một lý-thuyết. Ông này đặt rõ quyền hạn và trách-nhiệm của mỗi vai trong “Tam đầu chế” (Thiên tử, tướng quốc, và sử gia) của chế-độ “phong kiến”:

“- Thiên-tử tiêu-biểu cho quyền lực tối thượng, cho nên gọi là “thụ thiên mệnh”, hiệu danh là “thiên tử”, là tấm gương sáng truyền cái đức hiếu sinh của Trời, làm trọng-tài, nhận-xét những điều hay, dở.

*“- Tướng quốc là người được “thiên tử” chỉ định (chịu mệnh của thiên tử, cho nên gọi là “**quân tử**”, nghĩa gốc là người chịu mệnh vua để cầm quyền), lo quản-lý những việc thiên hạ để duy-trì trật-tự, hòa-bình. Tướng quốc có toàn quyền dùng sáng kiến trong việc làm của mình, nhưng dưới quyền trọng-tài của “thiên tử”.*

“ Nguyễn Tuấn. Tay cầm gậy, tay cầm sách, Nguyễn Tuấn cảm tạ Long vương, theo chân hoàng tử Long hầu đưa tiễn. Cả hai leo lên lưng cá voi ngồi mà trở về trần thế. Một hôm để thử xem quyền sách linh ứng ra sao, Nguyễn Tuấn tắm gội, trai giới rồi để sách trước mặt, đặt tay lên mà dốc lòng khấn cầu : - Ước gì có một cánh rừng ngay gần nhà. Vừa ước nguyện, vừa lần trang sách và đến một trang thì không đỡ thêm nữa, tiếp theo đó đất rung, núi chuyển và một cánh rừng rậm-rạp phủ quanh nhà. – Vừa sợ-hãi vừa mừng vui, Nguyễn Tuấn định đi xem xét thì thấy khu rừng bít cả lối đi, bèn trở vào ngồi tĩnh trí đặt tay lên sách mà ước: - Ước gì có lửa đốt hết cây trên đường đi ra sông để lấy nước, tay gỡ sách đến một trang ắt là trang thuộc hỏa, tức thì lại không đỡ được nữa, mà lửa bùng-bùng nổi lên, đốt cháy cây cỏ để lộ đường đi rộng lớn đến bờ sông. – Từ đó biết dùng sách ước, gây thần, Nguyễn Tuấn ngày-ngày đi hành đạo, cứu dân độ thế.”

Qua huyền-thoại này, ta thấy rằng:

* Nhân vật chính thay đổi tên theo thể sống: Lúc đầu không biết từ đâu đến, vô danh, sống giữa thiên nhiên, hòa với thiên-nhiên đến nỗi chim vui, cây che chở, thú rừng nuôi-nấng. Khi vào xã hội người mới định phận và hữu danh, mà danh lại thay đổi mấy lần theo thể sống. Song danh đã biểu-tượng rõ bản-chất NGƯỜI khác người thường: Một đời sống lạ: **Kỳ Mệnh**, một người trí hiểu biết đến thông được với thần; **Nguyễn Thông**, một người tài xuất chúng, ngang thần thánh; **Nguyễn Tuấn** dù với danh nào, Nguyễn Tuấn vẫn đứng trên căn-bản NGƯỜI mà hành-sử, (nhân bản, nhân chủ)

gặp tiên với bao vật lạ, vẫn giữ thể NGƯỜI mà bất đền công không sợ. Gặp thánh (Long vương) với bao nhiêu giàu sang, vẫn giữ thể sống của con NGƯỜI, không quá mê tham mà vong bản thể trần. Gậy thần, sách ước trong tay sử-dụng mà không lạm-dụng, làm chủ nơi mình mà nên *vô kỷ*. Giúp đỡ mà không kể ơn ấy là *vô công*, đi hay về nhẹ-nhàng không lưu-luyến, không gấp vội như một bóng *vô danh*.

Tiên tự hiện-hữu ở lẫn thiên-nhiên. Tiên vốn có phép mẫu-nhiệm, cây đã dẫn mà còn làm cho lành, lấy trí mà thử-thách, lấy tình mà điều-khiển. Biết rõ người tài đức thì trao cho gậy thần, chỉ bảo cách dùng êm-đềm mà người gan-dạ cũng tuân theo. Phép mẫu của Tiên đã cho cả Rồng sống lại. Thế ra Rồng tùy thuộc vào Tiên.

Long vương vốn tự hiện hữu, vốn “hữu vi” mà vô vi, mỗi việc mỗi suy-xét đắn-đo. Song suy-xét đắn-đo và làm tự-nhiên như nhiên, của cải giàu có là do thu vén xếp-đặt mà có cung điện, có kẻ phục-tùng, tuy thế chính bản thân còn phải quý trọng. Sách ước mà chỉ trao cho NGƯỜI có đủ bản-lĩnh sử-dụng. Người đã biến chết ra sống được. . .

* Về Tư Tưởng: Cả câu chuyện xây-dựng trên tư tưởng âm dương học, căn-bản của Kinh Dịch. Âm dương là bản-thể của vũ-trụ. Thời vị là điều-kiện thiết-yếu cho âm dương vận-động; luật tương sinh, tương khắc với ngũ hành, tương quan, tương đối là điều-kiện đầy đủ để âm dương sinh thành vạn vật. Âm dương vốn là hai khí, là hai nguyên-động-lực tương-quan, tương-đối, tương thôi, tương phản, tương sinh, tương khắc mà cũng

bị tương hòa, tương hợp. Khi nào âm dương tương đối, cân bằng thì hòa-hợp mà yên bình. Khi nói âm dương tương thôi, tương khắc mà chênh-lệch thì ly loạn.

Chi Tiết: Câu chuyện tỏ rõ những điều vươn lên cao, bày tỏ rõ ra, thuộc tượng dương là nơi bà Tiên thuộc tượng âm trú ngụ. Ấy là dương hàm âm. Bà Tiên ngày đi xa vắng, đêm mới hiển-hiện. Đêm thuộc thái âm, hàm tráng âm, lực âm đang thời hoạt-động mạnh. Bà Tiên thuộc âm có gậy thần thuộc thiếu dương, cái mầm của hoạt-động tương-lai. Gậy thần theo truyện có hai đầu, đầu sinh thuộc dương và đầu tử thuộc âm. Cũng theo truyền-thuyết, gậy thần gồm chín đốt. Người điều-khiển gậy thần nắm đốt giữa, để có sự cân bằng tương-đối. Như thế mới làm chủ được luật tương sinh, tương khắc, tức là sự hiệu-nghiệm, của sức mạnh, của hành sự ngụ trong gậy đó. Như thế gậy thần khi ở thể tĩnh là một thể nhất quán thuộc thiếu dương. Khi ở thể động thì gồm hai phần: tráng âm tráng dương, tương đối cân bằng sẵn sàng đi vào hành-động. Khi tác-động thì sức lực của cả chín đốt dồn vào có một đốt để hoặc tương thôi, tương hợp hay tương phản mà chế hóa lẫn nhau theo như ý của người cầm gậy.”¹



1- Trích theo lời chú thích thơ “Đạo Trường Ngâm” của Mãn Cầu trong tập viết tay ở quốc nội của Mãn Cầu, 1998.

Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên...

(Nguyễn Công Trứ)

“Bên Tây phương thì quá rõ 2 thành phần: giàu có (tư bản) chủ-nhân-ông và nô-lệ.

“Trong thời “phong kiến”, xã hội Việt bị chìm sâu trong thống-trị của đế chế cực quyền, Hán tộc (du mục), bị học-thuật đế-chế uốn nắn đến nỗi quên hẳn căn cước vốn có của mình! Xã-hội cũng vì vậy bị phân-hóa thành bốn giai-cấp: sĩ, nông, công, thương. Sự phân-hóa này đã đóng cứng lại thành một khuôn-nếp, ngay cả những cuộc cách-mạng đã từng xảy ra tại Hoa Trung, như cách-mạng nông dân Chu Nguyên Chương, cách-mạng nông dân Hồng Tú Toàn, cách mạng trí-thức tư-sản Tôn Dật Tiên, và cách-mạng bản cố nông Mao Trạch Đông: nhân-sự đã đổi, danh-hiệu cũng khác, tác-phong đã thay, cả đến ngôn ngữ cũng mới, nhưng ngăn nắp xã-hội vẫn vậy, vẫn thiếu số lạm quyền và bóc-lột nông dân, lớp tư-sản doanh thương vẫn cứ luân-lot và a-tòng.

Tuy nhiên, dân ở miền Nam Hoa Trung sự nhiệm độc không đến nỗi nặng-nề, bằng-cớ trong tâm khảm vẫn ẩn-tàng một hào-hãnh “Nam quốc sơn hà Nam đế cư...”. Đặc-biệt nông thôn, trong sinh-hoạt làng mạc, tinh-thần tập-thể tự-do. gìn-giữ tinh-hoa sắc-thái địa phương vẫn được duy-trì. Tinh-thần này họ rất hào-hãnh và bảo-thủ trên chiều hướng thượng. Đây là những tiềm-lực vững mạnh, sẵn-sàng bùng lên làm hậu-thuần cho lớp quyền quý, khi lớp này có hành động chống chọi sự tràn ngập của đế quyền đến từ Hoa lục. Chính sức bảo toàn căn-cước này đã làm thất bại những thủ-đoạn đồng-hóa của đế quyền Hoa

“- Sử gia là người đứng ngoài hệ-thống quyền lực, ghi chép mọi điều đã xảy ra trong thiên-hạ, cả ở đương thời và quá khứ, giúp thiên tử có dữ-kiện để hiểu biết và phán xét.

“Như vậy, trong thời đại “Phong Kiến” chữ “quân tử” chỉ có nghĩa là người chịu mệnh vua, người cầm quyền, người trên, như “không có quân tử thì lấy ai trị dân”, và chữ “tiểu nhân” chỉ người dân thường. Do đó có câu: “Đức của người quân tử như gió, đức của kẻ tiểu nhân như cỏ, gió thổi thì cỏ phải lướt”.

“Sau này, nghĩa của chữ “quân tử” và “tiểu nhân” đã bị thay đổi thành người tài đức và kẻ hèn hạ.

“Theo chí-sĩ Phan Bội Châu, trong tập 9 “Phan Bội Châu Toàn Tập”, nhà xuất bản Thuận Hóa, năm 1990, trang 170, ghi chép những ý nghĩa về quân tử với tiểu nhân:

“- Tử viết: “Quân tử chu nhi bất tỷ, tiểu nhân tỷ nhi bất chu”, có nghĩa là “Quân tử ở đời chỉ dựa theo đạo lý công-bằng mà đối-đãi với người một cách rộng lớn. Tiểu nhân thời trái lại.”

“- Quân tử hoài đức, tiểu nhân hoài thổ; quân tử hoài hình, tiểu nhân hoài huệ. = Quân tử với tiểu nhân khác nhau ở nơi tinh-thần. Người quân tử thường hướng lòng mình về đạo đức, còn tiểu nhân chỉ nghĩ về địa-vị ngôi thứ mà thôi.

“- Tử viết: “Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi” = Trí-thức nơi bậc quân-tử chỉ thông-thạo ở phần “nghĩa”, hiểu-biết của tiểu nhân chỉ vụ ở phần lợi.

“- Tử viết: “Quân tử thẳng đặng-đặng, tiểu nhân

trường thích-thích.” = Trong lòng người quân tử thường thư-thái, thuận lẽ trời, thuận chân lý, trái lại kẻ tiểu nhân trong lòng luôn lo sợ, vì chỉ lo vòng tục-lụy nên bứt-rứt lo hồng đường đi nước bước.

- “ Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái.” = Người quân tử chỉ quý trọng về đạo đức nên mọi cảnh-ngộ đều phó mặc tự-nhiên, trái lại kẻ tiểu nhân thì chỉ lo về lợi danh, nên khi được phú quý thì kiêu-ngạo, trong lòng chẳng bao giờ thư-thái...

“* Xét về hình-thức của trúc và tre, ruột trúc tre đều rỗng, đốt trúc và tre đều thẳng, và lá đều xanh bốn mùa (không biến-đổi vì hoàn-cảnh) nên người xưa lấy trúc và tre làm biểu-tượng cho người quân tử (thẳng thắn, vô tư và kiên-định lập-trường).

“Tuy nhiên, khi người Việt nói: “quân tử Tà”, là ngụ-ý chê-bai kém thực-dụng (kiểu-cách). Tre và trúc tuy cùng họ, tre cũng có những đặc-tính như trúc, nhưng tre hữu-dụng hơn trúc. Người Việt lấy tre làm biểu-tượng cho người quân-tử Việt.

“Trong ca-dao (văn-chương bình-dân) Việt, đã có nhận-xét về giá trị của trúc:

Trúc xinh trúc mọc quanh đình,
Em xinh, em đứng một mình cũng xinh.

Hay:

Trúc xinh, trúc mọc bờ ao
Em xinh, em đứng chỗ nào cũng xinh.
(Ca Dao)

và - Xưa kia, khi Hán Nho chiếm địa-vị thượng-lưu trong xã-hội, tức thuộc hàng-ngũ cai-trị. Một kẻ sĩ,

ngay khi chỉ mới là anh khóa, được liệt vào hàng-ngũ nho sinh, khiến anh khóa lúc nào cũng “nho-nhã”, thông-dong, mặc-dầu nhiều khi thiếu khả-năng ứng-phó với hoàn-cảnh khó-khăn.

“Ngay trong Luân Ngữ, cũng có đoạn: “Khi Tử Lộ đi theo Khổng Tử từ nước Sở sang nước Thái, lạc lại phía sau. Tử Lộ gặp một lão trượng, quảy giỏ trên vai nơi đầu gậy. Tử Lộ hỏi: Cụ có thấy thầy tôi không? Lão trượng đáp: “Đời này, người ta phải làm ruộng mà ăn, còn người thì tay chân chẳng siêng cần, người lại chẳng biết phân-biệt năm giống lúa. Vậy ta biết ai là thầy của người ? (Tử Lộ từng nhi hậu, ngộ trượng nhân, dĩ trượng hà diếu. Tử Lộ vấn viết: Tử kiến Phu tử hồ?” Trượng nhân viết: “ tử thể bất cần, ngũ cốc bất phân, thực vi phu tử ? ”)

“Như vậy, lão trượng đã chê cái học của thầy trò họ Khổng chỉ là lý-thuyết suông, không thực-tế. Đúng như câu ca-dao Việt :

Ra đường võng lọng nghênh-ngang,
Về nhà hỏi vợ cáng rang đâu mà ?

“Nói đến giai-cấp là nói đến sự sắp-đặt thành-phần trong xã-hội, và cũng do nhu-cầu từng thời-đại, mà nặng, nhẹ khác nhau cũng tùy thời.

“Ở Ấn Độ, vào thế kỷ thứ V trc. C.N. , xã-hội Ấn chia làm 5 giai-cấp: 1- Tu-sĩ Bà La Môn, 2- Vương tướng 3- Thực-nghiệp 4- Lao-động 5- Thành phần dân bản-xứ cùng khổ bị truất khỏi mọi đẳng-cấp trong xã hội.

“Ở Á Đông thì
Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt.

V-2/ Những lớp sơn ngoại hóa đã phủ vùi nền văn hóa Việt:

A/ Lớp sơn Bắc thuộc:

* Yếu tố chính-trị và thời đại:

Tiếp truyền chính sách di dân, chiếm đất, cướp đoạt văn hóa và chủ trương Hán hóa dân bản xứ khi nhóm du mục Bắc phương tiến vào lưu vực sông Hoàng Hà mà Hoa sử gọi là “*Hoàng đế chiến Suy Vưu...*” đã bức hại bộ tộc Bách Việt phải linh lạc! Gốc tích và văn hóa Bách Việt cũng vì vậy mà nay bị lu mờ. Hai chi Lạc Việt và Âu Việt định cư tại địa bàn miền Nam Hải, sau tuy bị Triệu Đà sáp nhập vào Nam Việt và trải hơn ngàn năm Bắc thuộc (Tây Hán, Đông Hán, Tần, Tùy, Đường, Tống, Minh, Thanh...) nhưng đã không bị Hán hóa và vẫn giữ được chủ quyền. “Việt vẫn là Việt - Hoa vẫn là Hoa”, điều mà nhà bình bút Joseph Buttinger đã viết trong cuốn *The Small Dragon*: “*Sự trường tồn của Việt Nam là một phép lạ khó mà giải thích nổi.*” (*The very existence of Vietnam as a separate country, and the survival of the Vietnamese as a distinct people, must be regarded as a miracle for which scores of historians have so far tried vainly to find a satisfactory explanation.*)

Với Thiên Triều chủ nghĩa (Đế chế cực quyền), mối tham vọng và truyền kiếp thống trị Á Châu, và tự cho mình là cái rốn văn minh của nhân loại, vốn tự coi các dân tộc láng giềng là man rợ (*Nam Man, Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch*) đã thể hiện một cách tàn bạo, vô nhân đạo dưới các thời kỳ đô-hộ. Chỉ cần nhắc lại giai đoạn nhà Minh đo hộ nước Việt đủ chứng

Lục suốt hơn ngàn năm chiếm lĩnh đất Lạc Việt.

“*Muốn hiểu rõ nếp sống xã-hội của Việt khác với nếp sống du-mục Hán, ta chỉ cần tham-dự vào các trò vui xuân ở nông thôn Việt, như đánh đu, bắt trạch trong chum, hát đố vui xuân, v.v...*”

“*Đối với Việt phong, nam nữ luyện ái là một sinh-hoạt tâm-lý tự-nhiên và cần thiết khi họ đã đến tuổi trưởng-thành, không hẳn đặt trên căn-bản danh lợi, địa-vị, quyền-thế.*”

*Trai khôn tìm vợ chợ đông,
Gái khôn tìm chồng ở chốn ba quân.*

(*Ca Dao*)

“*Khi chưa có tập quán “hủ nho” do bọn quan lại Tàu như Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp du-nhập, áp-đặt, chèn-ép Việt phong thì trên dưới xã hội Việt đều trọng tự do luyện ái (truyện Tiên Dung với Chủ Đồng Tử đã quá rõ ràng).*”

“*Ngoài ra, Xét về giá-trị tinh-thần “tốt” hay “xấu” cũng chỉ là điều tương-đối. Cách-ngôn Tây phương có câu: Cùng một điều mà bên này dãy Pyrénées là chân-lý, nhưng bên kia thì khác!*”

“*Cho mình duy nhất là đúng, đẹp hơn hết, hay quyền uy tốt đỉnh, thì thật là chủ-quan, phi-lý trong thái-độ cư-xử giữa người với người!*”

“*Ngay đến tôn giáo, không một tôn giáo nào có thể tự cho mình là tuyệt đối chân lý. Ngoài ra, thực tại luôn-luôn diễn tiến, vô thủy vô chung. Chúng ta chưa kịp mệnh-danh hay định hình cho một trạng-thái thì nó đã biến sang trạng-thái khác, không khác gì một dòng nước chảy mãi không ngừng (thệ giả*

như tư phù, bất xả trú dạ).

“Chân lý cũng phụ thuộc vào không gian, thời gian, và phạm-vi.

“Cũng một hành-động mà có thể nơi này cho là đúng mà nơi khác cho là sai, hay thời cũ là phải, nhưng thời nay lại lạc-hậu.

“Trong tự-nhiên, chân-lý mang tính-cách khách quan, vô-tình diễn. Tự-nhiên hay thiên-nhiên không có tư-tưởng nên không có ý-thức về “nguyên”. Trong tự-nhiên là “vô nguyên”, không có mục-đích gì cả, tự nó tự khởi (vô hạn duyên khởi), tự nó diễn-biến (vô hạn cứu cánh) và đưa đến kết-quả khác nhau (vô hạn lượng tính, vô hạn phương trình). Do đó, chân-lý trong vũ-trụ tự-nhiên là chân-lý tương-đối, khách-quan (vô-tình diễn).

Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý,
Bạch vân xuất tự bản vô tâm.
(Nước chảy vốn vô ý
Mây bay vốn vô tình).

“Sang đến con người, người khai-thác các quy luật khách-quan trong thiên-nhiên để phục-vụ con người, nói cách khác nhân tìm cách làm chủ vũ-trụ vật chất khách-quan, chân-lý không còn tính-cách đương nhiên mà đã sang tuyệt-đối chủ-quan. Loài người trong toàn thể nhân-loại là nhất tính, nhất nguyên, nghĩa là cùng một giống, bản thể như nhau, dù khác màu da, nhưng đều là “nhân”. Do đó, chân lý trong nhân là “nhất nguyên và tuyệt-đối”.”

“Tuy loài người là một, nhưng dân-tộc thì nhiều. Xã-hội người khi tiến-hóa, bị hạn-định bởi nhiều yếu

tố: khí-hậu, phân-bố, văn-hóa ngôn-ngữ, phong-tục, tập quán, kinh-nghiệm lịch-sử tích-lũy, v.v... con người đã chuyển từ “nhân” sang “dân” (dân tộc) nên chân-lý trong “dân” có tính đa nguyên và tính tương-đối.

“Từ ngàn xưa, tổ tiên Việt đã nhận-định rõ tính chất tương-đối và đa dạng của chân-lý để con cháu không mắc vào vòng “cận thị”, khuynh-loát nhau, chém giết nhau, quả là điều làm chúng ta hãnh-diện và trân quý.

“Giàu dâu ba họ, khó dâu ba đời”, đó là lẽ thường vậy.¹



1- Cùng tác giả, “Bản Sắc Việt Nam”, trang 273, xuất bản tại Hoa Kỳ 2010.

thành tín. Từ thời Tần về sau, “trung tín” trở thành “*Tuyệt đối thờ vua*” (*Trung thần bất sự nhị quân*) hay “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”).

Sang thời “*Đế chế cực quyền*”, cả một nền văn học Hán và Tống Nho đã đúc nặn ra một bọn bày tôi nô lệ, tranh nhau xu phụ cường quyền, ngược lại với tinh thần nho sỹ thời “*Phong kiến truyền hiền*” chỉ nhắm vào cái lý đương nhiên, hay thiên lý bằng-bạc trong trời đất.

Tinh thần xu-phụ cường quyền này ảnh hưởng sang Việt Nam, mà nhà Nho Cao Bá Quát đã diễn tả:

“*Ngán nhẽ kẻ tham bề khoa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn.*”

Quần bao kẻ mang cái dầm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ...”

hay “*Cánh buồm bể hoạn mệnh mang*

Cái phong ba khéo cợt phùng lợi danh...”

Chính thái-độ xu-phụ này đã sản sinh ra các từ ngữ Hán dân, Hán tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn,...không có trong thời phong kiến!

Như chúng ta đã biết thời nhà Tần, Nho học và Nho sỹ bị diệt. Nho sỹ trải một thời thật khốn khổ, không có chỗ dung thân. Thế rồi, Hạng Võ và Lưu Bang tranh thiên hạ của nhà Tần. Lưu Bang trọng dụng nho sỹ, Lưu Bang làm vua đất Hán Trung, nên gọi là Hán vương. Nho sỹ phò Hán vương, bày mưu thiết kế, phô trương ân đức của Hán vương. Sau khi thắng được Hạng Vũ, muốn trấn áp lòng người, và hướng tất cả vào quyền lực nhất thống của Hán triều,

tổ mối đã tâm chưa từng có trong lịch sử loài người. (xin đọc ở trang 145 ở trên).

- Trong khi tư-tưởng “*du-mục*” là “*xâm-lăng*”, lấy “*mạnh hiếp yếu*” (“*thiên triều chủ nghĩa*”, “*Hưng Hoa diệt Di*” = *Hưng nòi Hoa, diệt các dân khác chung quanh*), thì nông-nghiệp chủ “*thái-hòa*”, “*đại-đồng*”.

Chúng ta thường nghe nói đến nào là “*Hiếu hòa*”, “*Thế-giới đại-đồng*”, hay các khẩu-hiệu “*tứ hải giai huynh đệ*” (*Bốn bể một nhà*), ... của Trung Hoa, nhưng thực-chất thì trái ngược trong lịch-sử Trung Hoa.

- Tự ngày xưa, “*Đại-đồng*” trong Lễ Ký, chữ “*Đại đồng*” ở đây nên hiểu là “*đại đồng trong sự coi sóc của nòi Hoa.*”

Mối truyền-thống “*Thiên triều chủ nghĩa*” của nòi Hoa từ thủy-tổ Hoàng Đế đến nay vẫn còn truyền tiếp.

- Đời nhà Chu (1122-225 tr. C.N.) đem hòa-bình đến cho các chư-hầu là chiếm-đoạt đất đai của các bộ-lạc ở lưu-vực sông Hoàng Hà, là thống-trị, là củng-cố và phát-triển chế-độ nô-lệ.

- Thời Đông Hán (23 - 220 T.L.), Mã Viện phá hủy trống đồng của dân Lạc Việt, và xóa-bỏ luật lệ Việt.

- Đời Minh Thánh tổ đã chỉ-thị cho Chu Năng, tướng chỉ-huy đoàn quân xâm-lăng, khi binh lính Tàu vào đất Việt sẽ đốt mọi sách-vở, văn-tự do người Việt Nam viết, một mảnh chữ cũng không còn để lại!...

B/ Lớp sơn của Hán Nho (Đường, Tống, Minh Thanh):

*** Xuyên tạc “Trời”:**

Ý “Trời” trong Nho giáo luôn-luôn tác động theo hướng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (Đức hiếu sinh của Trời Đất) giúp cho sự sống của muôn vật. Trời trong Nho học là thiên lý, không phải là một người dù là vô hình.

“Chính Nho khác hẳn với các tông giáo khác. Chính Nho không chối bỏ cuộc sống đang có, không mơ tưởng một cuộc sống Tiên Phật, hay đời đời bên cạnh Chúa,... Không nói chuyện thiên đường, địa ngục. Với Chính Nho, cuộc sống đang có là rất quý, xâm phạm nó, đốn tảo nó là phạm tội ác.

“Cũng trong cái nhìn đặt hẳn vào cuộc sống đang có. Chính Nho mong cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn (Nhật nhật tân, hựu nhật tân.). Sự đau khổ nhất của một dòng sống là bị chấm dứt, không có nối tiếp (Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại...)” Hậu đây không phải chỉ ở dòng sinh lý, mà những nối tiếp về tư tưởng, về nền nếp, về sự nghiệp và dân sinh.

“Người nho sĩ chân chính rất bình tĩnh trước cái chết của một cơ thể cá nhân, nhưng luôn-luôn lo đến dòng sống ở những thế hệ sau. Khi hỏi Khổng Tử về sự chết, Khổng Tử đã trả lời: “Chuyện sống còn chưa biết, hỏi chi đến chuyện chết?”

“Sống người cùng với trời đất là ba trụ điểm trong cuộc sống (Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả). Vị thế tuy khác nhau, nhưng trọng yếu như nhau. Con người kính trời, hành sự theo ý trời (thiên lý) tức theo cái lý đương nhiên bàng-bạc trong Trời Đất. Ở sống người, nó là bản tính hướng thiện. Chính trong nhận

*thức này mà Nho học nhìn Ý Dân là ý Trời. Vì sống người cùng với Trời, Đất là 3 ngôi chính trong cuộc sống. Cho nên tuy thờ Trời, kính trời nhưng con người không tự hèn, tự hạ, xưng tụng, cầu van gì ở trời. Tư tưởng này có hệ-luận là tinh thần **tự trọng, hiền ngang, bất khuất của kẻ sỹ.***

*** Mượn danh “Phong Kiến Truyền Hiền” che đậy “Đế Chế Cực Quyền.”**

Nho học là một công trình xây dựng trong thực hành, song song với văn minh nông nghiệp. Chính Nho là một chế độ và học thuyết lấy trật tự xã hội trong an hòa làm chủ đích như xã hội Nghiêu, Thuấn, sinh hoạt chính trị thời phong kiến truyền hiền đã làm một cuộc cách mạng hiền lành, ảnh hưởng sâu rộng, nên mới có sử kiện, xứ Việt Thường cống Bạch Trĩ và Rùa thần, sau chế làm quy lịch.

Giữa chính trị “phong kiến truyền hiền” và Nho học có liên hệ hỗ-tương, qua qua lại-lại khác nào như xe chạy cung-cấp cho đèn pha, và đèn pha soi đường cho xe chạy.

Nhưng chua-chát đã diễn ra, khi Khổng Tử “tổ thuật” xong Nho học thì cũng là lúc chế-độ “phong kiến truyền hiền” cáo chung! Sau đó Nho học bị chuyển hóa để biện-minh cho một chế-độ mao hóa, trên danh hiệu thì giống nhau, nhưng thực chất khác hẳn! Đó là chế-độ “Phong kiến truyền hiền” với “đế chế tập quyền và chuyên chế”.

*** Mạo hóa “Trung Tín”:**

Trung Tín trong chính Nho là trung nghĩa và

- Các ngôi chùa lớn tiếm xưng là “quốc tự”, “Tổ Đình”, v.v...

* Thiên Chúa giáo:

Nhìn hình ảnh Chúa bị đóng đinh trên cây “*thập tự*”, hình ảnh này nói lên một tinh-thần “*bình dị, khiêm cung*” (*không quyền quý, xa hoa*), “*thương khó*”, “*hy sinh và cứu chuộc*” của Chúa,

Tiểu thay, trên thực-tế, tông-giáo này đã tạo dựng nên một *hội thánh nguy-nga tráng lệ, một giáo hội với quyền uy tột bậc!* Có lịch sử đã gây ra nhiều cuộc chiến!¹

Trải gần 2000 năm lịch sử của đạo Kitô, biết bao triệu người Do Thái đã chết thảm chỉ vì cái tội chối bỏ Jésus là Thiên Chúa Kitô.

“*Đối với Tin Lành thì đã có chiến tranh thực sự giữa hai phe. Chiến tranh bùng nổ tại Pháp vào năm 1562 và kéo dài đến 1594; 30 năm tại Đức (Saxony, Moravia).*”

- *Đối với Hồi giáo (Islamism) thì có 6 “đại thánh chiến”:*

* *Đệ nhất thánh chiến (1096-1143).*

* *Đệ nhị thánh chiến (1147-1149).*

* *Đệ tam thánh chiến (1189-1192).*

* *Đệ tứ thánh chiến (1202-1204).*

* *Đệ ngũ thánh chiến (1216-1217).*

* *Frederic II thánh chiến (1228-1229);*

* *Đệ lục thánh chiến (1248-1254).*

1- John B. Nooss, “*Man's Religious*”, p-457.

người ta tuyên truyền dựng lên những ý niệm mới bằng những từ ngữ: *Hán văn, Hán tộc, Thiên tử thụ mệnh ư thiên*,...Tối hiện đại, trong các cuộc vận động cách mạng khôi phục danh phẩm của tập thể nhân văn Hoa Lục, ý niệm Hán tộc lại càng được khôi phục một cách hồ-hởi!

Khi tư-tưởng đã bị ngưng đọng ở mặt cụ thể của sự vật, thấy lãnh thổ dưới quyền có giới hạn, lại thấy cái thế có thể dùng võ lực để mở rộng lãnh thổ thì tham vọng hoang tính, muốn trùm bá khắp nơi là điều không tránh được, nên đã *trở thành truyền thống xâm lăng của Trung Quốc*.

Vai trò “*thiên tử*” trong Nho học và trong thời “*Phong Kiến truyền Hiền*” chỉ là một người, trước đại hội chư hầu, tuyên thệ lãnh nhiệm vụ chấp hành “*thiên lý*”, lấy đức hiếu sinh của Trời Đất, cho nên gọi là “*thiên tử*”. “*Thiên đạo mẫn thụ*”, ở người, đức này gọi là “*lòng nhân*”. Chấp hành lòng nhân vào việc quản lý xã hội là làm chính trị, cho nên nói “*Nhân đạo mẫn chính*”. Cũng trong các đại hội, các thủ-lãnh chư-hầu phải tuyên thệ vâng theo thiên tử và giúp thiên tử thực hiện sứ mệnh ấy. Như vậy gọi là “*trung thành*” (*trung nghĩa và thành tín*). Họ trung thành với thiên tử cũng là trung thành với thiên mệnh mà thiên tử đã nhận lãnh.

Thiên tử với mệnh Trời sang thời Đế chế cực quyền thành một nhân vật huyền bí, sinh ra đã có “*chân mạng đế vương*”, chẳng những ai ai cũng phải thần phục, mà cả đến thần thánh cũng ở dưới quyền. Thiên tử thành một nhân vật tuyệt đối, ra đời ngay khi mới thành thai trong bụng mẹ! không còn là một

chức vụ nhận lãnh trước một đại hội chư hầu!

Chữ “trung” trong Nho học, nội-dung là trung nghĩa tức là một lòng giữ chắc những điều đã giao ước. Cả thiên tử và các thủ-lãnh chư-hầu phải giữ lòng trung tín. Cho nên vua phải ra vua. bày tôi ra bày tôi, có nghĩa là ở chức vụ nào phải hành xử theo đúng những đòi hỏi của chức vụ ấy. Chính ở điểm này, Mạnh Tử mới nói: *“Ta chưa từng nghe nói vua Trụ, mà chỉ nghe nói tên thất phu Trụ...”* (Ông không nhận Trụ vương ở địa vị trên ngai vàng, mà nhìn ở hành vi thấy không phải là hành vi của một ông vua).

Với Hán, Tống, Minh và Thanh Nho,... sự từng phục của bày tôi đối với vua là tuyệt đối. Vua là chủ ~ nhân tuyệt đối không những của lãnh-thổ dưới quyền, mà tất cả dân cư trên lãnh-thổ ấy đều thuộc quyền vua. Chữ trung bây giờ thành nghĩa *trung quân*, đem cả sinh mệnh mà thờ vua. Vua xét bày tôi phải chết, bày tôi không chết là bày tôi bất trung. Vua thường thị uy bằng chém giết và tàn nhẫn đến giết cả tộc thuộc, gia nhân và tới luôn quê hương làng mạc. *Trung quân trở thành cái đạo mù quáng*, gây nên một áp-lực khủng-khiếp vào tâm khảm con người. Thậm chí, cũng cái đạo thờ vua này chi phối đến cả cuộc đời đàn bà, con gái. Người con gái giữ mình không phải để giữ-gìn sức khỏe cơ thể và tinh thần, mà vì mình chỉ là một món hàng giữa chợ, nếu đã “cũ” thì hết giá-trị. Đã lấy chồng là thuộc về một ông chủ (*chồng chúa vợ tôi*), dầu đó là một ông chủ ngu hèn, hay chết yếu thì cũng là xong một cuộc đời. Cái đạo thờ chồng là chính chuyên, cũng như cái đạo thờ vua là trung liệt, trung thần không thờ hai vua (*hai hoàng*

tộc), gái chính chuyên không lấy hai chồng. . .

C/ Lớp sơn của các tông giáo ngoại nhập:

* Phật Giáo:

Tiếng mõ đều-đều là âm thanh trầm buồn dễ ru ngủ, khiến một số lớn không những mất tinh thần quật khởi chống xâm lăng, và mất luôn tinh thần Việt (*Vượt lên, vươn lên*).

- Hình thức cạo đầu đi tu là thể-hiện hành-động dứt bỏ cuộc sống trần tục, quên bốn-phận con dân đối với quê hương xứ sở, tục ngữ xưa có câu “*trốn việc quan đi ở chùa*” là thế.

- Xâm nhập và phát triển qua cách thức thờ Phật chung trong các đền đài, sau đó các đền thờ biến thành các chùa thờ Phật. (Chính sách “*biến khách thành chủ*”!). Nhiều danh lam thắng cảnh, tử như Hương Sơn nơi Tiên ngự, nay đã biến thành Chùa Hương, . . . !

- Ngụy tạo các sáng-tác hay tạo dựng những sách vở, viết lên những truyện hoang đường, như đến Ngọc Hoàng Thượng Đế còn phải quy Phật, “*Tứ Phương lai cúng Phật*”. Tàì ba như Tôn Ngộ Không cũng bị Đường Tăng chi-phối!

- Theo Phật học là để bớt lòng tham, dục,... Thế mà phần đông Phật tử đi chùa là để cầu tài, cầu lộc, cầu danh, cầu tự,...

- Các kinh kệ, sổ sách cho đến cách cúng lễ của đạo “*Thờ cúng Tổ Tiên*” hầu hết đều bị toa-rập sửa đổi theo khuôn mẫu của Phật giáo!

mái. Nơi vua chúa coi nhẹ ngai vàng để đi tìm những ngày tháng thanh-nhàn cho thần trí; nơi quảng đại nhân dân, sau những nỗ-lực sinh tồn mệt-mỏi thì hấp-thụ thú an-nhiên qua những tiếng chuông ngân-vang từ những ngôi chùa núp sau những bóng râm nơi gần làng.¹

Tiếp thay những tôn chỉ, nền nếp tốt đẹp trên đã bị thay thế bằng những tiền đề của đạo Thiên Chúa là **“Bất khoan nhượng”** và **“Chiếm hữu”**.

Trong kinh sách *“Toàn Niên Kinh Nguyên”* của hai giáo phận Bùi Chu và Hànội do cơ sở Dân Chúa, P.O. Box 1419, Gretna, LA 70053, nơi trang 18, 19: *“Cúi xin Chúa từ nay về sau đừng để những người ngoại đạo khinh rẻ công ơn cứu chuộc. Xin Chúa vĩ lòng nhân từ mà dong thả cho những kẻ ấy xưa nay đã lạc đường thờ lạy Bụt Thần...”*!

Nền minh triết Việt dù đã bị ẩn tàng qua nhiều năm, nhưng đó là triết học nhân sinh, nằm ngay trong nếp sống, và cách thức suy tư. Đó là Hoa sen từ trong bùn, và Jesus lên câu rút.. Đó là những điều kiện để **hoa nhân ái** nở trong lòng người...

“Lịch sử Việt còn ghi rõ: *“Cành lau bắt đầu tham-dự vào lịch-sử dân-tộc từ thế-kỷ X, một vận-hội mới và cũng là một phục-hoạt lớn-lao của Hồng Lạc, khởi-dựng nền độc-lập và thống-nhất cho quốc-gia Việt. Cành lau điểm trên không và thời-gian*

1- Hoài Nguyên, *“Ba Chân Kiềng Phật - Khổng - Lão Trên Nền Tảng Văn Hóa Việt”*,

Ngoài ra, các giáo sĩ thuộc các dòng truyền đạo đã gây nhiều chia rẽ và lỗi lầm!

Nhữ nêu lên phương pháp, nguyên tắc, kế hoạch trong quan-niệm *“thần học”* của giáo sĩ Đắc Lộ trong cuốn *“Thiên Chúa giáo và Tam Giáo”* của linh mục Đường Thi Trương Kỷ gồm những đặc-điểm:

- *Giáo sĩ Thiên Chúa giáo can-dảm rao giảng chân lý của Phúc âm với ước nguyện cải đổi nếp sống tinh thần, xã hội Việt Nam ...*

- *Đối với giáo sĩ Đắc Lộ, công cuộc hội nhập tiến đến giai đoạn cao nhất là đào-tạo hàng giáo phẩm, giáo sĩ (cán bộ cho Tòa Thánh La Mã ?) để thành lập các giáo đoàn địa phương...*

* *Ước nguyện cải đổi nếp sống tinh thần của người Việt?*

- Phải chăng là từ bỏ “gốc” nguồn của mình để nhận lấy giáo hội La Mã là nơi nương tựa duy nhất của linh hồn giáo dân?

Có lẽ, chính bởi vậy, tên họ lúc mới sinh ra do cha mẹ đặt cho, đương nhiên được gọi với tên khác, như *Phêrô, Bênêdictô, Joseph, Theresa*, v.v... Các linh mục bản xứ, ngoài quốc tính Việt còn có quốc tịch 2 được coi trọng hơn, đó là tính cách công dân *Tòa Thánh La Mã*.

Một số nhà thờ thường hào-hãnh treo những biểu-ngữ: *“Thiên Chúa - Tổ Quốc”*, *“Thà mất nước, chứ không mất Đạo”*, *“Giáo dân xin hiến dâng nước Việt Nam cho Chúa, Đức Mẹ, và Tòa Thánh”*,...

- Thay đổi nếp sống hủ lậu, mê tín như tình thần độc lập, tự tin ?

*“Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.”*

(Ca Dao)

để thay thế bằng những lời tha thiết khẩn cầu: *“Xin ơn trên cứu độ !”*

- Với nếp sống “phóng khoáng”, “nhân bản”, “bình đẳng”, hòa hài”, “trung hậu”,... phải thay thế bằng “lòng tin Thượng đế duy nhất, cao cả nhất, đúng nhất” (Coi mình là cao cả, còn mọi tin tưởng khác là theo ma quỷ) , “Con người hoàn toàn tùy thuộc Thiên Chúa”, hay “Con người hèn mọn trước Thượng đế” “.

Thay vì “hòa hài” sinh ra kỳ thị, khinh miệt nhau. Cũng may ở Việt Nam chưa có chiến tranh về Tôn giáo, hàng ngày nhan-nhãn được nghe những phát ngôn đầy trịch thượng của tín đồ Thiên Chúa giáo như: “Chúng tôi là người Công giáo mà”, ngụ ý người Công giáo thì ăn ngay nói thật, bao dung độ lượng, chứ không như tín đồ tôn giáo khác thiếu thành thật, ác độc,...?

Con cháu xưa nay trung tín đối với tiền nhân thì nay vứt bỏ, dẹp bàn thờ gia tiên, mà thay thế bằng bàn thờ độc nhất là “Thiên Chúa!”...

- Theo đúng nhiệm vụ của các vị chăn chiên, danh xưng chính xác là **linh mục**, thì thích được xưng là “**Cha**” là “**Mẹ**”! Già đến mấy, các cụ giáo dân khi gặp mấy ông linh mục vẫn phải xưng là “Con lạy Cha...”! Thật là điều thật ngộ-nghĩnh, ngộ-ngẩn!

-

- Sinh hoạt xã-hội tất có nhiều khuynh hướng. Một khi quan niệm độc tôn, hay độc quyền chân lý (cho mình là nhất) dễ đi đến kỳ thị, đàn áp, chém giết, tiêu diệt lẫn nhau. Lịch sử thế giới đã chứng minh sự tàn hại về độc tôn, độc quyền tư tưởng.

Để tránh điều tai hại này, tục ngữ ta có câu:

“Rằng trong lẽ phải, có người có ta.”

Trong thời-kỳ Lý Trần, những độc tố của thuyết “thiên mệnh” được hai giáo lý Phật và Lão hóa giải. Lão học tuy công nhận về chính-trị, nhưng thuyết này quá lý-tưởng, không sát thực-tế. Lão Tử chủ-trương không dùng uy lực, luật pháp để cưỡng ép, không dùng lễ nghi, âm nhạc để vỗ về, ... mà giáo hóa bằng thái-độ ung-dung, điềm-nhiên tự tại để mỗi người theo đó mà phát-huy cái lương-tri, ăn-ở hòa-hợp với nhau, trên dưới ai nấy tự biết nghĩa vụ của mình. Chủ-trương này gọi là “vô vi”, có nghĩa là tránh mọi khuôn-khổ, công-thức gò-bó để lương tri tự sáng tỏ và hướng-dẫn mọi sinh-hoạt riêng, chung. Thậm chí cả đến danh từ, Lão Tử cũng ngại dùng đến, (Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh... Đạo Đức Kinh). Nếu tư-tưởng của Lão Tử mà thể-hiện được thì không có quốc-gia, chẳng có vua tôi, không có kẻ thống-trị và kẻ bị trị - chỉ có những con người sống chung với nhau, thanh-thoai, hồn-nhiên sinh-hoạt....

Ngoài sinh-hoạt văn, võ, kinh tế,... để duy-trì và phát-triển quốc-gia còn có sinh khí hòa-hài, một tinh thần siêu-thoát để cuộc sống được nhẹ-nhàng thoải-

V-3/ Nền minh triết thích ứng cho thời đại hôm nay:

Câu ca-dao ngắn gọn

“Thương người như thể thương thân.”

đã nói lên cả một nền triết lý **Nhân Bản, Nhân chủ, Bình đẳng, Hải Hòa, Thanh bình cho nhân loại**, và nhất là có yếu tố tình thương yêu mới giải quyết được những mâu thuẫn của thời đại.

* **Nhân Bản**

- Lấy thân mình đối chiếu thân người, thật là một đối chiếu cụ thể, minh bạch, lấy nền tảng “**người**” bàn về “**con người**”.

Xưa nay, biết bao nhiêu cuộc đối thoại của các tông giáo, triết học, tư tưởng không đi đến kết luận chung cũng vì mỗi lập trường đứng trên một nền tảng khác nhau! một bên, trên nền tảng “**thần linh**”, kẻ trên nền tảng “**vật chất**”, người trên căn cứ **thời điểm lịch sử của xã hội**, ...

Đã không cùng đứng trên một nền tảng thì khó mà đi đến một kết luận chung. Thật đúng là cảnh “**Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược**” hay “**Ông nói gà, bà nói vịt**”.

Tương tự, nhìn một khối vật mà chỉ đứng về một diện, chẳng hạn nhìn khối hình nón, ta có thể nhìn thấy ba diện khác nhau: nhìn ở đáy có hình tròn - nhìn mặt hông có hình tam giác như đã trình bày ở trang 125.

Thiếu cái nhìn **tổng thể** gây nên sai lầm và có khi nguy hại hơn nữa. Trong chuyện cổ tích Việt Nam đã viết - *Truyện năm ông thầy bói mù sờ voi*.

một ý nghĩa và giá-trị tuyệt-vời, ý-nghĩa và giá-trị sống đó đi đôi với sứ-mệnh và lý-tưởng của hồn sử Việt...

“Cờ lau khơi mở đời sống mới, đời sống anh hùng về tương-lai, đã thắng hết cả và cởi mở cháu con bằng vinh-quang vô thượng...”

*“Cho đến ngày nay, trên bãi hoang, nơi thôn dã; những cành lau phe-phẩy trước gió, còn nhắc lại thuở oai hùng, oanh-liệt cũ, và đến ngày nay, đã vi-vu văng-vẳng những tiếng gọi xa-xăm, dần-dà gần lại, lạnh-lãnh vào bộ óc và cõi lòng chúng ta, thức-tỉnh trong đáy hồn và đáy tầng cuộc phục-hoạt lớn-lao và vẻ-vang...”*¹

“Chúng ta tin rằng: “Cờ Lau Vạn Thắng, Sát Thát chàm vai, ngày Bình Ngô oanh liệt, buổi Mê Linh oai hùng, trận Đống Đa rực-rỡ,... sẽ diễn lại trên đất nước chúng ta bằng một quy-mô suốt mặt và một kết-quả thắng-lợi.

“Về mặt thế-giới, hiện nay không còn vận hành theo quan-hệ “bạn” hay “thù”, mà là quan-hệ “quyền lợi” và “hiểm họa”. Chủ-chốt vấn đề hiện-tại là những động-lực tìm sự sống đích-thực của con người, của từng chủng-tộc, của từng bộ-lạc, từng quốc-gia, từng vùng, và toàn nhân-loại.

“Trong sự tìm kiếm sự sống, kinh-quá các chủ thuyết đều đã thất-bại!

“Thiếu tình thương đích thực chỉ đem lại lên đầu lên cổ của cá-nhân, chủng-tộc, quốc-gia, nhân-

1- Lý Đông A, “Sử Hồn, 1945.

loại những khổ đau, và tan nát!

“Muốn hòa-bình và phồn-thịnh lâu dài thì phải xây-dựng một cơ-chế đáp-ứng nhu-cầu hòa-bình và phúc lợi. Cơ-quan Liên Hiệp Quốc ngày nay quá lỏng lẻo! Hầu như chỉ là nơi các siêu cường lợi-dụng để mặt-sát nhau, để che-đậy những mưu toan đen tối!

Các quốc-gia hội-viên trong Liên-Hiệp quốc chưa phải là các cơ-năng trong bản-vị nhân-loại (*chưa coi nhau như các tế bào trong cơ-thể*). Siêu-cường trên thế-giới vẫn còn ngang-nhiên đàn-áp, tiêu-diệt những chủng-tộc khác. Các siêu-cường còn ngang-nhiên sử dụng vũ lực thô-bạo để khống-chế, hoặc cưỡng chiếm lãnh-thổ của những tiểu nhược, điển-hình Trung Cộng ngang-nhiên chiếm Tây Tạng và lấn áp Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, v.v... mà hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp quốc vẫn bất lực, không một giải-pháp rắn đe!

“*Thế-giới đang trên đường định hình từng quần thể theo từng khu-vực*. Tiến-trình định hình phải trải nhiều thập niên cho đến ngày hoàn tất!

“Điều cần nhắc nhở sự lớn mạnh của “*quần thể*” khác với sự lớn mạnh của “*sinh thể*”. Sự lớn mạnh của “*quần thể*” là do sự tin-cậy nhau, tôn-trọng nhau, nương-tựa nhau, không còn cung-cách quản-trị theo mô hình “*Kim tự tháp*”, và cũng không áp-dụng luật tắc của động-vật “*mạnh được yếu thua*”.

“Hy vọng nhờ những lý-do căn-bản về hiệu năng kinh-tế và an-ninh chung của toàn vùng mà các quốc gia hội viên trong quần thể từng vùng vượt qua những dị-biệt để cùng giải-quyết vấn đề chung.

“Đầu thế kỷ 21 này, hai chữ “*nhân quyền*” là những âm-điệu du-dương đem lại nhiều hy-vọng cho con người. Ý-thức về quyền sống, quyền làm người càng biểu-lộ.

Trong tương-lai, những quyền sống căn-bản của con người sẽ là nền-tảng cho các hiến-pháp của mọi quốc-gia, và là mẫu-số chung cho toàn-thể nhân-loại.

“Thiên niên kỷ 2001 có nhiều thử-thách lớn và cơ-hội lớn. Thiên niên kỷ này sẽ không nương tay cho những tập-đoàn lạc-hậu, tàn-ác còn tồn tại. Thiên niên kỷ này sẽ tạo ân-sủng cho những chuyển-hóa kịp thời, những cường quyền sẽ bị tan vỡ thành nhiều mảnh. Những động cơ nào đi ngược với khuynh hướng “*cùng sống*”, “*hòa hài*” sẽ bị nghiền nát để biến mất vào ***trật tự mới của hoàn-cầu***.



*** *Tinh thần Hải Hòa,***

Xã hội Việt vốn là xã hội nông nghiệp. Qua chế độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế độ quân điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông dân Việt là hải hòa, thống nhất vũ trụ - con người - và xã hội:

Rủ nhau đi cấy đi cày.

Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu.

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

(Ca Dao)

Bức tranh lý tưởng của nông dân là bức tranh “thái hòa”, “an lạc”:

Làng ta phong cảnh hữu tình

Dân cư an khúch như hình con long

Nhờ trời hạ kế sang đông

Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi

Vụ năm cho đến vụ mười

Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề

Trời ra gắng, trời lặn về

Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân chuyên.

Dưới dân họ, trên quan viên,

Công bình giữ mực, cầm quyền cho hay.

(Ca Dao)

Đối với xã hội nông nghiệp, thiên nhiên ảnh hưởng quan trọng đến nhân sinh, cho nên mối liên-

Truyện kể lại: “Một hôm có một đoàn xiệc đến một thành-phố. Vì là đoàn xiệc nổi tiếng, và có nhiều thú vật biểu-diễn những trò ngoạn-mục. Khi đoàn xiệc vào thành-phố, các trẻ em chạy coi rất đông, nhất là khi thấy đàn voi, con biết đưa vòi quăn người lên lưng voi, con biết quý hai gối trước, con biết đưa một chân trước để vẫy,...các em hoan-hô rầm trời làm mấy chú xẩm ngồi các hẻm phố cũng náo-nức muốn biết voi hình thù ra sao, là giống vật như thế nào mà tinh khôn đến thế.

Năm ông thầy bói mù (xẩm) liền rủ nhau đến rạp xiếc để coi voi (thực sự là đi sờ voi). Sau khi được chủ đoàn “xiếc” đồng ý, anh nài coi voi dẫn 5 ông thầy bói mù lại lều voi. Năm ông thầy bói mù, mỗi ông sờ một bộ phận của voi. Ông sờ vòi voi thì nói “nó thun như con đĩa vĩ đại”, ông sờ vào chân voi nói “nó giống như cái cột nhà”, ông sờ vào tai voi thì nói “nó giống như cái quạt to”, ông sờ vào đuôi voi nói “nó giống như cái chổi”, ông sờ vào ngà voi thì hô “nó giống như cái đòn xóc gánh lúa”. Thế là năm ông cãi nhau, ông nào cũng cho chỉ mình là đúng vì chính tay mình sờ thấy, kết quả cuối cùng năm ông dùng gậy dò đường đánh nhau! Quả là một ngụ ngôn lý thú!

*** *Nhân chủ.***

* **Nhân chủ** là lấy loài người làm chủ đạo. Người là chủ động đối với tự nhiên, xã hội và chính mình. Số phận người, lịch sử người, xã hội người, đời sống người do chính con người xây dựng, định đoạt. Người không để bị chi phối hay lệ thuộc bởi ngoại vật, khiến người chìm đắm trong vong thân, vật chất hay siêu hình.

Bất cứ vi-phạm nào nhắm vào nhân bản, nhân tính, và nhân chủ đều bị loài người phản kháng. Sự phản kháng đó làm cho lịch sử chuyển động.

* Người khác động vật là vì có **nhân tính**. Xã hội người chính là một tổ chức có nhân tính. Nhờ nhân tính mà con người hình thành xã hội. Nhân tính nguyên khởi để cấu tạo xã hội là “*nhu yếu tính, sắc tính, tự vệ tính, và xã-hội tính.*” Đó là bốn đặc tính căn bản của con người khi thành lập xã-hội.

Nhu yếu tính của con người phải lấy “bình” làm chuẩn. nghĩa là không có người nào bị chèn ép trong sự thỏa mãn những nhu yếu tinh thần cũng như vật chất. Sắc tính của người phải lấy “trinh” làm chuẩn, nghĩa là lòng trung thành song phương giữa nam và nữ.

Tự vệ tính và xã-hội tính của người phải lấy “hòa” làm chuẩn. Liên hệ giữa người và người là liên hệ hòa hài. Sống trong một xã hội hòa bình nhân ái, đó là liên hệ **cơ năng bản vị hỗ tương nguyên nhân**.

Tóm lại, “trinh”, “bình”, “hòa” là ba cứu cánh và mục đích của xã hội nhân sinh, để nhân tính cơ bản được đáp ứng. Loài người hiện nay còn xa lìa nhân tính, bị vật chất chế ngự nên con người chưa làm chủ được chính mình, do đó mà nhân loại chưa có được hòa bình.

Theo lịch sử quan, y cứ trên kinh nghiệm tích lũy của nhân loại, sự khảo sát về vũ trụ, về loài người đã cho rằng loài người có bốn thời kỳ: **nhân đạo sơ khai, nhân đạo thành lập, nhân đạo tăng tiến và**

nhân đạo ổn định.

Nói đến “Nhân Bản” và “Nhân Chủ”, thiết tưởng lấy bài thơ “Vịnh Tam Tài” của chí sĩ Trần Cao Vân làm tiêu biểu:

*Trời Đất sinh Ta có ý không
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
Ta cùng Trời, Đất ba ngôi sánh
Trời, Đất cùng Ta một chữ đồng
Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh-mông
Trời che, Đất chở Ta thông-thả
Trời, Đất, Ta đây đủ hóa công.”*

***Bình đẳng,**

Căn cứ vào Lễ ký, thời Chu (1121-256 tr. CN) xã hội Trung Hoa phân chia giai cấp rõ-rệt: đại phu và dân thường (*thượng lưu với bình dân*) rất khác biệt. Câu “*Hình bất thượng đại phu, lễ bất há thứ dân*” (hình phạt không áp dụng cho giới đại phu - lễ không dùng xuống thứ dân) nêu rõ tính cách khác biệt giữa giai cấp thượng lưu với bình dân. Điều này khác với văn minh nông nghiệp:

*Nhất sĩ, nhì nông,
Hết gạo chạy rong, nhất nông nhì sĩ.*

Hay:

*Ra đường ông tú, ông nhiều,
Móng tay mở sẻ, cạo niêu đã mòn.*



xanh, ruột tươi đỏ. Nếm ăn thử, mùi vị thật ngon ngọt và tươi mát. An Tiêm đặt tên cho loại trái này là “dưa hấu”.

Một ngày kia, một thuyền buôn ghé đảo để lấy nước ngọt. Thuyền nhân nếm được vị ngon và mát của dưa hấu. Thay vì lấy nước ngọt, họ thương lượng, đổi thực phẩm và một ít của quý lấy dưa hấu. Dưa hấu sau đó được trao đổi nhiều nơi. Nhiều người đến lập cư tại đảo, nơi An Tiêm trú ngụ và cùng phát triển trồng dưa hấu một cách quy mô. Nhờ vậy, cả hoang đảo trở nên phồn thịnh.

Thời gian sau, nhớ đến An Tiêm, vua sai người ra hoang đảo nơi đã đầy An Tiêm để xem gia đình An Tiêm ra làm sao, sống hay chết? Sứ thần trở về tâu với vua Hùng: “Cảnh sống sầm uất và phồn thịnh của An Tiêm cùng dân ở đảo.”

Nhà vua ngẫm nghĩ cho lời An Tiêm là đúng, nên triệu An Tiêm và gia đình về triều và cho phục lại chức như cũ.

An Tiêm về dâng cho vua cha giống “dưa hấu” mà mình may mắn có được, rồi phân phát hạt dưa cho dân chúng trồng đem lại cho xứ Việt ta có thêm một thứ trái cây danh tiếng.

* Nhân Sinh Hòa Hài:

Xã hội Việt vốn là xã hội nông nghiệp. Qua chế độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế độ quân điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-

hệ giữa vũ trụ với nhân sinh cần có sự hòa đồng, chứ không đối lập.

Trong sách “Trung Dung” của Nho học cũng đã bàn: “*Năng tận nhân chi tính, tắc tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ dĩ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dĩ thiên địa tham hỷ.*” Nếu có thể đến cùng cái tính của người, thì có thể đến cùng cái tính của vật. Có thể đến cùng cái tính của vật thì có thể giúp sức vào công cuộc nuôi nấng sinh hóa của Trời Đất, đứng ở địa vị Tam tài Thiên - Địa - Nhân vậy.

Nhân sinh và vũ trụ, thực tế với lý tưởng, vật với tâm tưởng xung-đột mâu-thuẫn, nhưng đối dân Việt Nam vì điều kiện sống còn đã chứng-minh sự đồng nhất trong sự sống biến hóa vô cùng, sống một cách toàn diện và hiệu nghiệm.

Trên thực tế cho thấy đời sống con người có tương quan chặt-chẽ với vũ trụ (tự nhiên), đồng thời thường hằng tiếp-xúc với tha nhân trong xã hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn luôn nhờ tư tưởng dẫn dắt trong mọi hoạt động. Vì thế cả ba phương diện: *Vũ trụ - tư tưởng và xã hội thống nhất*.

Nếu tất cả mọi người đều nghĩ đúng như vậy, thì “hòa bình” cho nhân loại không còn xa, và thời điểm đó chính là thời **vạn xuân** của toàn cầu- vườn hoa của nhân loại *rực rỡ muôn màu và muôn hương*.



V-4/ **T**iếng ca thanh bình vang dội khắp
toàn cầu:

* Như ở trang 41 đã nêu “Nhờ thực-chứng tính-chất dung-nạp không phân biệt (*vô lượng thụ biệt*), cùng sức nuôi dưỡng vạn vật của nước mà người Việt nêu cao lượng bao-dung

Thương người như thể thương thân,
(Tục ngữ)

Đứng trên nền tảng “NGƯỜI” mà xét về “người” là không phân biệt “Ta” với “người”, hòa nhập nhân loại (*Hòa quang đồng trần*).

Bản tính loài người ngay từ khi thành lập xã hội là nói đến “*Xã hội tính*”, tức hàm chứa “lòng Nhân Ái” - Chỉ có lòng nhân ái, loài người mới cùng sống còn, và cùng tiến bộ.

Có thực sự thực thi “**nhân bản**” thì con người mới đồng-dục mà nói: “*Có trời mà cũng có ta*” hay “*Nhân định thắng thiên cũng nhiều*”.

Ta thấy các đại tông giáo, hình ảnh của “*Thượng Đế*” cũng không thể là hình ảnh của siêu nhiên, mà phải mang lấy hình ảnh con người. Có vậy tôn giáo mới được “*người*” thừa nhận. Cho nên Lão Tử mới nói “*Vô danh giả thiên địa chi thủy - hữu danh giả vạn vật choi mẫu*”. Hay nói cách khác “*Sức biết con người đến đâu, vạn vật có tên đến đó*”.

Truyện ông Bàn Cổ lớn đến đâu, kích thước vũ-trụ lớn rộng đến đó. Truyện bà Nữ Oa “*đội đá vá trời*” đều đã nói lên vai-trò độc lập và “*Tán thiên địa chi hóa dục*” (con người trợ giúp công sinh dưỡng

của trời đất mà tài bồi cuộc sống cho con người).

Chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận dụng quy luật “*Vạn vật tương quan và hỗ tương ảnh hưởng*”. Do đó, đất nước, gió mưa vô tình diễn, nhưng qua sức con người thì: *Lúa vàng đồng, nong vàng kén - sáo diều vi-vu dưới trăng thanh gió mát, và thôn xóm nơi nơi vang dội tiếng vui cười.*”

* Về tinh thần “**Nhân chủ**”, có truyện cổ tích “*Dừa Hấu*” :

Ngày xưa, Vua Hùng Vương thứ 18 có nuôi một đứa trẻ thông minh, khôi ngô, đặt tên là Mai Yểm, hiệu An Tiêm.

Lớn lên, vua cưới vợ cho An Tiêm, và cho giữ một chức vụ trong triều đình. Có người hỏi An Tiêm: “Anh nhờ đâu mà có cuộc sống sung túc, thanh thoi.? An Tiêm thẳng thắn đáp: “Do tự sức nơi mình.” Lời này đến tai vua. Vua cho An Tiêm là kẻ bạc tình, vô ơn, bèn đày An Tiêm ra một hoang đảo để xem An Tiêm có thể chỉ nhờ sức mình mà sống không?

An Tiêm bình thần sống nơi hoang đảo, ngày ngày xem tình huống nơi hoang đảo để tìm cách sống, với niềm tin tưởng trong lòng là “*Trời sinh voi, đất sinh cỏ*” .

Gia đình An Tiêm ra sức khai-khẩn, trồng trọt. Một ngày kia, vào mùa hạ., có một con chim lạ từ xa bay qua hoang đảo, và nhả mấy hạt cây xuống đất. Được ít lâu, hạt nảy mầm, thân và lá xanh lan rộng trên mặt đất.

Vài tháng, cây nở hoa và kết những trái màu

*Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao
Ông ơi! Ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Chớ xáo nước đục đau lòng cò con.*
(Ca Dao)

Phải đi ăn đêm là rơi vào hoàn-cảnh khó khăn, lại gặp sự không may (cành mềm) nên lộn cổ xuống ao! Đành chấp nhận nghịch cảnh, nhưng khẩn cầu “*nếu có chết xin chết một cách trong sạch*”, không làm nhục đến thanh danh gia đình, dòng tộc, vì

*Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.*
(Ca Dao)

Chính hương thơm trên bàn thờ là tượng trưng cho thanh danh (danh thơm, tiếng tốt), ánh sáng của đèn - nền tượng trưng cho những di huấn soi đường, tránh cho con cháu lạc vào những chỗ tối tăm; *giáo gương* với *nhiều điều* là lòng son sắt gắn-bó với tập thể, làm gương cho mọi người noi theo.

Tất cả thanh danh một cuộc đời, những di huấn và lòng son sắt của tiền nhân, con cháu phải thờ phụng, lấy đó làm tâm niệm.



nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông dân Việt la hài hòa, thống nhất vũ trụ - con người - và xã hội.

Bức tranh lý tưởng của nông dân là bức tranh “thái hòa”, “an lạc”.

Đã vì “Người” thì không thể nào không trọng vai trò “Con Người” trong trời đất.

Loài người thành-tựu được là bởi sự tu chỉnh tự nhiên, đó là động cơ tiến hóa không ngừng.

Chính tư tưởng đã làm cho nhân có khả năng chủ động đối với thiên nhiên. Nhân không thể sống ổn định bằng cách đồng hóa nhân với tự nhiên hay hủy diệt tự nhiên. Nhân sống ổn định khi nhân chủ động đối với tự nhiên (thiên nhiên).

Về Chính trị: “*Nhân giả nhân dã*” (Người là “*nhân*” vậy). Nhân chính là vương đạo là lý tưởng của ngàn xưa. Những chủ trương lấy “*nhân dân*” phục vụ, tôi tớ cho nhà cầm quyền là “*phi chính*”, là vô đạo, phi nhân bản, phi chính trị, bá đạo,...

Trong lịch sử Việt dưới các triều đại: Tiền Lê, Lý, Trần đã hùng hồn chứng tỏ tinh thần “*Nhân bản*” và “*dân chủ*” như vua Lý Nhân Tôn đã đem ví thân vua cũng như mọi người để thông cảm những tù nhân trong lao ngục chờ ngày xét xử - Hội nghị Diên Hồng chứng tỏ sức mạnh của toàn dân và nhờ vậy nước ta đã chiến thắng quân Mông Cổ, một đội quân hùng mạnh đã tiến sang Âu Châu, tiêu diệt nhà Tống.;

Về kinh tế: Phải tôn trọng sự sống con người, “*có thực mới vực được đạo*”, có no ấm, đời sống mới

an vui và tiến bộ, bởi vậy phải tôn trọng tư hữu. Sự tích “*Bánh chưng bánh dày*” ông cha ta đã dạy cho con cháu biết thế nào là “*Bình sản*” (*chia đều ruộng*”, *trọng nông, và trọng hiền, ăn ở sao cho vuông tròn*)....

Muốn đi đến ổn định nhân loại, loài người cần:

- Chấm dứt những chế độ phi dân bản, độc tài, đảng trị bởi những cá nhân hay tập đoàn còn lạc hậu trong vòng quyền lực thống trị con người.

- Chấn hưng tinh thần dân chủ, có dân chủ mới ổn định nhân loại.

- An định từng vùng (Âu Châu, Á Châu, Mỹ Châu, Phi Châu, Úc Châu.)

- Cải tổ Liên Hiệp Quốc. iễn đàn Liên Hiệp quốc phải là tiếng nói bình đẳng chung của thế giới.

* Tinh thần Thăng Hoa (Có thăng hoa mới có tiến bộ. Con người khác với mọi sinh vật khác là có văn hóa.

Ngoài tính bất định hình, bất định thể, dung nạp, hòa tan, thích nghi, tự do, bình đẳng, v.v... nước còn có tính *bốc hơi* (*thoát xác*), dứt bỏ tất cả . Cho nên ngoài óc thực tế, tâm hồn người Việt còn có khuynh hướng dứt bỏ danh lợi (*như thánh Tản Viên, thánh Gióng*), dứt bỏ dục vọng thấp hèn, hướng tới chân - thiện - mỹ, hướng tới những giá-trị tinh thần siêu việt vĩnh cửu.

Tự lắng trong, tự thanh lọc, tự bốc hơi, vượt-thoát thể lỏng trở thành thể khí, gọi lên hình ảnh tự lực, tự thắng những yếu hèn, thú tính, ích kỷ, đố kỵ,... còn ẩn tàng trong tâm trí. Nói cách khác, tự thắng là làm chủ những cảm thụ, những xúc-động, những tư

tưởng hẹp hòi, cố-chấp. Tự thắng là tiến trình dẫn tới nhân chủ . Đó là điều kiện cần và đủ để nhân tính làm chủ tư duy và hành động.

Bàn tới tinh thần “*thăng hoa*” (*tự lắng, tự thanh lọc*) tức là nói đến “*thanh danh*”, hay tinh thần tự trọng.

Nói đến “*thanh danh*”, *danh thơm, tiếng tốt, khác với tiếng tăm, uy quyền bắt người khác suy tôn*.

Sự sống thật là quý, nhưng biết chết nhiều khi còn cao quý hơn. Trong lịch sử đã có nhiều anh hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở:

“*Như Bình Trọng nhơn nhơn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngăn-ngật xung chín lần...*”

(*Lưỡi Gươm Việt/Đạo Trường Ngâm*)

Đức Bình Trọng thời nhà Trần bị giặc Nguyên bắt, giặc dụ hàng và hứa cho làm vua. Ông một mực trung kiên và khảng-khái nói: “*Thà làm ma nước Nam không thềm làm vua Bắc*”.

Lê Lai thời hậu Lê không ngần ngại thay vua Lê xông ra giữa chín lần gươm giáo, chết cho tương lai dân tộc sống, và còn nhiều gương hy sinh tương tự như Hoàng Diệu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, . . .

Sống không những sống cho mình, mà còn cho gia đình, quốc gia và dân tộc; sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ vãng, và tương lai.

Cho nên, vì danh thơm (danh dự), người ta có thể hy sinh tính mạng để bảo toàn.

cách khác, không rõ nguyên-lý cơ năng và bản vị, và nguyên lý đối lập thống nhất.

Sự phát sinh giai cấp trong xã hội chính là ở chỗ không có một thể-chế thực sự dân chủ và nhân chủ.

Vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2002 làm sập đổ hai tòa nhà Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế tỏ rõ sự sai lầm cả hai phía: tổ chức Hồi giáo khủng-bố và “tư bản dân chủ triệt tam” hiện tại. Cả hai đều không đem lại an bình xã hội cho loài người. Đây có thể coi là khởi đầu cuộc chiến giữa “Thần quyền độc tôn” với “thế quyền tư bản quân công siêu kỹ thuật”, hay cuộc xung đột giữa văn hóa Tây phương và Ả Rập. Đây cũng là nút biến của lịch sử thế-giới trên con đường “nhân bản” trên nền tảng “đối lập thống nhất”.

Đa số các tôn giáo Tây phương đều đặt trên nền tảng “nhất nguyên”, “duy thần” nên thường mang tính cách độc tôn. Lịch sử nhân loại trong dĩ-vãng đã xảy ra những cuộc “thánh chiến” đẫm máu, ngược lại ngay cả giáo điều “bác ái” căn bản của họ!

* Để thành lập một cuộc sống còn quốc gia và thế-giới chân chính, hòa bình, tự do phải làm thế nào?

- Chỉ có một sự giác-ngộ **nhân chủ**, chỉ có một cuộc phấn đấu nhân đạo và chỉ có một cách kiến thiết nhân bản mới có thể thành công. Cách mạng phải có triết học, khoa học, thuật học rất cặn kẽ và đúng đắn. Nghiên cứu triệt để về bản thân đạo lý cách mạng, chính trị, và kiến thiết. Phải nắm giữ triệt để và sáng suốt sự tiến hành mới thành công. Chủ nghĩa cách mạng phải nhân bản, nhân tính, và nhân chủ mới không thiên lệch hay dĩ bạo địch bạo.

Kết Luận

“Thương người như thể thương thân”, quả đã tóm gọn cả một triết-lý “Nhân Bản”, và một tình “Yêu thương”, lòng nhân ái chân bình- đẳng đầy ấp tình người.

Chung sống hòa-bình là nguyện-vọng của mọi dân-tộc trên thế-giới ngày nay. Phát-xuất từ nhận định loài người chỉ tiến-bộ trong sự hòa-điều.

Con người không thể sống an toàn và hạnh-phúc trong một thế-giới đầy hận thù, chém giết. Đã đến lúc phải ý-thức: sự thịnh vượng của dân tộc này có tương-quan nhân quả với sự thịnh vượng của dân-tộc khác.

Tuy nhiên, chung sống hòa-bình không phải là các dân-tộc nghèo yếu cam phận làm tôi-đòi cho các dân-tộc giàu mạnh. Nền hòa bình bền vững và chính đáng chỉ hình thành trên căn bản nhân ái, bình đẳng, tương kính, tương lợi, bất tương xâm, bất can thiệp vào nội bộ của nhau.

Ý-hệ và tổ-chức xã-hội là những niềm tin, những quan-niệm của một dân-tộc về các vấn đề của chính mình. Không được dùng áp-lực hay vũ lực bắt buộc dân-tộc này chấp nhận ý-hệ và mô-thức xã hội của dân-tộc khác.

Tất cả những thất bại làm nổi bật lên nhu yếu của loài người:

- * Phải chấm dứt thống trị dân tộc.
- * Phải chấm dứt cảnh người bóc lột người.
- * Phải xua đuổi được bóng dáng của chiến tranh.
- * Phải tạo những xã-hội hòa hài trong một thế

giới yên vui.

* Cần có một ý-thức-hệ mới trong công cuộc ổn-định nhân-loại trên thực sự nhân ái, chân bình đẳng, chân tự do, và tiến-bộ.

Trên “nhân bản”, “Cách mạng phải được quan-niệm là một vận-động tiến hóa, một nỗ-lực hòa nhập giữa những thực tại đối-lập để thiết dựng một sống mới tốt hơn cho cái chung và riêng (*La vraie nature d’une révolution est un mouvement progressif, un effort d’inter-intégration entre des réalités contradictoires pour établir une vie nouvelle à la fois pour l’ensemble et pour chacun.*) Nói cách khác, cách mạng là một nỗ-lực đưa ta vào người, đưa người vào ta, đưa chủ vào khách, đưa khách vào chủ, đưa đơn-vị vào toàn bộ, đưa toàn bộ vào đơn-vị, đưa hiện tại vào tương lai, hay ngược lại. “

(Vô Ngã, “Một Quan Niệm về Cách Mạng”, Nguyệt san Dân Ý số 25 tháng 10 năm 1996:)

Tiến hóa là nhu-cầu của đời sống, nhưng tiến hóa phải có một lý-tưởng và một phương châm, một cương thường luôn sẵn có trong tay những công cụ tinh-thần và vật chất luôn tiến hóa. Tiến hóa dựa vào sự tự giác trước thời đại, trên sự phản tỉnh về quá khứ, một phản quang đối với vũ-trụ, và một tiến hóa về tương lai.

Trong tập “Chu Tri Lục” (*Bộ Huấn*) viết ra để

cung-ứng cho những người phụng-sự cách mạng có được những nhận-thức cơ-bản trên phương diện thuần-túy lý luận trước khi bước vào đấu tranh:

Một số vấn đề thế-giới, thời-đại và nhân loại được đề ra. Những vấn đề chính này nếu không được giải-quyết một cách triệt-để thì dù có bất cứ hiệu-triệu nào cũng chỉ là giả dân chủ, giả chính nghĩa, hoặc chỉ để che lấp mưu đồ xấu xa và ác độc.

Qua lịch sử thế-giới cũng như lịch sử Việt, chúng ta thấy hầu hết các cuộc xâm lăng đều được núp dưới những danh nghĩa cao thượng, đẹp đẽ!

Một cuộc cách mạng nhân chủ thực sự phải ra đời để đả phá những lịch sử thối nát cũ, tu-chỉnh lại lịch sử lấy nhân chủ cương thường mà dẫn dắt.

Cho tới bây giờ, các nhà làm luật trên thế giới chỉ đề cao hai chữ “dân chủ”. Các triết gia Hoa Kỳ cũng chỉ đề nghị “tái định nghĩa dân chủ” (re-interpret democracy).

Lý Đông A, người đầu tiên nêu lên vấn đề nhân chủ. Nhân chủ chính là tiêu-chuẩn tối hậu. Nói đến dân chủ là nói về chính-thể của dân, do dân và vì dân. Còn nhân chủ là sự bảo-đảm các quyền căn bản của con người (quyền sinh sống trong phẩm cách, quyền tự do đi lại, tự do phát biểu, tự do mưu sinh và quyền mưu cầu hạnh phúc.

* Làm thế nào để giải phóng những giai tầng trong toàn thể thế-giới bị áp bách?

- Sự điều-linh của xã-hội và nhân loại là do thiếu tự giác về sự kết-cấu sinh hoạt của nhân dân hay nói

Từ “*đế tắc*” sang “*dân chủ*”.

Dân đấu tranh lẫn nhau để tiến tới một hình thái xã hội tốt đẹp hơn. Thời kỳ từ lúc loài người đặt ra các luật lệ, chế-độ giảm thiểu sự chém giết, tàn ác, bóc lột cho đến khi chấm dứt được sự tranh chấp giữa “người” với “người” là thời kỳ “nhân đạo tăng tiến”.

4-Nhân Đạo Ổn Định

Sau một thời gian dài đấu tranh lẫn nhau bằng lý luận cũng như bằng bạo lực, “con người” sẽ tìm ra chân lý, hạnh phúc của con người nằm ngay ở nhân đạo, và con người cần phải bảo vệ và phát triển “nhân đạo”. Con người sẽ đạt tới thời kỳ “nhân đạo ổn định”.

Đó là thời kỳ mà con người không còn dã tâm, thú tính, không còn tranh chấp hận thù, mọi dân tộc, mọi người đều sống trong hòa hài, hạnh phúc.

Thời gian hiện tại chỉ là thời kỳ chuyển hình để tất yếu hình thành một *THẾ GIỚI MỚI, QUỐC TẾ TẬP ĐOÀN AN TOÀN*.

Tiến trình lịch-sử của nhân loại đi theo con đường *tròn xoay tròn ốc có nút tết*, (*nhân đạo sơ khai, nhân đạo thành hình, nhân đạo thăng tiến và nhân đạo ổn định*). Hiện nay mới tới bờ dân chủ hóa, mong tiến tới an định từng vùng, và rồi đi tới *dại đồng thế giới (toàn cầu hóa)*. Đó là cái đích mong-mỏi của các quốc gia trên thế-giới.

Chúng ta có quyền tin tưởng vào tương lai đầy tình người của nhân loại, “*yêu nhau như bát nước đầy*”.

*

* Làm sao nắm giữ được vận mệnh để loài người giải thoát được những khổ nạn siêu hình ?

-Chỉ có một sự phản tỉnh của toàn thể loài người, gốc gác tự mình trên xã hội tự tính để giải thoát khỏi các luật tắc tự nhiên (*mi phọc của tự nhiên luật tắc*).

-Sự chi phối được vận mệnh là nhờ ở tinh thần “nhân chủ” của loài người bằng trí tuệ và tự giác viên mãn.

Vận hội cho loài người do thực tiễn, tự biết mình trong sự đưa dẫn mình làm nên lịch sử.

-Sự mạng của tôn giáo là khuyến trợ con người sống hợp “đạo đức” và giúp con người một phương pháp tu dưỡng để “ổn định tinh thần”. Tôn giáo nào đi đúng đường lối đó sẽ được xã hội chấp nhận.

Mọi khuynh-loát của tôn giáo vào nền chính trị quốc gia cần phải cấm chỉ. Tài sản của các giáo hội cần phải được giới hạn sao cho không thể có khả năng lũng-đoạn sinh hoạt kinh tế của quốc dân.

Nói tóm lại, ranh giới giữa thế quyền và giáo quyền phải được quy định một cách rõ-ràng để tránh mọi lạm dụng và khuynh loát.

Người là nguyên-nhân tạo ra sự thống nhất của ba phạm trù: “tự nhiên”, “xã hội” và “tư tưởng” trong mọi hiện tượng sống.

Ta cũng thấy rằng: không có người thì không có hiện tượng sống. Do đó, người chính là tiền đề đích thực của triết học, chứ không phải là “thần”, là “vật” hay là “sinh nguyên”.

Ta cũng thấy rằng: không có người thì không có hiện tượng sống. Do đó, người chính là tiền đề đích thực của triết học, chứ không phải là “thần”, là “vật” hay là “sinh nguyên”.

Sống có nghĩa là tranh đấu. Có tranh đấu mới có tiến bộ, nhưng tranh đấu phải nằm trong mục đích tiến hóa chung của tập thể.

Ở sống người cũng như ở muôn loài, sống là sống trong một dòng sống nối tiếp. Vật hay người không một cá thể nào tự sinh mà phải nảy sinh từ một dòng sống. Tất cả những cái “ta” mà ta có đều là thụ đắc trên đường trường sinh hoạt với xã hội. Cái ta trí thức, chính là do sự thụ đắc nơi học đường, sách vở, cái ta chủ nhân là do thụ đắc trong những sinh hoạt kinh tế.... Nói chung, danh phận một người đều do nó xây dựng trong khuôn khổ một xã hội. Khuôn khổ này sinh động và luôn luôn là những hệ số hoặc thuận hoặc nghịch cho công việc và kết quả của những xây dựng ấy.

“Sinh thế dị, trưởng thế nan (sinh ra đời là chuyện thường, nhưng làm nên công nghiệp mới khó). Làm người ai cũng phải chết, nhưng chết có nhiều cách. “Có cái chết nhẹ nhàng như chiếc lá bay lượn với làn gió thoảng như thầm bảo sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại, cả thời gian bám trên cành cây không giá trị bằng vài phút bay lượn nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần-ngại, rụt-rè, rồi khi gần tới mặt đất còn cố cất mình muốn bay trở lên cành cây; có chiếc lá như con chim lão-đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho chậm tới giây phút nằm phơi trên mặt đất...”¹

1- Khái Hưng, báo Phong Hóa số 17.

Lịch sử nhân loại đã vượt qua những bước:

1- Nhân đạo sơ khai (*thời kỳ con người còn ở lỗ trong hang sâu, núi thẳm, tranh đấu với thiên-nhiên để sống, còn. Con người mới chỉ biết kết hợp với nhau thành đàn...*)

2- Nhân đạo thành lập: Sau một thời gian dài của thời kỳ “nhân đạo sơ khai”, con người bắt đầu nhận ra sự khác biệt giữa “người” với tự nhiên, giữa “người” với thú vật, con người đã biết kết-hợp rộng rãi hơn để thành thị tộc, bộ lạc, dân tộc. Con người đã sống trong xã hội để đáp ứng “*xã hội tính*” và “*tự vệ únh*”.

Tuy sống trong đoàn thể, con người vẫn cảm thấy yếu đuối trước sự tấn công của thiên nhiên (bão tố, lũ lụt, động đất,...), loài người bắt đầu cầu xin thần linh phù trợ để con người có đủ khả năng chống chọi với mọi khó khăn do tự nhiên gây ra. Sự xuất hiện tín ngưỡng là dấu hiệu đặc biệt của thời kỳ “*nhân đạo thành lập*” Đó là thời kỳ “*thần tặc*”, loài người thờ rất nhiều thần: thần Sấm, thần Sét, thần Mưa, thần Gió, v.v....

3-Nhân đạo tăng tiến:

Loài người mỗi ngày tìm cách cải-thiện đời sống từ vật chất đến tinh thần sao cho các nhu-cầu căn bản được thỏa-mãn cao đẹp hơn, nên đã chuyển từ “*thần tặc*” sang “*lý tặc*”, “*đế tặc*”. Các kinh nghiệm sống được tích lũy từ đời này sang đời khác và trao truyền cho các thế hệ kế tiếp. Con “*người*” không còn sống trong “*tĩnh thái*” mà chuyển sang “*động thái*”, con “*người*” không còn thuần “*nhân*” mà thành “*dân*”.

9- **Arthur Cotterell**, “*China, A Cultural History*”, First Mentor Printing, October, 1990.

10-**Alfred Doublas**, “*I Ching, The Oracle of Change*”, G.P. Putnam’s Sons, New York 1971.

11-**Fitzgerald**, “*China, A Short Cultural History*”, Frederick A Pracger Publisher, N.Y. 1961.

12-**Herold J. Wiens**, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc. 1967.

13-**Herlee Glessner Creel**, “*The Birth of China*”, Frederick Ungar Publishing Co., New York, 1970.

14-**Henneth Scott Latourette**, “*The Chinese Their History and Culture*”, New York, The Macmillan Co.. 1954

15-**Wilhelm G. Solheim H. Ph. D.**, “*New Light On A Forgotten Past*”, National Geographic, vol. 139, No. 3 March, 1971.

16-**Charles O. Hucker**, “*China’s Imperial Past*”, Stanford University Press, Stanford California, 1975

17-**Wolfram Eberhard**, “*A History of China*”, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.



Bảng tóm lược những khác-biệt giữa Nhân Ái với Từ Bi và Bác Ái.

Từ bi	Nhân ái Việt	Bác ái
1-<i>Đối tượng</i>: - Toàn thể chúng sinh. 2- <i>Phương thức</i>: - Biến khách thành chủ. - Tứ đại giai không. - Cuộc sống ảo hóa. - Xả kỷ (quên mình, vong thân) 3-<i>Bối cảnh phát sinh</i>: - Chia rẽ, giai cấp. 4- <i>Phong cách</i>: - Yếm thế - Lý tưởng thành Bồ Tát. 5- <i>Nguyên lý</i>: - Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên.	-Đứng trên phạm trù người. -Tương nhượng, hòa nhập. - Liên hệ mật thiết trong tập thể. (<i>gia đình, dân tộc,...</i>) -Tương quan giữa người với ta. (Đối lập thống nhất) -Bình đẳng, hòa hài. -Sinh động. -Chẳng tiên mà chẳng tục. -Kín gán ở nguyên lý nước : (vô kỷ, vô công, vô ngôn).	-Động lực của Thượng Đế. -Chiếm hữu, bất tương nhượng, độc tôn. -Hướng về Thiên Chúa. -Một chiều. - Chủ nhân ông, nô lệ. -Con người được cứu vớt hay không tùy ơn Chúa. - Có điều kiện. “Mến Chúa yêu người”



Chữ “Hòa”

Sách Trích Dẫn



Tham Khảo

- 1- **Phan Bội Châu**, “*Việt Nam Vong Quốc Sử*”, nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957.
- 2- **X. Y. Thái Dịch Lý Đông A**: “*Huyết Hoa*” Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sài Gòn.
- 3- **Dương Quảng Hàm**, “*Việt Nam Văn Học Sử Yếu*”, Sống mới in lại, 1979.
- 4- **Ban Văn Học Hội Khai Trí Tiến Đức**, “*Việt Nam Tự Điển*”, Tổng Đoàn Thanh Niên Thiện Chí tái bản tại Hoa Kỳ, năm ?. Nguyệt san Ngày Về phát hành.
- 5- **Trần Trọng Kim**, “*Việt Nam Sử Lược*”, Sống Mới tái xb. 1978.
- 6- **Vô Ngã Phạm Khắc Hàm**, “*Triết Lý Lý Đông A*”, Bản thảo, 1998.
- 7- **Hoài Nguyên & Đình Khang Hoạt**, “*Vấn Đề Văn Hóa Việt*”, 1994.

*Chân thành ghi ơn quý tác-giả
có tên trên những tác-phẩm đã trích dẫn
hay tham chiếu khi biên soạn.*

*Cám ơn các anh, chị em thân thích
yểm trợ cho công việc biên soạn đi đến
thành công cho việc xuất bản những tác
phẩm “tìm hiểu văn-hóa Việt”.*

*Đa tạ,
Dinh Khang.*

Mục Lục

Thay Lời Tựa	i
Chương Dẫn Nhập	1
Lược Tóm 3 chủ nghĩa: Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh	1
A/ Duy Tâm	.6
B/ Duy Vật	.7
C/ Duy Sinh	.9
Chương II: Tính người qua các học-thuyết và Tông Giáo:	17
II-1/ Tính người (Lòng nhân ái)	19
* Tiểu sử Khổng Tử	.19
* Thời đại Tiên Tần	.20
* Trong thời Đông Chu	.23
- Khổng Nho	.23
- Mặc gia	.24
- Dương Chu	.24
* Chữ “nhân” trong Khổng học	.24
II-2/ Nhân theo Lão giáo:	.38
A/ Thân thế Lão Tử	.38
B/ Tương quan giữa “nước” với “tính người” trong Đạo Đức Kinh	.39
C/ Đặc tính của “Nước”	.40
II-3/ Từ Bi trong Phật giáo:	.45
A/ Thời đại Bà La Môn	.45
B/ Sự tích Phật Thích Ca	.47

II-4/ Công bằng, Bác-ái trong Thiên Chúa giáo:	57
A/ Lược sử cuộc đời Chúa Jesus. . .	57
B/ Bác ái trong Ki-tô giáo:	58
II-5/ Minh triết Việt:	64
“Thương người như thể thương thân”	64
* Biện chứng :	70
* Tham luận mở rộng: Bản vị học thuyết - Biện chứng	73
Chương III: Tình thương nơi người Việt, Ái ngữ hoa:	81
III-1/ Nhân ái hoa:	83
III-2/ Hoa Chính Khí	87
III-3/ Hoa Bất Tử:	89
III-4/ Gươm Thiêng Ài Quốc hoa	92
III-5/ Đóa hoa kính Mẹ	07
III-6/ Tri âm hoa	105
III-7/ Ái chúng hoa	107
III-8/ Hoa Bách Niên	111
III-9/ Bảng tóm tắt tình người trong số Tư tưởng - Triết học - Tông giáo . . .	115
Chương IV: Những khác biệt tính người giữa các tư- tưởng & Tông giáo:	123
IV-1/ Đạo học với Triết học:	125
IV-2/ Nhược điểm của triết học khi nhìn qua một lăng kính:	125
IV-3/ Đánh giá các quan-điểm về “Tính người”:	126
* Sự thất bại của Duy Tâm.	128

* Sự thất bại của Duy vật	132
* Sự thất bại của Duy Sinh	133
* Minh triết Việt với Từ Bi và Bác ái	135

Chương V: Đạo sống Việt, nền minh triết ẩn tàng sáng chiếu cho tương lai: 141

V-1/ Minh triết Việt, một nền triết học ẩn tàng	144
--	-----

V-2/ Những lớp sơn ngoại hóa:	164
---	-----

A/ Lớp sơn Bắc thuộc:	164
---------------------------------	-----

B/ Lớp sơn Hán Nho:	165
-------------------------------	-----

* Xuyên tạc “Trời”	166
------------------------------	-----

* Mạo hóa “Phong kiến truyền hiền”	167
---	-----

* Mạo hóa Tung Tán	167
------------------------------	-----

C/ Lớp sơn cáo các Tông giáo.	171
---------------------------------------	-----

- Phật giáo	171
-----------------------	-----

- Thiên Chúa giáo	172
-----------------------------	-----

V-3/ Nền minh triết Việt thích ứng cho thời đại hôm nay:	179
---	-----

* Nhân Bản	179
----------------------	-----

* Nhân chủ	180
----------------------	-----

* Nhân sinh hòa hài	183
-------------------------------	-----

V-4/ Tiếng ca thanh bình vang dội khắp hoàn cầu:	185
---	-----

Kết luận	193
--------------------	-----

Sách Trích dẫn và Tham khảo	
---------------------------------------	--

Mục lục:	
--------------------	--



*Danh sách Mạnh Thường Quân đã hỗ trợ
trong công việc “tìm về Văn Hóa Việt.”*

<i>Danh Tính</i>	<i>Địa chỉ</i>
<i>Cụ Trần Trọng Phúc</i>	-240 S Rengstorff Ave. Mountain View, CA 94040
<i>Ô. Nguyễn Huy Hân</i>	-1600 4th St. NE-1123 Dover Rd., Pontiac, MI 48341.
<i>Ô. B. Trình Mạnh Ái</i>	-1032, SW 63rd st., OKC, OK 73139.
<i>Ô. B. Trần văn Dương</i>	-2832 Hostetter Rd. San Jose, CA 95132
<i>Ô. B. Nguyễn Duy Trại</i>	-3126 1st St., #86 Santa Ana, CA, 92703
<i>Ô. B. Đặng Hữu Thạt</i>	-28105 Meadow Land Dr. Yorba Linda, CA 92887.
<i>Ô. Alfonse T. Nguyễn</i>	-1600 4th St., NE Minneapolis, MN 55413
<i>Ô. B. Nguyễn Thu Khoa</i>	-3009 Garfield Ave. Costa Mesa, Ca. 92626.
<i>Ô. B. Paul VuKỵ</i>	-432 NW 170th Dr., Beaverton, OR 97006.
<i>Ô. B. Vu Mạnh Hùng</i>	-15870 SW Tulus Pl., Beaverton, OR 97007.
<i>Ô. B. Dương N. Dược</i>	-8020 Montara Ave, San Diego, CA, 92120.
<i>Ô. B. Trần Văn Hào</i>	-8932 SW Bell Floor St., Tigard, OR 97224.

*

*Cảm nhận sâu xa sự yểm trợ và khích lệ vô giá của
thân thuộc trong công cuộc phát huy văn hóa Việt.*

Đình Khang Hoạt.

Thư từ và ngân phiếu
xin gửi về:

Ô. Đình Khang Hoạt
3114 NE 52nd Ave.

Portland, OR. 97213

Email: hoatdinh@gmail.com

*Copyright © 2011 by Đình Khang
All rights reserved*